

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017

Quản trị chặt chẽ
Tăng tốc đầu tư
Phát triển thị trường
Tăng cường nhân lực



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017

Mục lục

I/ Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	1
II/ Thông tin chung.....	3
1. Tổng quan về Tập đoàn	3
2. Tầm nhìn – Sứ mệnh, Văn hóa doanh nghiệp, Khẩu hiệu – Biểu tượng	4
3. Các sự kiện nổi bật.....	5
4. Thông tin về tổ chức và nhân sự	7
5. Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính.....	14
III/ Tình hình hoạt động năm 2017	15
1. Báo cáo hoạt động và đánh giá của Hội đồng quản trị (HĐQT)	15
2. Báo cáo đánh giá của Ban Kiểm soát (BKS).....	19
3. Báo cáo hoạt động của Cơ quan điều hành.....	23
IV/ Quan hệ với cổ đông - nhà đầu tư	29
1. Thông tin cổ phần	29
2. Cơ cấu cổ đông.....	29
3. Thông tin cổ đông lớn.....	29
4. Quan hệ với cổ đông và nhà đầu tư	30
V/ Báo cáo phát triển bền vững.....	31
1. Chính sách liên quan đến người lao động	31
2. Môi trường và năng lượng.....	32
3. Hoạt động cộng đồng	34
VI/ Báo cáo kiểm toán hợp nhất.....	36

I/ Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Kính thưa quý cổ đông,

Thay mặt Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Tập đoàn Dệt May Việt Nam (VINATEX), tôi xin gửi tới Quý cổ đông, Nhà đầu tư lời chào trân trọng nhất cùng lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Năm 2017, trong bối cảnh kinh tế chính trị thế giới có nhiều diễn biến khó lường, tổng cầu dệt may thế giới năm thứ 3 liên tiếp không tăng, thị trường trong nước còn khó khăn, nhưng với sự chỉ đạo sát sao, linh hoạt, quyết liệt của Hội đồng quản trị; sự năng động, nhạy bén của Cơ quan điều hành cùng với nỗ lực, quyết tâm, chung sức đồng lòng của toàn thể cán bộ, công nhân viên, người lao động trong toàn hệ thống đã giúp cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam vượt qua khó khăn, thách thức, hoàn thành cơ bản các nhiệm vụ mà cổ đông và các bên liên quan giao.

Trong giai đoạn này, những thách thức về đầu tư thiết bị theo xu thế của cuộc cách mạng công nghệ 4.0, sự thiếu hụt nguồn nhân lực chất lượng cao, thiếu gắn kết trong chuỗi cung ứng dệt may đang là những lực cản kìm hãm sự phát triển của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Năm 2018 dự báo nền kinh tế - chính trị - xã hội thế giới vẫn tiềm ẩn những nguy cơ mới khó lường, thị trường trong nước vẫn chịu sự cạnh tranh khốc liệt của hàng giá rẻ, hàng nhập lậu, hàng giả của các nước trong khu vực và cả trong nước, v.v. Đứng trước tình hình đó, Tập đoàn quyết tâm giải quyết các mặt còn hạn chế, tăng nhanh khả năng cạnh tranh và hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới. Cụ thể là:

- ❖ Tiếp tục nâng cao năng lực quản lý và quản trị doanh nghiệp, đặc biệt là năng lực dự báo, định hướng và giải quyết các khó khăn trong thực hiện mục tiêu nhiệm vụ, cấu trúc lại bộ máy tổ chức của Tập đoàn theo hướng chuyên nghiệp, tinh gọn, đa năng và tập trung vào các chức năng quản trị, tài chính, đầu tư, rủi ro và kiểm soát; trong đó đặc biệt chú trọng công tác quản trị rủi ro liên tục, xuyên suốt trong dài hạn.
- ❖ Tập trung đầu tư chiều sâu và khai thác hiệu quả các dự án dệt may và các dự án hạ tầng còn tồn đọng, ứng dụng thành tựu thiết bị công nghệ hiện đại của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 theo hướng phát triển bền vững, thân thiện môi trường và tiết kiệm năng lượng. Đẩy mạnh đa phương hóa, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, xây dựng chiến lược bán hàng ổn định, bền vững, trên cơ sở thiết lập hệ thống khách hàng thân thiết, hợp tác lâu dài.
- ❖ Đào tạo, tuyển dụng nguồn nhân lực chất lượng cao, giải quyết tốt bài toán động lực và khả năng chịu áp lực của đội ngũ quản lý và người lao động; tạo môi trường làm việc thật sự hấp dẫn và quan tâm đến người lao động - đặc biệt là cơ chế chính sách thu hút và sử dụng nhân tài. Trách nhiệm, tích cực với vấn đề an sinh xã hội quốc gia, nâng cao vị thế vai trò trong việc chăm lo đời sống cho người lao động VINATEX.

- ❖ Tiếp tục nâng cao hàm lượng khoa học, kỹ thuật công nghệ vào sản xuất kinh doanh để tạo ra sản phẩm mới khác biệt, giảm chi phí sản xuất, bảo vệ môi trường, đem lại giá trị gia tăng cao cho các sản phẩm dệt may. Gắn kết chuỗi liên kết nội bộ doanh nghiệp của Tập đoàn với các tổ chức kinh tế khác để phát huy hiệu quả sức mạnh tổng hợp doanh nghiệp.
- ❖ Xây dựng văn hóa Tập đoàn trên tinh thần kế thừa và phát huy các giá trị truyền thống đồng thời tiến tới chuyên nghiệp, trách nhiệm, hiệu quả; phát huy tinh thần đoàn kết, tương thân, tương ái, thực hiện tích cực và có kết quả vượt trội các nhiệm vụ kinh tế - xã hội và văn hóa cốt lõi của Tập đoàn.

Thay mặt Hội đồng quản trị Tập đoàn, tôi xin gửi lời tri ân chân thành nhất đến Quý cổ đông, nhà đầu tư đã đồng hành cùng Tập đoàn trong thời gian qua. Tập đoàn Dệt May Việt Nam cam kết sẽ tiếp tục phát huy lợi thế, năng lực hiện có, tận dụng mọi thời cơ cùng với sự nỗ lực, quyết tâm vươn lên để vượt qua mọi thách thức, cùng chung tay để xây đắp nên ngôi nhà chung VINATEX ngày càng phát triển mạnh mẽ đồng thời luôn đảm bảo quyền lợi tốt nhất đến Quý cổ đông, nhà đầu tư, thỏa mãn ngày càng cao đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ, công nhân viên, người lao động đồng thời kêu gọi các cổ đông, các nhà đầu tư và toàn thể người lao động tiếp tục gắn bó, chia sẻ, đồng hành cùng Tập đoàn Dệt May trong giai đoạn mới với nhiều thay đổi về cơ cấu vốn và các chỉ tiêu kế hoạch mới cho sự phát triển nhanh, mạnh, bền vững của Tập đoàn.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Trần Quang Nghị

II/ Thông tin chung

1. Tổng quan về Tập đoàn

Tên tiếng Việt:	TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM
Tên tiếng Anh:	VIETNAM NATIONAL TEXTILE AND GARMENT GROUP
Tên giao dịch:	VINATEX
Vốn điều lệ:	5.000.000.000.000 đồng (Năm nghìn tỷ đồng)
Địa chỉ:	VP HN: 41A Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam VP HCM: 10 Nguyễn Huệ, Quận 1, Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại	(+84) 04 3825 7700
Fax:	(+84) 04 3826 2269
Website:	www.vinatex.com.vn

2. Tầm nhìn – Sứ mệnh, Văn hóa doanh nghiệp, Khẩu hiệu – Biểu tượng

2.1. Tầm nhìn – Sứ mệnh

- Xây dựng giá trị và sự hài lòng cho khách hàng bằng cách thiết lập Tập đoàn Dệt May Việt Nam trở thành nhà sản xuất hàng dệt may hàng đầu của khu vực và thế giới, có khả năng cung cấp cho khách hàng các dịch vụ trọn gói trên toàn chuỗi cung ứng, thời trang, chất lượng cao và thân thiện với môi trường.
- Đạt hiệu quả sản xuất cao nhờ liên tục cải thiện chất lượng quản lý và chất lượng nguồn nhân lực, đổi mới công nghệ, chăm lo đời sống cho người lao động và có trách nhiệm với xã hội.

2.2. Văn hóa doanh nghiệp

- Hiểu công việc mình làm.
- Yêu nghề, nhiệt huyết, có thái độ tích cực đối với công việc.
- Không đổ lỗi, không né tránh trách nhiệm, sẵn sàng nhận lỗi khi có sai sót.
- Không ngừng học hỏi, biết lắng nghe, tiếp thu ý kiến đóng góp để hoàn thiện bản thân, nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc.
- Luôn đổi mới sáng tạo, làm việc có kế hoạch, tìm kiếm các giải pháp để hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- Tự hào về thành tích tập thể, đoàn kết hợp tác, đồng lòng vì mục tiêu chung, nhiệm vụ chung.

2.3. Khẩu hiệu: “*Gấm vóc non sông, hào khí lạc hồng*”

2.4. Biểu tượng



VINATEX

- Biểu tượng của VINATEX lấy ý tưởng tạo hình là những dải lụa mềm mại. Biểu tượng cũng là sự kết hợp của 2 chữ V (Việt Nam) và chữ T (Textile). Hình elip xanh dương tượng trưng cho trái đất, thể hiện cho định hướng vươn ra, hội nhập với thị trường thế giới của VINATEX. Hình elip bao quanh biểu tượng chữ “VT” còn thể hiện tinh thần đoàn kết, thống nhất của Tập đoàn và các đơn vị thành viên trong Tập đoàn.
- Dòng chữ “VINATEX” được thiết kế theo kiểu chữ Arial Black mạnh mẽ thể hiện cho thế đứng vững chắc của VINATEX trên thị trường.
- Biểu tượng sử dụng màu xanh dương đậm, thể hiện tính truyền thống, sang trọng mang lại cảm giác ổn định, đáng tin cậy của thương hiệu VINATEX.

3. Các sự kiện nổi bật

Quá trình hình thành và phát triển của VINATEX gắn liền với lịch sử hình thành và phát triển ngành dệt may Việt Nam. VINATEX luôn giữ vị trí nòng cốt, đóng góp đáng kể vào sự phát triển của ngành.

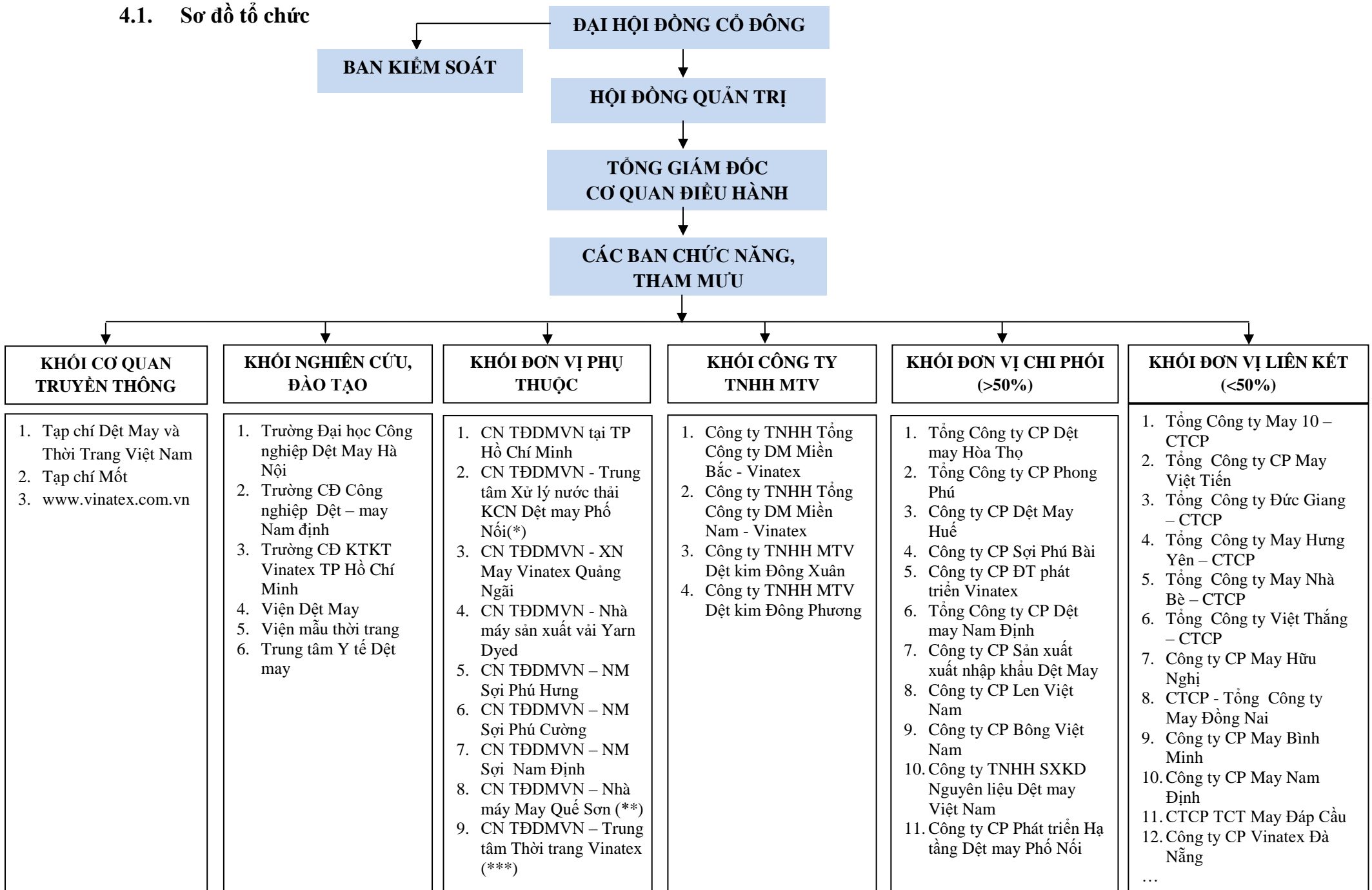
Các mốc phát triển cụ thể:

- Tháng 4 năm 1995: Tổng Công ty Dệt May Việt Nam tiền thân của Tập đoàn Dệt May Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 253/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 1995 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở sáp nhập các doanh nghiệp thuộc Tổng Công ty Dệt Việt Nam và Liên hiệp Sản xuất - Xuất nhập khẩu May.
- Tháng 6 năm 2000: Tổng Công ty Dệt May Việt Nam vinh dự được Chủ tịch nước trao tặng phần thưởng cao quý: Huân chương Độc lập hạng Ba năm 2000 theo Quyết định số 222/KT-CTN ngày 08/6/2000.
- Tháng 10 năm 2005: Tổng Công ty Dệt May Việt Nam nhận Huân chương Hồ Chí Minh năm 2005 theo Quyết định số 1240/QĐ-CTN ngày 11/10/2005 của Chủ tịch nước.
- Tháng 12 năm 2005: Tập đoàn Dệt May Việt Nam được thành lập trên cơ sở sắp xếp, tổ chức lại Tổng Công ty Dệt May Việt Nam và các đơn vị thành viên tại “Đề án thí điểm thành lập Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con” đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 314/2005/QĐ-TTg ngày 02/12/2005, cùng ngày Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam cũng được thành lập theo Quyết định số 316/2005/QĐ-TTg.
- Tháng 5 năm 2010: Tập đoàn Dệt May Việt Nam vinh dự nhận Huân chương Sao vàng năm 2010 của Chủ tịch nước theo Quyết định số 546/QĐ-CTN ngày 05/5/2010.
- Tháng 6 năm 2010: Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 974/QĐ-TTg ngày 25/06/2010 về việc chuyển Công ty Mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam (VINATEX) thành Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu.
- Tháng 2 năm 2013: Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 8/2/2013 về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Dệt May Việt Nam giai đoạn 2013-2015.
- Tháng 10 năm 2013: Chính phủ ban hành Nghị định số 118/NĐ-CP ngày 9/10/2013 về việc phê duyệt Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
- Tháng 5 năm 2014: Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 06 tháng 05 năm 2014 về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
- Tháng 9 năm 2014: Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện thành công bán cổ phần lần đầu ra công chúng vào ngày 22/9/2014.

- Tháng 1 năm 2015: Tập đoàn Dệt May Việt Nam tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông lần đầu ngày 08/01/2015 và được Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần vào ngày 29/01/2015.
- Tháng 12 năm 2015: Tập đoàn Dệt May Việt Nam vinh dự được Đảng và Nhà nước trao tặng phần thưởng cao quý: Danh hiệu Anh hùng lao động theo Quyết định số 2688/QĐ-CTN ngày 02/12/2015 của Chủ tịch nước.
- Tháng 3 năm 2016: Tập đoàn Dệt May Việt Nam thành lập Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt may Miền Bắc theo Quyết định số 203/QĐ-TĐDMVN, thành lập Công ty TNHH tổng Công ty Dệt may Miền Nam theo Quyết định số 206/QĐ-TĐDMVN.
- Tháng 8 năm 2016: Tập đoàn Dệt May Việt Nam triển khai dự án "Tur vãn Nâng cao năng lực Quản lý và Quản trị doanh nghiệp" với đơn vị tư vấn E&Y Việt Nam.
- Tháng 1 năm 2017: Cổ phiếu Tập đoàn Dệt May Việt Nam chính thức giao dịch trên thị trường UPCoM với mã chứng khoán VGT.
- Tháng 5 năm 2017: Tập đoàn Dệt May Việt Nam được vinh danh trong Chương trình "Vinh quang Việt Nam năm 2017", là 1 trong 30 tổ chức tiêu biểu của cả nước trong 30 năm đổi mới nhờ thành tích đưa thương hiệu Việt Nam đến các thị trường trên thế giới.

4. Thông tin về tổ chức và nhân sự

4.1. Sơ đồ tổ chức



Ghi chú:

(*): Chi nhánh chấm dứt hoạt động theo Nghị quyết số 07/NQ-TĐDMVN ngày 07/04/2018 của HĐQT.

(**): Thành lập theo Nghị Quyết số 04/NQ-TĐDNVN ngày 15/03/2018 của HĐQT.

(***): Thành lập theo Nghị Quyết số 03/NQ-TĐDNVN ngày 15/03/2018 của HĐQT.

4.2. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Cơ quan Điều hành**4.2.1. Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị (HĐQT) là cơ quan quản lý của Tập đoàn, có toàn quyền nhân danh Tập đoàn quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) và/hoặc quyết định các công việc khi được ĐHĐCĐ giao. HĐQT hiện tại gồm 07 thành viên.

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Tập đoàn	Ghi chú
1	Trần Quang Nghị	Chủ tịch HĐQT	
2	Lê Tiến Trường	Thành viên HĐQT - TGD	
3	Đặng Vũ Hùng	Thành viên HĐQT - PTGD	
4	Phạm Phú Cường	Thành viên HĐQT - PTGD	
5	Lê Khắc Hiệp	Thành viên HĐQT	
6	Lê Đình Ngọc	Thành viên HĐQT độc lập	Có Thư từ chức TV HĐQT ngày 02/04/2018
7	Don Di Lam	Thành viên HĐQT độc lập	Có Thư từ chức TV HĐQT ngày 29/01/2018

ÔNG TRẦN QUANG NGHỊ**Chủ tịch HĐQT**

Ông Trần Quang Nghị được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị vào tháng 01/2015. Chủ tịch Trần Quang Nghị có hơn 35 năm kinh nghiệm trong ngành Dệt May, là một người trưởng thành từ thực tế, hiểu biết sâu sắc và toàn diện về ngành dệt may. Trước khi tham gia quản lý, điều hành tại Tập đoàn, ông Trần Quang Nghị là Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phong Phú - một đơn vị hàng đầu của ngành dệt may Việt Nam. Ông Trần Quang Nghị là người quản lý đầy nhiệt huyết, quyết liệt trong quản trị và điều hành, là người đưa ra định hướng, chiến lược và mục tiêu phát triển của Tập đoàn.

Ông Trần Quang Nghị đã được nhận nhiều bằng khen, huân chương của Đảng và Nhà nước trao tặng.

ÔNG LÊ TIẾN TRƯỜNG**Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc**

Ông Lê Tiến Trường được bổ nhiệm Tổng Giám đốc từ tháng 01/2015. Ông Lê Tiến Trường có hơn 20 năm làm việc trong ngành Dệt May Việt Nam và có hơn 10 năm công tác tại Tập đoàn, từng giữ các chức vụ Giám đốc Điều hành, Phó Tổng Giám đốc Thường trực, Thành viên Hội đồng Thành viên - Tổng Giám đốc trước khi Tập đoàn được cổ phần hóa.

Ông Lê Tiến Trường: kỹ sư cơ khí, thạc sỹ quản trị nhân lực, từng tu nghiệp sau đại học tại INSEAD (Pháp), Ashridge (Anh), AIT (Thái Lan), Havard (Mỹ), là người được đào tạo bài bản, chuyên sâu, đặc biệt là về quản trị doanh nghiệp. Ông là người quản lý có tầm nhìn, tư duy chiến lược, khả năng nắm bắt, nhận định vấn đề và đưa ra các quyết định chỉ đạo sáng suốt trong quản lý và điều hành Tập đoàn.

ÔNG ĐẶNG VŨ HÙNG

Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Ông Đặng Vũ Hùng có gần 20 năm kinh nghiệm trong ngành Dệt May, là người được đào tạo chuyên sâu về ngành Dệt May với học vị Tiến sỹ Công nghệ Dệt. Ông đã đảm nhiệm các chức vụ GD nhà máy Sợi OE-Công ty Dệt Phong Phú, TGD Công ty CP Quốc tế Phong Phú, Chủ tịch HĐQT-TGD Công ty TNHH MTV Dệt 8-3, v.v.

ÔNG PHẠM PHÚ CƯỜNG

Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Ông Phạm Phú Cường là Thạc sỹ Kinh tế, với trên 20 năm kinh nghiệm và gắn bó với ngành Dệt May. Ông đã từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng như GĐĐH Công ty CP May Nhà Bè, Phó TGD, TGD và Chủ tịch Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP, Chủ tịch HĐQT-TGD TCT Dệt May Miền Nam, v.v. Ông đã từng đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp Bộ Công Thương và được nhận bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

ÔNG LÊ KHẮC HIỆP

Thành viên HĐQT

Ông Lê Khắc Hiệp hiện là Phó CT HĐQT Tập đoàn Vingroup - Công ty CP. Ông tốt nghiệp trường Đại học Tổng hợp Kharkov – Ucraina (Liên Xô cũ) với học vị Tiến sỹ vật lý. Ông gia nhập Vingroup năm 2004 và giữ nhiều vị trí quan trọng như Tổng Giám đốc, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vincom, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chứng khoán Vincom.

ÔNG LÊ ĐÌNH NGỌC

Thành viên HĐQT độc lập

Ông Lê Đình Ngọc hiện là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Tín Phát, Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam, Tổng giám đốc Công ty CP tập đoàn trường Thành Việt Nam. Ông là một chuyên gia có kinh nghiệm lâu năm trong ngành Chứng khoán - Ngân hàng, có học vị Thạc sỹ tài chính

Ngân hàng và Thị trường tiền tệ, từng kinh qua nhiều vị trí quan trọng như: Tổng Giám đốc, Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Chứng khoán Thăng Long, Phó TGD Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam, Chủ tịch HĐQT CTy chứng khoán Maritime.

Ông Lê Đình Ngọc có Thư từ chức thành viên HĐQT Tập đoàn Dệt May Việt Nam kể từ ngày 02/04/2018. Theo đó, ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 sẽ xem xét thông qua theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tập đoàn.

ÔNG DON DI LAM

Thành viên HĐQT độc lập

Ông Don Di Lam hiện là Tổng Giám đốc Tập đoàn VinaCapital. Ông từng kinh qua nhiều vị trí quan trọng tại các công ty và Tập đoàn lớn như Giám đốc Tập đoàn Deutsche Bank Việt Nam, Giám đốc khối tư vấn doanh nghiệp Công ty kiểm toán PriceWaterhouseCoopers Vietnam.

Ông Don Di Lam có Thư từ chức thành viên HĐQT Tập đoàn Dệt May Việt Nam kể từ ngày 29/01/2018. Theo đó, ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 sẽ xem xét thông qua theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tập đoàn.

4.2.2. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát (BKS) được bầu bởi ĐHĐCĐ của Tập đoàn và hiện có 05 thành viên.

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Tập đoàn
1	Nguyễn Thị Minh Hiền	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Nguyễn Thị Kim Dung	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Phan Thanh Sơn	Thành viên Ban Kiểm soát
4	Lê Thị Ánh Ngọc	Thành viên Ban Kiểm soát
5	Nguyễn Thị Thanh Hà	Thành viên Ban Kiểm soát

BÀ NGUYỄN THỊ MINH HIỀN

Trưởng Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Minh Hiền là Cử nhân Kinh tế tại trường Đại học Tài chính Kế toán, có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán. Bà từng đảm nhận nhiều vị trí quan trọng tại Tập đoàn Việt Nam như: Phó Trưởng ban Tài chính - Kế toán Tổng Công ty Dệt May Việt Nam (nay là Tập đoàn Dệt May Việt Nam), Trưởng Ban Pháp chế Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

BÀ NGUYỄN THỊ KIM DUNG

Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Kim Dung tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế Quốc Dân. Bà có nhiều năm giữ những vị trí công tác gắn liền với lĩnh vực tài chính kế toán như: Trưởng phòng Kế toán Công ty May Đức Giang (nay là Tổng Công ty Đức Giang - CTCP), Kế toán trưởng Công ty CP May Hồ Gươm, Phó Trưởng Ban Kiểm soát, Phó Trưởng Ban Kiểm soát nội bộ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

ÔNG PHAN THANH SƠN

Thành viên Ban Kiểm soát

Ông Phan Thanh Sơn tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế Tài chính, có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính. Ông từng đảm nhận các vị trí: Trưởng ban kiểm toán nội bộ, Ủy viên Ban kiểm soát Tổng công ty Dệt May Việt Nam, Kế toán trưởng Công ty Len Việt Nam, Phó Ban Tài chính Kế toán, Phó Ban Kiểm soát nội bộ Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

BÀ LÊ THỊ ÁNH NGỌC

Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Lê Thị Ánh Ngọc hiện là Giám đốc điều hành Tổng Công ty CP Phong Phú. Bà tốt nghiệp Cử nhân Quản trị Kinh doanh và từng đảm nhận nhiều vị trí công tác như: Phó Ban KD BĐS kiêm GD sàn giao dịch BĐS Nam Cường - Tập đoàn Nam Cường, Trưởng ban Tiếp nhận và Bàn giao BĐS kiêm Phó Ban KD BĐS - Tập đoàn Vingroup, Giám đốc Phát triển Dự Án, Giám đốc điều hành Tổng Công ty CP Phong Phú

BÀ NGUYỄN THỊ THANH HÀ

Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà hiện là Chuyên viên Ban Tài chính – Tập đoàn Vingroup - Công ty CP. Bà tốt nghiệp Cử nhân ngành Kế toán chuyên ngành Kiểm toán. Bà Nguyễn Thị Thanh Hà có gần 10 năm công tác tại các doanh nghiệp như: Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, Công ty TNHH MTV VTC Công nghệ và nội dung số, Tập đoàn Vingroup - Công ty CP.

4.2.3. Cơ quan Điều hành

Cơ quan điều hành (CQĐH) thực hiện điều hành hoạt động kinh doanh theo mục tiêu, kế hoạch đã được HĐQT phê duyệt. CQĐH của Tập đoàn bao gồm 01 Tổng Giám đốc cùng với một số Phó Tổng Giám đốc, một số Giám đốc Điều hành và một Kế toán trưởng.

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Tập đoàn	Ghi chú
1	Lê Tiến Trường	TV. HĐQT – Tổng Giám đốc	
2	Đặng Vũ Hùng	TV. HĐQT – Phó Tổng Giám đốc	
3	Phạm Phú Cường	TV. HĐQT – Phó Tổng Giám đốc	

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Tập đoàn	Ghi chú
4	Lê Trung Hải	Phó Tổng Giám đốc	
5	Phạm Duy Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	Thôi điều hành tại Tập đoàn để nghỉ chế độ từ ngày 01/3/2018.
6	Phạm Nguyên Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	
7	Hoàng Vệ Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Thôi điều hành tại Tập đoàn để nghỉ chế độ từ ngày 01/3/2018.
8	Nguyễn Đức Khiêm	Phó Tổng Giám đốc	
9	Nguyễn Khánh Sơn	Giám đốc Điều hành kiêm GD TT Đào tạo CBQL doanh nghiệp dệt may	
10	Phạm Văn Tân	Giám đốc Điều hành kiêm Kế toán trưởng	
11	Lê Mạc Thuấn	Giám đốc Điều hành	
12	Phạm Minh Hương	Giám đốc Điều hành kiêm Giám đốc Chi nhánh TĐDMVN tại TP HCM	
13	Cao Hữu Hiếu	Giám đốc Điều hành	Bổ nhiệm từ ngày 01/02/2018

Ông Lê Tiến Trường

Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

(Thông tin chi tiết xem tại Mục 4.2.1 Hội đồng quản trị – Trang 9).

Ông Đặng Vũ Hùng

(Thông tin chi tiết xem tại Mục 4.2.1 Giới thiệu Hội đồng quản trị – Trang 9)

Ông Phạm Phú Cường

(Thông tin chi tiết xem tại Mục 4.2.1 Giới thiệu Hội đồng quản trị – Trang 9)

Ông Lê Trung Hải - Phó Tổng giám đốc: kỹ sư chuyên ngành dệt, kỹ sư hóa nhuộm, là người trưởng thành từ thực tiễn quản lý và điều hành doanh nghiệp với gần 40 năm kinh nghiệm trong ngành Dệt May. Ông từng giữ nhiều vị trí quan trọng như: Giám đốc Nhà máy Dệt - Công ty Dệt Phong Phú, Phó TGD Công ty Dệt Phong Phú, TGD Công ty Dệt Phước Long, GĐĐH Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Ông Phạm Duy Hạnh - Phó Tổng giám đốc: cử nhân tài chính. Thạc sỹ QTKD với gần 40 năm kinh nghiệm trong ngành Dệt May. Ông từng đảm nhiệm các vị trí quan trọng như Tổng Giám đốc, Chủ tịch HĐQT Công ty CP May Nam Định thuộc Tập đoàn Dệt May Việt Nam, UV HĐQT kiêm Trưởng Ban Kiểm soát Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Ông thôi điều hành tại Tập đoàn để nghỉ chế độ từ ngày 01/3/2018.

Bà Phạm Nguyên Hạnh - Phó Tổng giám đốc: cử nhân tài chính, Thạc sỹ QTKD có gần 30 năm công tác trong ngành Dệt May và từng giữ nhiều vị trí quan trọng như: Kế toán trưởng, GĐĐH, Phó TGD Công ty May Đức Giang, Trưởng Ban TCKT, Kế toán trưởng, GĐĐH Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Ông Hoàng Vệ Dũng - Phó Tổng giám đốc: Ông từng đảm nhận nhiều vị trí quan trọng như: Chủ tịch HĐQT/TGD Công ty May Đức Giang (nay là Tổng Công ty Đức Giang - CTCP), GĐĐH Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Ông thôi điều hành tại Tập đoàn để nghỉ chế độ từ ngày 01/03/2018.

Ông Nguyễn Đức Khiêm - Phó Tổng giám đốc: kỹ sư chuyên ngành dệt, là người có nhiều năm gắn bó và có kinh nghiệm gần 40 năm trong ngành Dệt May. Ông từng giữ nhiều vị trí quan trọng như: Phó TGD Tổng công ty Việt Thắng, Chủ tịch HĐQT – TGD Tổng công ty Việt Thắng, GĐĐH Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Ông Nguyễn Khánh Sơn - Giám đốc điều hành: kỹ sư chuyên ngành sợi, Thạc sỹ Quản trị Doanh nghiệp với hơn 30 kinh nghiệm trong ngành Dệt May. Ông đã đảm nhận các vị trí quan trọng như Phó TGD Công ty Dệt May Hà Nội, TGD Tổng công ty CP Dệt May Hà Nội, Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Tổng công ty CP Dệt May Hà Nội.

Ông Phạm Văn Tân - Giám đốc điều hành kiêm Kế toán trưởng: là người được đào tạo bài bản, chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính với học vị Thạc sỹ tài chính và có hơn 20 năm gắn bó với ngành Dệt May. Ông từng giữ nhiều vị trí quan trọng như Phó phòng Kế toán Công ty May Đức Giang, Kế toán trưởng Công ty CP Hóa Dầu và Xơ sợi Dầu khí, Phó Ban Tài chính Kế toán, Trưởng Ban Tài chính Kế toán Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Ông Lê Mạc Thuấn - Giám đốc điều hành: Ông có hơn 30 năm kinh nghiệm trong ngành Dệt May với trình độ chuyên môn là Thạc sỹ Quản trị kinh doanh. Ông đã đảm nhiệm các chức vụ quan trọng như TGD Xí nghiệp May Sông Tiền, GĐĐH Công ty May Nhà Bè, Phó TGD Tổng công ty May Nhà Bè.

Bà Phạm Minh Hương - Giám đốc điều hành là Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh và Tài chính. Bà từng đảm nhận nhiều vị trí quan trọng như Phó Giám đốc Tiếp thị và Xuất Nhập khẩu, Giám đốc Phát triển Kinh doanh, Tiếp thị, Xuất Nhập khẩu, GĐĐH, Phó TGD, thành viên Ban Quản trị Tổng Công ty Phong Phú, TGD Công ty TNHH MTV Thương mại Thời trang Dệt May Việt Nam.

Ông Cao Hữu Hiếu - Giám đốc điều hành: là người được đào tạo chuyên sâu về lĩnh vực dệt may với học vị Thạc sỹ Công nghệ Dệt May với gần 20 năm công tác trong ngành Dệt May. Ông đã đảm nhận nhiều vị trí quan trọng tại Tập đoàn và các đơn vị thành viên như: Giám đốc Trung tâm xử lý nước thải Khu Công nghiệp Dệt May Phố Nối, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Dệt May Nam Định, Phó Ban Kỹ thuật Đầu tư Tập đoàn, Trưởng Ban Kỹ thuật Đầu tư Tập đoàn.

5. Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính

5.1. Ngành sợi

- ❖ **Năng lực thiết kế:** 144.216 tấn/năm (quy đổi Ne30).
- ❖ **Mặt hàng:** Sợi pha TC, TR, CVC, sợi cotton, sợi cotton xe, sợi polyester, sợi dệt Ne 30/1-40/1, sợi CVCD, sợi CVCM, sợi 100% cotton chải thô/chải kỹ,...
- ❖ **Thiết bị công nghệ:** Sợi được sản xuất trên dây chuyền công nghệ tiên tiến có xuất xứ từ Châu Âu, Nhật, Trung Quốc... Thiết bị đã đầu tư trong các dự án hiện nay chủ yếu được cung cấp bởi các hãng chế tạo danh tiếng trên thế giới với tính tự động hóa cao, giúp cho việc kiểm soát chất lượng tốt hơn, tăng năng suất và cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động.

5.2. Ngành vải

5.2.1. Vải dệt thoi

- ❖ **Năng lực thiết kế:** 165,4 triệu mét vuông/năm.
- ❖ **Thiết bị công nghệ:**
 - Máy dệt được nhập chủ yếu từ Nhật Bản, trong đó máy dệt khí chiếm tỉ trọng lớn (khoảng 80%). Máy dệt khí của hãng Toyota được đánh giá cao do tốc độ và hiệu suất máy cao (vận tốc trung bình 1000 vòng/phút), dễ thao tác, độ bền cao, phù hợp với điều kiện môi trường khí hậu tại Việt Nam.
 - Máy mắc và máy hồ hiện nay nhập chủ yếu từ Trung Quốc và Đài Loan, với trình độ công nghệ tiên tiến, giúp rút ngắn thời gian chuẩn bị dệt, tăng năng suất chất lượng sản phẩm.
 - Máy nhuộm trong các dự án được đầu tư được nhập chủ yếu từ châu Âu và châu Á và được cung cấp bởi các hãng Thies-Đức, Fong's - Hongkong.

5.2.2. Vải dệt kim

- ❖ **Năng lực thiết kế:** 14.200 tấn/năm.
- ❖ **Thiết bị công nghệ:** Dây chuyền sản xuất với công nghệ tiên tiến, được nhập chủ yếu từ Châu Âu, Đài Loan, Nhật Bản... do các hãng chế tạo có uy tín cung cấp (Máy dệt kim: Mayer Cie-Đức, Terrot-Đức, Fukuhara-Nhật, Fukahama-Đài Loan, Junnlong-Đài Loan; Máy nhuộm: Thies-Đức, Fong's – Hongkong).

5.3. Ngành May

- ❖ **Năng lực thiết kế:** 319 triệu sản phẩm/năm.
- ❖ **Thiết bị công nghệ:** Công nghệ thiết bị hiện đại, được nhập chủ yếu từ Châu Âu, Nhật và Mỹ (Juki-Nhật, Brother-Nhật, Kansai-Nhật, Durkopp Adler-Đức, Gerber-Mỹ).

III/ Tình hình hoạt động năm 2017

1. Báo cáo hoạt động và đánh giá của Hội đồng quản trị (HĐQT)

1.1. Tình hình hoạt động của HĐQT năm 2017

HĐQT tổ chức giám sát và chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua 04 phiên họp HĐQT định kỳ và các cuộc lấy ý kiến bằng văn bản. Theo đó, tình hình tham dự của các thành viên HĐQT cụ thể như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Trần Quang Nghị	Chủ tịch HĐQT	08/01/2015	4	100%
2	Lê Tiên Trường	TV HĐQT kiêm TGD	08/01/2015	4	100%
3	Đặng Vũ Hùng	Thành viên HĐQT	08/01/2015	4	100%
4	Phạm Phú Cường	Thành viên HĐQT	08/01/2015	4	100%
5	Lê Khắc Hiệp	Thành viên HĐQT	08/01/2015	4	100%
6	Lê Đình Ngọc	Thành viên HĐQT	08/01/2015	4	100%
7	Don Di Lam	Thành viên HĐQT	08/01/2015	4	100%

Như vậy, tất cả các thành viên đều tham dự đầy đủ các cuộc họp trong năm của HĐQT. Ngoài ra, trong mỗi cuộc họp của HĐQT đều có sự tham gia của BKS với vai trò quan sát viên.

Trong năm 2017, HĐQT đã thực hiện đúng Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tập đoàn: đã thực hiện 4 phiên họp HĐQT và ban hành 27 Nghị quyết để định hướng, giao nhiệm vụ và chỉ đạo Cơ quan điều hành nhằm thực hiện tốt Nghị quyết ĐHCĐ năm 2017, trong đó có một số nội dung chính như sau:

- ❖ Nâng cao năng lực quản lý và quản trị doanh nghiệp toàn Tập đoàn về tài chính, đầu tư, rủi ro và kiểm soát, trong đó đặc biệt chú trọng công tác quản trị rủi ro.
- ❖ Tái cơ cấu tổ chức, hỗ trợ hiệu quả các đơn vị Tập đoàn trong công tác nguồn vốn vay, cấp vốn chủ, kiểm soát chi phí vốn ở mức thấp.
- ❖ Tăng cường năng lực sản xuất thông qua việc đầu tư máy móc thiết bị hiện đại, thực hiện tiết kiệm năng lượng, giảm chi phí sản xuất và vận hành.
- ❖ Thông qua việc cổ đông chiến lược của Tập đoàn VID điều chỉnh loại chứng khoán từ hạn chế chuyển nhượng sang cổ phiếu tự do chuyển nhượng theo quy định pháp luật, đảm bảo lợi ích của Tập đoàn và các bên liên quan.

1.2. Hoạt động giám sát Tổng Giám đốc năm 2017

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc được thể hiện một cách có hệ thống, thường xuyên và chặt chẽ như sau:

- Giao ban ít nhất 3 tháng 1 lần giữa Thường trực HĐQT và HĐQT Tập đoàn để cập nhật trao đổi đánh giá các việc đã triển khai, đẩy nhanh tiến độ và hiệu quả công việc, đồng thời đảm bảo an toàn doanh nghiệp, phát triển tăng trưởng cả về hiệu quả kinh tế và các mặt khác một cách nhanh mạnh và bền vững.
- Xây dựng cảm nang hoạt động của HĐQT, tăng cường trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc Tập đoàn trong mối quan hệ công tác giữa HĐQT và HĐQT Tập đoàn.
- Đổi mới phương pháp làm việc của HĐQT trong công tác giao kế hoạch, phương thức đánh giá Người đại diện vốn của Tập đoàn tại các đơn vị theo phương châm: “*Quản trị chặt chẽ, tăng tốc đầu tư, phát triển thị trường, tăng cường nhân lực*”.
- Chỉ đạo Tổng Giám đốc tổ chức đánh giá kết quả công việc của từng thành viên HĐQT Tập đoàn theo Chỉ số đo lường hiệu quả thực hiện công việc (KPIs) và theo nhiệm vụ phân công hàng năm.

Kết quả giám sát

HĐQT ghi nhận HĐQT và Tổng Giám đốc đã có nhiều sáng tạo, cố gắng trong công tác điều hành và triển khai kịp thời các quyết nghị của ĐHCĐ và HĐQT; đảm bảo tuân thủ đầy đủ và đúng pháp luật quy định đối với công ty cổ phần niêm yết theo Luật doanh nghiệp, quy chế hoạt động của Tập đoàn.

1.3. Đánh giá kết quả hoạt động của Tập đoàn năm 2017

Năm 2017, tình hình kinh tế chính trị thế giới bất ổn (căng thẳng giữa Hoa Kỳ - Bắc Triều Tiên, đàm phán Brexit giữa Anh và EU, các hiệp định thương mại quan trọng bị trì hoãn như TPP, hoặc chậm thực thi như EVFTA, v.v.), vẫn tiềm ẩn nhiều nguy cơ, ảnh hưởng phần nào tới tổng cầu dệt may thế giới.

Trong tình hình khó khăn như vậy, với sự quyết tâm cao nhất, Tập đoàn Dệt May Việt Nam vẫn đạt mức tăng trưởng xuất khẩu 2 con số, tăng 10,5% so với cùng kỳ, đạt 2.776,1 tỷ USD. Đồng thời, Tập đoàn cũng là đơn vị duy nhất hoàn thành 100% các nhiệm vụ được Chính phủ giao.

❖ Kết quả SXKD hợp cộng năm 2017 của Tập đoàn như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2016	KH năm 2017	TH năm 2017	So sánh 2017 (%)	
						KH	Ckỳ
1	Giá trị SXCN (theo giá thực tế)	Tỷ đồng	38.123,8	43.145,1	40.741,0	94,4	106,9
2	KN xuất khẩu tính đủ	Triệu USD	2.495,3	2.757,1	2.776,1	100,7	111,3
3	KN nhập khẩu tính đủ	Triệu USD	1.147,6	1.235,9	1.248,3	101	108,8

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2016	KH năm 2017	TH năm 2017	So sánh 2017 (%)	
						KH	C kỳ
4	Doanh thu (ko VAT)	Tỷ đồng	41.145,9	45.479,4	44.452,5	97,7	108,0
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1.434,4	1.517,9	1.294,1	85,3	90,2

❖ Tiền lương và thù lao Hội đồng quản trị năm 2017

Tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị thực hiện đúng theo quyết nghị của ĐHĐCĐ đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2017.

1.4. Định hướng hoạt động của HĐQT năm 2018

1.4.1. Cơ hội và thách thức năm 2018

❖ Cơ hội

Trong năm 2018, dự báo **GDP toàn cầu tăng trưởng khá hơn**: Mỹ tăng 2,5%, Trung Quốc tăng 6,4%, Nhật Bản tăng 0,9%, Đức tăng 1,6% là điểm sáng cho thương mại hàng hóa toàn cầu.

Hiệp định Đối tác toàn diện và tiên bộ xuyên Thái Bình Dương - **CPTPP mới ký kết tháng 3/2018**, trong đó có Việt Nam, chiếm 13,5% GDP toàn cầu và bao trùm thị trường gần 500 triệu người, hứa hẹn sẽ mở ra nhiều cơ hội tiềm năng cho ngành dệt may Việt Nam khai thác các thị trường mới như Úc, Canada, tận dụng các lợi ích về cắt giảm thuế suất nhập khẩu dệt may.

Tín hiệu tích cực từ thành công APEC tại Việt Nam năm 2017 khuyến khích khu vực doanh nghiệp đầu tư cho khoa học công nghệ, tận dụng cơ hội từ cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, cùng kỳ vọng cắt giảm tối thiểu 30-50% thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh trong năm 2018 của Chính phủ, v.v. mang lại những đột phá về đầu tư, kinh doanh, mở rộng thị trường doanh nghiệp trong đó có doanh nghiệp dệt may.

❖ Thách thức

Sự bất ổn về kinh tế thế giới khi Mỹ liên tục đưa ra các chính sách mới như đe dọa chấm dứt NAFTA, chính sách bảo hộ khi áp thuế mới đối với Trung Quốc, đặc biệt là tình hình Triều Tiên - Mỹ và căng thẳng leo thang tại Syria sẽ tạo nhiều rủi ro tiềm ẩn đến tình hình xuất nhập khẩu dệt may.

Theo báo cáo của Goldman Sachs, dự báo Fed sẽ tăng lãi suất 4 lần trong năm 2018, có thể sẽ làm giá USD tăng cao, lãi suất Libor tăng mạnh trong năm 2018. Điều này tiềm ẩn rủi ro làm mất giá đồng VND, gây thiệt hại cho doanh nghiệp dệt may về tỷ giá khi nhập khẩu nguyên phụ liệu.

Tình hình nguyên phụ liệu biến động: giá nguyên phụ liệu bông, xơ, sợi dự báo sẽ tăng trong năm 2018, tăng chi phí đầu vào cho doanh nghiệp sản xuất Sợi.

Các chi phí đầu vào khác tiếp tục có xu hướng tăng như lương tối thiểu, BHXH tính theo tổng thu nhập, chi phí điện, nước trong khi giá xuất khẩu không tăng thậm chí giảm dẫn đến lợi nhuận giảm.

1.4.2. Định hướng phát triển năm 2018

Với những phân tích, nhận định thời gian tới, năm 2018 được cho là vẫn là năm khó khăn đối với ngành Dệt May Việt Nam. Các doanh nghiệp Tập đoàn cần tiếp tục phát huy tinh thần đoàn kết và liên kết chặt chẽ với nhau để tạo nên sức mạnh tổng hợp chung. Để sớm đạt và vượt kế hoạch đề ra, Tập đoàn cần khắc phục nhanh những tồn tại và phát huy sức mạnh trí tuệ tập thể, quản trị theo hướng chuyên nghiệp và tập trung vào những công tác sau:

- ❖ Nghiên cứu vận hành chuyển đổi cơ cấu sở hữu hợp lý của Tập đoàn và các doanh nghiệp đơn vị thành viên, thông qua việc tái cơ cấu, cổ phần hóa, chuẩn bị sẵn sàng cho lộ trình thoái vốn nhà nước tại Tập đoàn.
- ❖ Sử dụng và khai thác hiệu quả tất cả các nguồn lực từ nhân lực, đất đai, nhà xưởng, thị trường, thương hiệu, v.v.
- ❖ Sử dụng tài chính thông minh, xây dựng các giải pháp kinh doanh trực tiếp, trực thu một cách hiệu quả, sử dụng chi phí vốn nhàn rỗi một cách hợp lý, chuyên nghiệp, đúng pháp luật.
- ❖ Kinh doanh sáng tạo, quan tâm đẩy mạnh thương mại điện tử, có giải pháp tương đồng, linh hoạt trong việc đối lưu về thương mại hàng hóa với các nước xuất khẩu hàng Dệt may trên cơ sở tổng hợp cập nhật các Hiệp định thương mại như Việt Nam - Hàn Quốc, Việt Nam - Liên minh kinh tế Á Âu, Việt Nam - EU, CPTPP, v.v.
- ❖ Đẩy mạnh đầu tư chiều sâu, hiện đại hóa thiết bị theo công nghệ 4.0, định hướng tiết giảm chi phí sản xuất, thân thiện môi trường, tăng năng lực cạnh tranh cho các nhà máy của Tập đoàn, giảm lượng lao động trên 1 đơn vị sản phẩm. Hoàn thiện giải pháp động lực cho quản trị và đầu tư mới xây dựng và triển khai cơ chế chính sách cho cán bộ quản lý, đặc biệt ở các vùng xa khó khăn.
- ❖ Đổi mới hình thái sử dụng lao động, quản trị nhân sự lao động văn phòng, nhân sự SXKD, v.v. theo hướng thông minh, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, đảm bảo nguồn lực cho phát triển nhanh và bền vững.
- ❖ Tăng cường công tác quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ, mang tính hỗ trợ và phát triển bền vững cho Tập đoàn về việc đánh giá sức khỏe doanh nghiệp về thị trường, tài chính, nhân lực, đầu tư, v.v.

2. Báo cáo đánh giá của Ban Kiểm soát (BKS)

2.1. Báo cáo kết quả hoạt động năm 2017

Ban Kiểm soát có 5 thành viên, trong đó có 3 thành viên chuyên trách, 2 thành viên kiêm nhiệm, hoạt động theo quy định tại Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, Kế hoạch năm 2017 và nhiệm vụ được phân công cho từng thành viên Ban kiểm soát. Quá trình thực hiện kiểm soát đảm bảo tính trung thực và cẩn trọng, đạo đức nghề nghiệp, không cản trở đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

2.1.1. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm 2017, Ban Kiểm soát đã thực hiện các công tác theo dõi và giám sát hoạt động của HĐQT, CQĐH Tập đoàn, kiểm tra hoạt động của Công ty Mẹ Tập đoàn, doanh nghiệp 100% vốn Tập đoàn, các chi nhánh của Tập đoàn, các Tổng Công ty và một số đơn vị Tập đoàn có vốn trên 51%.

Ban Kiểm soát đã tổ chức 03 cuộc họp có đầy đủ các thành viên tham gia, nội dung các cuộc họp bao gồm: thống nhất kế hoạch năm, kiểm điểm công việc đã làm, kết quả kiểm tra giám sát, các khuyến nghị đối với HĐQT, CQĐH Tập đoàn và triển khai kế hoạch tiếp theo. Các cuộc họp đều có biên bản được từng thành viên thông qua và thống nhất ký tên.

2.1.2. Báo cáo thù lao của Ban Kiểm soát:

Thù lao của Ban Kiểm soát thực hiện đúng theo quyết nghị của ĐHĐCĐ đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2017.

2.1.3. Về việc giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong phạm vi thẩm quyền của HĐQT trong năm HĐQT đã ban hành 27 Nghị quyết tập trung vào các nội dung chủ yếu về đầu tư, về tái cơ cấu tổ chức, tài chính,...

HĐQT thực hiện giám sát hoạt động của CQĐH trong việc thực hiện các Nghị quyết của HĐQT qua các báo cáo thường kỳ, thường niên của CQĐH và các báo cáo trong các phiên họp HĐQT của Tổng Giám đốc Tập đoàn.

2.1.4. Về việc giám sát hoạt động của Cơ quan điều hành:

❖ Về kết quả sản xuất kinh doanh:

Thực hiện các Nghị quyết của HĐQT ban hành, CQĐH Tập đoàn đã nghiêm túc thực hiện, triển khai các biện pháp để thực hiện chỉ đạo của HĐQT đề ra, kết quả về cơ bản đã thực hiện được các chỉ đạo của HĐQT.

Tuy nhiên về kết quả sản xuất kinh doanh do tình hình thị trường, chi phí trong nước tăng nhanh trong khi đơn giá giảm trung bình 3-5%, để giữ việc làm cho người lao động... nên kết quả hoạt động của một số chi nhánh, Tổng công ty mới đi vào hoạt động chưa hiệu quả, cụ thể chỉ tiêu lợi nhuận, cổ tức chưa đạt kế hoạch Nghị quyết ĐHĐCĐ đề ra, cụ thể:

Tại Báo cáo tài chính riêng: Chỉ tiêu lợi nhuận chỉ đạt 73,9% so với kế hoạch và bằng 90% so với năm 2016; chỉ tiêu cổ tức đạt 83,3% so kế hoạch, tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ vốn ĐL: 5,11% (năm 2016 là 5,33%) hiệu quả sử dụng vốn còn thấp.

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017		So sánh 2017/2016		TH /KH
			Kế hoạch	Thực hiện	Giá trị	%	
1	Tổng doanh thu	1.298.908	1.791.532	1.799.540	500.632	138,5%	100,4%
2	Chi phí	1.015.519		1.544.049	528.530	152,0%	
3	Lợi nhuận trước thuế	283.389	345.913	255.490	(27.899)	90,2%	73,9%
4	Cổ tức	5%	6%	5%			83,3%

❖ Về đầu tư:

- HĐQT có Nghị quyết về chủ trương hợp tác đầu tư Dự án Trung tâm Nguyên phụ liệu Dệt may; CQĐH đang nghiên cứu để triển khai, xây dựng tòa nhà văn phòng tại 458 Minh Khai (hiện đang trình các cấp có thẩm quyền để có giấy phép đầu tư).
- Năm 2017 Tập đoàn không triển khai đầu tư dự án mới mà tập trung nguồn lực cho việc khai thác các dự án hoàn thành để phát huy (đã thành lập các chi nhánh để quản lý), kết quả một số dự án đã đi vào sản xuất ổn định và giảm lỗ so với năm trước, một số dự án chưa hiệu quả đã chuyển hình thức cho thuê để phát huy tốt hơn.
- Về quyết toán các dự án đầu tư hoàn thành: trong năm 2017 HĐQT đã phê duyệt quyết toán 06/10 dự án hoàn thành, tính đến 30/04/2018 đã phê duyệt xong toàn bộ các dự án hoàn thành.

❖ Về tái cơ cấu tổ chức:

Năm 2017, Tập đoàn đã thành lập Công ty cổ phần VINATEX Phú Hưng trên nền tảng Chi nhánh VINATEX - Nhà máy Sợi Phú Hưng và Tập đoàn nắm giữ vốn chi phối để giao quyền chủ động cho Công ty, đồng thời tạo sự gắn bó quyền lợi và trách nhiệm của người lao động với Công ty. HĐQT Tập đoàn đã chấp thuận chủ trương cho Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương thuê lại tài sản của Tập đoàn tại Chi nhánh VINATEX - Nhà máy Dệt vải Yarndyed nhằm tăng năng lực sản xuất cho Công ty Dệt kim Đông Phương và phát huy hiệu quả sử dụng tài sản của Chi nhánh Nhà Máy Dệt vải Yarndyed. Tập đoàn đã bàn giao Nhà máy May Tuyên Quang cho Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc - Vinatex theo Đề án thành lập Tổng Công ty (TCT).

Về hoạt động của hai Tổng Công ty: TCT Dệt May Miền Bắc, TCT Dệt May Miền Nam nhằm hình thành chuỗi sản xuất và tiêu thụ, hiện đang từng bước thực hiện theo đề án phê duyệt và chưa có hiệu quả như mong muốn.

Trong năm 2017 Tập đoàn đã triển khai 6 gói tư vấn cho hệ thống quản trị Tập đoàn từ nguồn vốn ADB do Công ty TNHH Ernst&Young thực hiện như: gói Xác định, rà soát và cập nhật kế hoạch chiến lược; gói cải tiến cơ cấu tổ chức; gói tăng cường hoạt động của HĐQT; gói tư vấn về nâng cao năng lực quản lý tài chính; gói nâng cao năng lực kiểm toán nội bộ và quản trị rủi ro; gói cải tiến quy trình đầu tư; hiện các gói tư vấn đã hoàn thành, Tập đoàn đang triển khai áp dụng tại Công ty Mẹ Tập đoàn và các đơn vị thành viên.

2.1.5. Về việc giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh

Ban Kiểm soát đã tổ chức kiểm tra giám sát hàng quý hoặc 6 tháng Báo cáo tài chính Công ty Mẹ Tập đoàn, các Chi nhánh, các đơn vị 100% vốn và một số các đơn vị Tập đoàn đầu tư vốn. Kết quả kiểm tra: nhìn chung các đơn vị đều ổn định sản xuất và có hiệu quả, tuy nhiên có một số đơn vị chưa đạt được hiệu quả như mong muốn: hai Tổng Công ty mới thành lập là TCT Dệt May Miền Bắc - Vinatex và TCT Dệt May Miền Nam – Vinatex, đơn vị không hiệu quả nhiều năm và mất cân đối tài chính như: Công ty CP SX-XNK Dệt May, Công ty CP Len Việt Nam, Công ty CP nguyên phụ liệu Dệt May.

2.1.6. Về việc giám sát Báo cáo tài chính riêng của Công ty Mẹ Tập đoàn

Kết quả kiểm tra không thay đổi so với Báo cáo đã kiểm toán: Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 31/12/2017; kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2.1.7. Đánh giá sự phối hợp giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông

- Đối với HĐQT: Hàng quý Ban Kiểm soát đều gửi Báo cáo kết quả kiểm tra giám sát đến Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc Tập đoàn.
- Đối với cơ quan điều hành: Ban Kiểm soát được Cơ quan điều hành cung cấp tài liệu và tạo điều kiện thực thi nhiệm vụ.
- Đối với các cổ đông: Ban Kiểm soát chưa nhận được ý kiến của các cổ đông gửi về Ban kiểm soát.

2.1.8. Khuyến nghị của Ban Kiểm soát

Qua kết quả thực hiện năm 2017, Ban Kiểm soát có một số khuyến nghị như sau:

- Đề nghị Tập đoàn chỉ đạo để có các giải pháp khả thi để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các Chi nhánh hình thành từ các dự án đầu tư, hai Tổng Công ty và các khoản đầu tư không hiệu quả vì là nguyên nhân chính gây giảm hiệu quả của Tập đoàn.

- Đề nghị Tập đoàn tổ chức đánh giá việc thực hiện đầu tư và khai thác các dự án sau đầu tư để rút ra những bài học cho các dự án đầu tư mới nhằm đảm bảo hiệu quả khai thác dự án như đã được phê duyệt.
- Đề nghị Tập đoàn chuẩn bị nhân lực đáp ứng được yêu cầu quản lý các dự án đầu tư và quản lý các nhà máy sau đầu tư.
- Đề nghị các Bộ ngành sớm phê duyệt hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp lần 2 cho Tập đoàn để chính thức bàn giao cho Công ty cổ phần.
- Đề nghị Tập đoàn đẩy nhanh việc hoàn thuế VAT của các Dự án đầu tư.

2.2. Kế hoạch kiểm tra giám sát năm 2018

- Giám sát hoạt động của HĐQT, CQĐH Tập đoàn thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- Giám sát kiểm tra theo quý, năm hoạt động của Công ty Mẹ Tập đoàn, các đơn vị 100% vốn Tập đoàn và các đơn vị có vốn đầu tư của Tập đoàn đang có khó khăn.
- Thực hiện những công việc khác theo yêu cầu của HĐQT, của các cổ đông.

3. Báo cáo hoạt động của Cơ quan điều hành

3.1. Tình hình thị trường dệt may năm 2017

Năm 2017 là một năm không nhiều biến động của dệt may thế giới, với tổng nhập khẩu dệt may toàn thế giới đạt 674 tỷ USD, giảm 0,85% so với năm 2016, nhập khẩu dệt may của các thị trường chính như Mỹ, EU, Nhật Bản Hàn Quốc đều tăng nhẹ. Đối với các quốc gia xuất khẩu dệt may cạnh tranh với Việt Nam, kim ngạch xuất khẩu dệt may từ Trung Quốc năm 2017, đạt 250,1 tỷ USD, giảm 1,2% so với năm 2016, tích cực hơn mức giảm 4,2% của năm 2016/2015. Kim ngạch xuất khẩu dệt may từ Ấn Độ đạt 36,5 tỷ USD, tăng trưởng 3%, với sự tăng trưởng tích cực từ mảng xuất khẩu vải sang EU và Trung Đông. Xuất khẩu dệt may từ Bangladesh giảm nhẹ 1,32% so với cùng kỳ, đạt gần 34 tỷ USD. Xuất khẩu dệt may từ Thổ Nhĩ Kỳ và Indonesia đều giảm 4%, xuất khẩu dệt may từ thị trường nhỏ khác là Pakistan và Campuchia tăng trưởng 3-4% so với cùng kỳ.

Tuy vậy, vẫn còn nhiều yếu tố khác gây khó khăn cho ngành Dệt May Việt Nam:

- Tình hình chính trị bất ổn, đặc biệt động thái tiêu cực của Mỹ và Bắc Triều Tiên đã ảnh hưởng tiêu cực đến nhu cầu dệt may của các thị trường lớn;
- Chính quyền Mỹ đưa ra các chính sách kinh tế như đường lối bảo hộ mậu dịch, tăng lãi suất của Cục Dự trữ liên bang Mỹ (Fed) 3 lần trong năm 2017, gây ra nhiều rủi ro tiềm ẩn đến kinh tế toàn cầu nói chung và ngành dệt may nói riêng;
- Đối với tình hình trong nước, các chính sách về thuế, tăng lương tối thiểu, tăng BHXH, phí công đoàn, chi phí điện, nước,... gây áp lực chi phí đầu vào của doanh nghiệp, trong khi đó giá xuất khẩu không tăng thậm chí giảm dẫn đến lợi nhuận giảm.

Trước tình hình như vậy, ngành Dệt May Việt Nam vẫn phấn đấu đạt tăng trưởng xuất khẩu 2 con số, là 10,81% trong năm 2017, tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 31,2 tỷ USD, trong đó xuất khẩu sang Mỹ đạt 12,5 tỷ USD tăng 7,1%; xuất khẩu sang EU đạt 4 tỷ USD tăng 9,1%; xuất khẩu sang Nhật Bản đạt 3,3 tỷ USD tăng 8,2%; xuất khẩu sang Hàn Quốc đạt 3 tỷ USD tăng 15,5%; xuất khẩu sang Trung Quốc đạt 3,3 tỷ USD tăng gần 26%. Về tỷ trọng, thị trường Mỹ vẫn chiếm tỷ trọng lớn gần 40%, theo sau là các thị trường lớn khác như EU (12,8%), Nhật Bản (10,5%), Hàn Quốc (9,83%), Trung Quốc (10,74%). Kim ngạch nhập khẩu Dệt May Việt Nam đạt 19,6 tỷ USD, tăng 13,2% so với năm 2016. Tỷ lệ nội địa hóa đạt 50%.

3.2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

❖ *Kết quả sản xuất kinh doanh Công ty mẹ:*

Tổng doanh thu Công ty mẹ đạt 1.799,5 tỷ đồng, tăng 38,7% so với cùng kỳ và tăng 0,4% so với kế hoạch ĐHCĐ; Lợi nhuận trước thuế đạt 255,5 tỷ đồng, giảm

9,8% so với cùng kỳ và giảm 26,1% so với kế hoạch ĐHCĐ; tỷ lệ cổ tức đạt bằng mức thực hiện năm 2016. Cụ thể:

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	2016	KH 2017	T/hiện 2017	So sánh	
		(1)	(2)	(3)	(3)/(1)	(3)/(2)
1	Tổng doanh thu	1.298.908	1.791.532	1.799.540	138,5%	100,4%
2	Tổng chi phí	1.015.519	1.445.619	1.544.049	152,0%	106,8%
3	Lợi nhuận trước thuế	283.389	345.913	255.490	90,2%	73,9%
4	Tỷ suất LNTT/VĐL	5,67 %	6,92%	5,11%	90,2%	73,9%
5	Tỷ lệ cổ tức	5,00 %	6,00 %	5,00%	100,0%	83,3%

Do tốc độ tăng chi phí cao hơn doanh thu nên lợi nhuận trước thuế sụt giảm, nguyên do: (1) các dự án mới đưa vào khai thác nên chưa phát huy hiệu quả; (2) chi phí đầu vào tăng cao, đặc biệt là chi phí lương, bảo hiểm, logistic... (3) tình hình cạnh tranh đơn hàng khốc liệt, doanh nghiệp phải giảm giá 3-5% để giữ khách hàng; (4) tỷ giá Việt Nam đồng ổn định trong khi các quốc gia cạnh tranh phá giá đồng tiền, khiến hàng xuất khẩu từ Việt Nam đắt hơn, buộc doanh nghiệp phải giảm giá bán...

❖ **Kết quả kinh doanh hợp nhất Tập đoàn:**

Tổng doanh thu đạt 18.464,5 tỷ, tăng 11,8% so với cùng kỳ, tăng 15,4% so với kế hoạch ĐHCĐ; Lợi nhuận trước thuế đạt 748,5 tỷ đồng tăng 9,5% so với cùng kỳ, tương đương kế hoạch ĐHCĐ giao; Tỷ suất LNTT/VCSH đạt 9,6%, tăng 6% so với cùng kỳ, cụ thể như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	2016	KH 2017	T/hiện 2017	So sánh	
		(1)	(2)	(3)	(3)/(1)	(3)/(2)
1	Tổng doanh thu	16.511.312,0	15.999.257	18.464.545	111,8%	115,4%
2	Tổng chi phí	15.827.811	15.250.203	17.716.075	111,9%	116,2%
3	Lợi nhuận trước thuế	683.500,6	749.054	748.470	109,5%	99,9%
4	Tỷ suất LNTT/VĐL	9,04%		9,6%	106,0%	

3.3. Tình hình tài chính

Trong bối cảnh tình hình tài chính và thị trường có nhiều biến động, tình hình tài chính toàn Tập đoàn được duy trì ổn định và an toàn. Một số chỉ số tài chính như sau:

TÊN CHỈ SỐ	Năm 2016	Năm 2017	So sánh
------------	----------	----------	---------

I. Chỉ tiêu thanh khoản

TÊN CHỈ SỐ	Năm 2016	Năm 2017	So sánh
1. Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,34	1,27	94,5%
2. Hệ số thanh toán nhanh	0,88	0,78	89,2%
II. Chỉ tiêu hoạt động			
1. Hiệu suất sử dụng tài sản	0,78	0,83	106,8%
2. Hệ số luân chuyển hàng tồn kho	4,3	4,5	105,5%
3. Hệ số luân chuyển các khoản phải thu	3,92	4,32	110,3%
4. Vòng quay Vốn lưu động	1,7	1,8	109,9%
III. Kết cấu tài chính			
1. Hệ số nợ phải trả / Tổng tài sản	0,62	0,63	101,5%
2. Hệ số Nợ ngắn hạn / Vốn chủ sở hữu	0,91	0,96	105,4%
3. Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	1,61	1,68	104,1%
IV. Hệ số khả năng sinh lời			
1. ROA	2,93%	3,28%	112,0%
2. ROE	7,79%	8,93%	114,6%
V. Hệ số khác			
3. EPS (thu nhập trên 1 cổ phiếu thường)	1.159	1.370	118,3%
4. BV: giá trị sổ sách 1 cổ phiếu	15.189	15.643	103,0%

3.4. Tình hình đầu tư

Năm 2017, đứng trước những thách thức lớn về thị trường, điều kiện kinh doanh, gia tăng chi phí sản xuất, Tập đoàn đã triển khai hoạt động đầu tư theo hướng tập trung đầu tư chiều sâu, đầu tư máy móc thiết bị hiện đại tự động hóa cao thay thế thiết bị cũ, tạo nền tảng vững chắc để (i) nâng cao năng suất và hiệu quả hoạt động SXKD; (ii) tập trung tối đa nguồn lực nhằm phát huy hiệu quả của các dự án mới hoàn thành đưa vào khai thác giai đoạn 2016 - 2017; (iii) từng bước tiếp cận và vượt qua sức ép của Cách mạng Công nghiệp 4.0 trong ngành công nghiệp dệt may thế giới.

Cụ thể, Tập đoàn có 15 trên 30 dự án đầu tư thực hiện năm 2017 là dự án đầu tư chiều sâu, bổ sung, nâng cấp, sửa chữa, thay thế máy móc thiết bị tại các nhà máy với tổng mức đầu tư (TMĐT) của 15 dự án là 484,4 tỷ đồng. Ngoài ra, Tập đoàn có 02 dự án dệt nhuộm (TMĐT 838,4 đồng), 03 dự án may (TMĐT 300,6 tỷ đồng) và 10 dự án khác (TMĐT 1.622,6 tỷ đồng). Trong đó, Công ty mẹ Tập đoàn hoàn thành 01 dự án chuyển tiếp (TMĐT 134,4 tỷ đồng) và các đơn vị thành viên triển khai 29 dự án (TMĐT 3.111,6 tỷ đồng). Tổng vốn đầu tư năm 2017 là 1.356,8 tỷ đồng, đạt 73,6% so với kế hoạch vốn đầu tư cả năm (1.844,0 tỷ đồng); thực hiện giải ngân 1.155,6 tỷ đồng, đạt 71% so với kế hoạch giải ngân năm 2017 (1.618,0 tỷ đồng).

Do định hướng đầu tư chiều sâu thay vì đầu tư mở rộng, năng lực sản xuất tăng thêm chỉ tập trung chủ yếu vào sản phẩm vải dệt thoi (tăng 10 triệu mét) và may (tăng 12 triệu sản phẩm).

3.4.1. Tình hình thực hiện dự án do công ty mẹ làm chủ đầu tư:

Năm 2017, công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam làm chủ đầu tư đã triển khai thực hiện 01 dự án đầu tư là Dự án Nhà máy may Quế Sơn: đặt tại huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam với qui mô 20 chuyên may, sản lượng thiết kế 7,4 triệu sản phẩm/ năm, tổng mức đầu tư 134,4 tỷ đồng, với qui mô 1200 lao động. Tính đến hết năm 2017, dự án đã hoàn thành và đưa vào khai thác vận hành sản xuất 10/20 chuyên (bao gồm 2 chuyên đào tạo). Tổng số 373 lao động đã được đào tạo, đảm bảo sản xuất cho các khách hàng Mỹ, Nhật. Doanh thu của 8 chuyên trung bình đạt 1,8-1,9 tỷ đồng/tháng, đáp ứng các chi phí cơ bản như tiền lương, điện, nguyên phụ liệu, v.v...trong thời gian đầu vận hành dự án.

3.4.2. Tình hình thực hiện dự án của một số đơn vị thành viên:

Năm 2017 các đơn vị thành viên làm chủ đầu tư 29 dự án, trong đó có 2 dự án đầu tư nhà máy Dệt nhuộm; 2 dự án đầu tư nhà máy May; 15 dự án đầu tư chiều sâu, nâng cấp máy móc thiết bị và 10 dự án đầu tư khác.

- 10 dự án hoàn thành trong năm 2017 đang trong giai đoạn bàn giao và đưa vào sản xuất, 7 dự án chuyển tiếp đang trong quá trình hoàn thiện theo kế hoạch đã được phê duyệt, 12 dự án khởi công mới của các đơn vị như: Tổng Công ty Phong Phú; Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương; Tổng Công ty CP Dệt may Hòa Thọ; Công ty CP Dệt may Huế..... bắt đầu thực hiện trong quý 3&4/2017 và phần còn lại chuyển tiếp sang năm 2018.
- Dự án đầu tư nhà máy sợi mới quy mô 3,1 vạn cọc sợi của Tổng công ty Dệt may Nam Định hoàn thành tháng 12/2017.

3.5. Tình hình tuân thủ pháp luật

Dệt may Việt Nam là ngành có mức độ hội nhập quốc tế khá sâu, khi xuất khẩu vẫn là thị trường chính của ngành, trong đó có Tập đoàn Dệt May Việt Nam - đơn vị nòng cốt của ngành. Theo đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn và các đơn vị thành viên không chỉ chịu sự điều chỉnh bởi hệ thống luật pháp trong nước mà còn chịu sự điều chỉnh bởi luật pháp quốc tế, các hiệp định thương mại có liên quan đến dệt may mà Việt Nam tham gia cũng như các quy định của các khách hàng.

Do hệ thống pháp luật Việt Nam đang tiếp tục được hoàn thiện, Việt Nam ngày càng hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế thế giới nên sự thay đổi về chính sách, yêu cầu tuân thủ ngày càng cao từ các hiệp định thương mại mới và từ phía khách hàng có thể tạo tác động (thuận, nghịch) lớn đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và các đơn vị thành viên. Để quản trị tốt các rủi ro này, Tập đoàn luôn chú trọng, chủ động nghiên cứu, nắm bắt đường lối, chủ trương và chính sách của Đảng và Nhà nước, các rào cản thương mại tại thị trường quốc tế, các FTA, v.v. để xây dựng chiến lược, kế hoạch

phát triển sản xuất kinh doanh phù hợp và kịp thời định hướng, chỉ đạo và yêu cầu các đơn vị thành viên nêu cao tinh thần “thượng tôn pháp luật”, chủ động gia nhập và tuân thủ các quy định của thị trường dệt may thế giới, cạnh tranh đúng luật để dệt may Việt Nam là niềm tự hào của quốc gia và là điểm đến của các nhà đầu tư.

Tính đến năm 2017, Tập đoàn Dệt May Việt Nam luôn được các cơ quan chức năng đánh giá là một trong những đơn vị tuân thủ và thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật; các đối tác và bạn hàng quốc tế tin tưởng và luôn mong muốn được hợp tác và thông qua Tập đoàn Dệt May Việt Nam để tham gia phát triển ngành dệt may Việt Nam.

3.6. Công tác quản trị doanh nghiệp

3.6.1. Quản trị điều hành sản xuất kinh doanh

Với mục tiêu tập trung phát huy hiệu quả sau đầu tư các dự án mới, CQĐH Tập đoàn đã phân công cụ thể cho từng thành viên trong CQĐH trực tiếp phụ trách, chỉ đạo các cá nhân, cử các nhân sự chủ chốt sẽ trực tiếp tham gia điều hành sản xuất kinh doanh, vận hành các nhà máy; tổ chức các cuộc họp, thảo luận định kỳ với Lãnh đạo các chi nhánh, công ty để định hướng và hỗ trợ trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

Nhằm công khai, minh bạch thông tin về hoạt động, từng bước hoàn thiện mô hình quản trị doanh nghiệp, năm 2017, Tập đoàn đã chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị thành viên là công ty đại chúng đăng ký giao dịch, giao dịch trên thị trường chứng khoán. Theo đó, trong năm 2017, nhiều đơn vị thành viên của Tập đoàn đã thực hiện đăng ký giao dịch, niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán, trong đó có nhiều đơn vị lớn như Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú, Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP, Tổng Công ty Đức Giang – CTCP, Tổng Công ty CP Dệt May Hòa Thọ, Tổng Công ty May Hưng Yên - CTCP, Công ty CP May Hữu Nghị...

3.6.2. Quản trị tài chính

Trong bối cảnh thị trường tiền tệ có nhiều biến động, trước tác động của Cách mạng công nghiệp 4.0, Tập đoàn và các đơn vị thành viên đang tiếp tục triển khai kế hoạch đầu tư mở rộng và đầu tư chiều sâu theo hướng tăng cường tự động hóa, giảm tác động của các chi phí biến đổi, tận dụng tối đa các chính sách ưu đãi của nhà nước đối ngành công nghiệp ưu tiên và tận dụng tối đa các ưu đãi khi các FTAs có hiệu lực.

Bên cạnh đó, Tập đoàn bắt đầu triển khai các công tác quản trị rủi ro, trọng tâm là các vấn đề về quản trị tài chính: cân đối nguồn vốn đầu tư dài hạn, tìm kiếm nguồn vốn vay rẻ, sử dụng hiệu quả vốn vay và vốn chủ trong đầu tư xây dựng cơ bản và đầu tư tài chính, phòng ngừa và kiểm soát rủi ro về lãi suất và tỷ giá, v.v. hướng tới một môi trường tài chính an toàn, minh bạch, hiệu quả trong toàn Tập đoàn.

3.6.3. Quản trị nguồn nhân lực

Trong năm 2017, Tập đoàn đã thực hiện tái cơ cấu, sáp nhập các phòng Ban, các đơn vị, hỗ trợ kiện toàn bộ máy nhân sự tại 2 Tổng công ty Dệt may Miền bắc và Tổng công ty Dệt May Miền Nam để nâng cao năng lực chuỗi Dệt may hoàn tất. Đồng thời, Tập đoàn tiếp tục quá trình thoái vốn tại một số đơn vị nên số lượng cán bộ đại diện vốn tại các đơn vị giảm khoảng 20% so với năm 2016. Đối với tình hình nhân sự toàn Tập đoàn, năm 2017 Tập đoàn đã tuyển dụng bổ sung 10 nhân sự cho Công ty mẹ thay thế các vị trí bị thiếu và hỗ trợ tuyển dụng, điều động nhân sự quản lý cho một số nhà máy, doanh nghiệp thuộc Tập đoàn, tuy nhiên nhân sự quản lý cấp cao và cấp trung còn rất thiếu, một số đơn vị phải kéo dài thời gian công tác đối với nhân sự Lãnh đạo, quản lý.

Để có cơ sở lựa chọn, bố trí sử dụng, bổ nhiệm và thực hiện chính sách cán bộ lâu dài, Tập đoàn thực hiện công tác đánh giá cán bộ hàng năm và trước khi bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật cán bộ. Nội dung đánh giá căn cứ vào tiêu chuẩn, vị trí công tác của cán bộ theo các tiêu chí cụ thể kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao, chất lượng, khối lượng và hiệu quả công việc trong từng thời kỳ; đạo đức, lối sống, tinh thần đoàn kết và tín nhiệm trong tập thể. Qua đánh giá cán bộ, Tập đoàn đã lựa chọn các cán bộ có năng lực công tác tốt để cử tham gia các khóa đào tạo nâng cao để tạo nguồn cán bộ Lãnh đạo quản lý trong thời gian tới.

IV/ Quan hệ với cổ đông - nhà đầu tư

Thông tin chi tiết về cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tính theo danh sách cổ đông chốt ngày 29/12/2017 do Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp như sau:

1. Thông tin cổ phần

Loại cổ phần	Cổ phần phổ thông
Mệnh giá	10.000 đồng/ cổ phần
Tổng số cổ phần đang lưu hành	500.000.000 cổ phần
Tổng số cổ phần đăng ký giao dịch	500.000.000 cổ phần
Cổ phần chuyển nhượng tự do	449.861.500 cổ phần
Cổ phần hạn chế chuyển nhượng	50.138.500 cổ phần

2. Cơ cấu cổ đông

TT	Tên cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Nhà nước (Bộ Công thương)	1	267.438.100	53,49%
2	Tổ chức	21	182.768.000	36,55%
2.1	<i>Trong nước</i>	8	127.767.900	25,55%
2.2	<i>Nước ngoài</i>	13	55.000.100	11,00%
3	Cá nhân	1,302	49.793.900	9,96%
3.1	<i>Trong nước</i>	1283	49.755.150	9,95%
3.2	<i>Nước ngoài</i>	19	38.750	0,01%
	Tổng	1.324	500.000.000	100,00%

3. Thông tin cổ đông lớn

TT	Tên cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Bộ Công thương (*)	1	267.438.100	53,49%
2	Công ty cổ phần đầu tư phát triển VNTEX (**)	1	70.000.000	14,00%
3	Tập đoàn Vingroup - Công ty CP	1	50.000.000	10,00%
4	Cá nhân	1	30.000.000	6,00%
	Tổng	4	417.438.100	83,49%

Ghi chú:

(*): Theo Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/08/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn giai đoạn 2017 - 2020, theo đó Tập đoàn Dệt May Việt Nam sẽ được chuyển về Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) quản lý và thực hiện thoái vốn Nhà nước trong năm 2018.

(**): Theo báo cáo về ngày trở thành/không còn là cổ đông lớn của ITOCHU Textile Prominent (ASIA) Limited (ngày 30/03/2018) và của Công ty cổ phần đầu tư phát triển VNTEX (ngày 28/03/2018): ITOCHU Textile Prominent (ASIA) Limited sở hữu 65 triệu cổ phần Vinatex, tương đương 13% vốn điều lệ và trở thành cổ đông lớn của Vinatex từ ngày 26/03/2018; Công ty cổ phần đầu tư phát triển VNTEX sở hữu 35 triệu cổ phần Vinatex, tương đương 7% vốn điều lệ.

4. Quan hệ với cổ đông và nhà đầu tư

Trong năm 2017, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 và đăng ký giao dịch cổ phiếu VINATEX trên sàn UPCoM theo đúng quy định hiện hành và Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Tập đoàn luôn duy trì việc giải đáp thắc mắc, cung cấp thông tin cho cổ đông, nhà đầu tư, chuyên gia phân tích và các bên liên quan để bảo đảm tất cả cổ đông được đối xử bình đẳng. Tập đoàn cam kết công bố và minh bạch hóa thông tin, cung cấp cho cổ đông và nhà đầu tư các thông tin kịp thời, chính xác theo đúng Quy chế công bố thông tin đã ban hành. Quý vị cổ đông, nhà đầu tư có thể theo dõi, tra cứu thông tin và báo cáo của Tập đoàn trên website chính thức: **www.vinatex.com.vn** (chuyên mục *Quan hệ cổ đông*).

Bộ phận Quan hệ cổ đông của Tập đoàn sẽ tiếp tục phát huy các hoạt động tiếp nhận, phản hồi và cung cấp thông tin trên cơ sở các quy định của Nhà nước về công bố thông tin trong lĩnh vực chứng khoán. Quý vị cổ đông, nhà đầu tư có thể liên lạc với chúng tôi qua địa chỉ email: **qhcd@vinatex.com.vn**.

V/ Báo cáo phát triển bền vững

1. Chính sách liên quan đến người lao động

1.1. Số lượng lao động, thu nhập bình quân đối với người lao động năm 2017

Trong năm 2017, toàn Tập đoàn đã tạo việc làm cho 84.561 lao động với thu nhập bình quân là 7,07 triệu đồng/người/tháng, tăng 4% so với năm 2016. Năng suất lao động bình quân theo doanh thu đạt 537,8 triệu đồng/người/năm, tăng 11% so với năm 2016.

Năm 2017, lao động toàn Tập đoàn tăng 12.500 người, chiếm 15,5%/tổng số LĐ; giảm 15.000 người, chiếm 19%/tổng số lao động. Tỷ lệ giảm lao động năm 2017 tương đương những năm gần đây nhưng tỷ lệ tăng lao động năm 2017 kém hơn do các đơn vị tăng cường đầu tư chiều sâu, đẩy mạnh tự động hóa để khắc phục tình trạng tuyển dụng lao động khó khăn, bù đắp cho lượng lao động giảm tự nhiên và có điều kiện cải thiện thu nhập để người lao động yên tâm công tác... Ngoài ra, chi phí tiền lương và các chi phí liên quan đến việc đóng bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm y tế (BHYT), chi phí công đoàn tăng do mức đóng BHXH tăng theo mức tăng lương tối thiểu vùng 2017, khiến lương công nhân dệt may không hấp dẫn so với các ngành khác.

1.2. Chính sách với người lao động

1.2.1. Đảm bảo sức khỏe, an toàn lao động

Vinatex và các đơn vị thành viên tuân thủ các quy định của Nhà nước về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi. Khi có yêu cầu để bảo đảm tiến độ, chất lượng cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh, Tập đoàn và các đơn vị thành viên tổ chức cho cán bộ công nhân viên (CBCNV) làm thêm giờ theo quy định pháp luật và thực hiện các chế độ đãi ngộ thỏa đáng.

CBCNV được hưởng chế độ nghỉ Lễ, nghỉ phép, nghỉ việc riêng có hưởng nguyên lương theo đúng quy định của Bộ Luật lao động hiện hành.

Hàng năm, các cán bộ nhân viên trong Tập đoàn được kiểm tra sức khỏe định kỳ, khám bệnh và điều trị bệnh nghề nghiệp, thai sản, bệnh phụ nữ.... Nhiều đơn vị đã mời bác sỹ tư vấn đến nói chuyện, tư vấn chăm sóc sức khỏe, công tác kế hoạch hóa gia đình....cho cán bộ nhân viên.

CBCNV trong Tập đoàn được trang bị đầy đủ trang thiết bị làm việc, bảo hộ lao động theo yêu cầu của mỗi vị trí công việc.

1.2.2. Chính sách phúc lợi

Thực hiện chính sách Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho CBCNV theo đúng quy định của Nhà nước.

Ngoài tiền lương, tùy theo từng vị trí công việc, Tập đoàn và các đơn vị có các chế độ phụ cấp: điện thoại, xăng xe, xe đưa đón, ăn trưa, nhà ở... Hầu hết các nhà máy

của các đơn vị thuộc Tập đoàn tổ chức xây dựng nhà ăn và tự tổ chức nấu ăn phục vụ ăn ca cho cán bộ công nhân viên.

Nhiều đơn vị thành viên của Tập đoàn đã tổ chức xây dựng các khu nhà ở cho cán bộ công nhân viên chưa có nhà ở thuê với giá rẻ hoặc hỗ trợ bằng tiền để các cán bộ nhân viên tự thuê nhà; tổ chức xây dựng nhà trẻ cho con em cán bộ công nhân viên.

Hàng năm, Tập đoàn và các đơn vị đều tổ chức cho CBCNV đi thăm quan, nghỉ mát; Tổ chức thăm hỏi, trợ cấp cho cán bộ công nhân viên gặp hoàn cảnh khó khăn hoặc ốm đau phải điều trị dài ngày; Tổ chức tặng quà cho các cháu thiếu nhi - con CBCNV nhân dịp ngày Quốc tế thiếu nhi, Tết Trung thu, đồng thời tuyên dương các cháu có thành tích cao trong học tập.

Vào dịp Tết Nguyên đán, các đơn vị trong Tập đoàn đều có chính sách hỗ trợ để người lao động được đón Tết được chu đáo, đầy đủ như thường thêm tháng lương thứ 13, thưởng Tết với mức từ 1,5 đến 3 tháng lương; ngoài ra một số đơn vị hỗ trợ tiền tàu xe cho công nhân về quê đón Tết, tổ chức đón Xuân và hỗ trợ thêm cho công nhân ở các tỉnh xa không có điều kiện về quê đón Tết cùng gia đình.

1.3. Hoạt động đào tạo người lao động

Tập đoàn và các đơn vị thành viên đặc biệt coi trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Ngoài việc các đơn vị tự tổ chức đào tạo, Trung tâm Đào tạo cán bộ quản lý doanh nghiệp đã phối hợp với các cơ sở đào tạo (các Trường Đại học và Cao đẳng thuộc Tập đoàn; Viện Dệt May, Đại học Bách Khoa,...) để tổ chức nhiều khóa đào tạo cán bộ quản lý chuyên sâu phục vụ nhu cầu nhân lực chất lượng cao của Tập đoàn và các đơn vị thành viên.

Nhiều chương trình đào tạo đã được Tập đoàn và các đơn vị triển khai như các chương trình đào tạo bắt buộc cho nhân viên mới (đào tạo hội nhập, đào tạo nghề cho nhân viên mới; kiến thức chung về sản phẩm, dịch vụ; quy trình làm việc theo ngành nghề; kỹ năng bắt buộc theo từng ngành nghề; các quy định chung về Nội quy lao động; quy định về an toàn vệ sinh lao động...); các chương trình đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật - công nghệ, kỹ năng mềm; các chương trình đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý...

Bên cạnh đó, nhằm tạo nguồn nhân lực kỹ thuật có tay nghề cao cho các ngành dệt may, Tập đoàn tiếp tục tổ chức các khóa đào tạo cho sinh viên thông qua khối các trường. Tổng số học sinh sinh viên năm học 2017 là 18.488 người bằng 87% so với năm 2016, do: Có sự thay đổi về quy định tuyển sinh 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội; Chỉ tiêu tuyển sinh hệ cao đẳng của Trường Đại học phải giảm dần theo lộ trình; Nhu cầu của xã hội đối với hệ trung cấp giảm, đặc biệt hệ sơ cấp giảm mạnh....

2. Môi trường và năng lượng

2.1. Chính sách về môi trường và trách nhiệm xã hội

Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững tại Tập đoàn Dệt May Việt Nam (Vinatex) được xây dựng trên các nền tảng về con người, sản phẩm và tài nguyên thiên nhiên. Đây là một trong những chính sách quan trọng của Tập đoàn - Lãnh đạo Tập đoàn coi đây là một trong những tôn chỉ trong kinh doanh - Việc triển khai tốt các chính sách này không chỉ giúp cho Tập đoàn củng cố niềm tin với khách hàng, tăng năng lực cạnh tranh mà còn giúp Tập đoàn tạo được sự gắn kết trong nội bộ, trong cộng đồng địa phương nơi Tập đoàn đặt các cơ sở sản xuất kinh doanh.

2.2. Các hoạt động bảo vệ môi trường và thực hiện trách nhiệm xã hội

Phạm vi quản lý các hoạt động liên quan đến vấn đề bảo vệ môi trường của Tập đoàn là những đơn vị >51% vốn (theo quy định trong Chính sách về MT&TNXH (ESMS) của Tập đoàn)

2.2.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Sản phẩm của đơn vị này là nguyên liệu đầu vào của đơn vị khác, vì vậy các loại nguyên liệu chính được sử dụng để sản xuất như sau:

Loại nguyên liệu	Bông xơ (tấn/năm)	Sợi (tấn/năm)	Vải dệt thoi (1000m ² /năm)	Vải dệt kim (tấn/năm)
Số lượng	125.214,2	122.759,0	35.857,0	9.821,7

Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức:

- Đối với bông, xơ phế: tỷ lệ tái chế đạt 100%. Tất cả các bông xơ phế đều được tái chế cho các mục đích khác nhau, ví dụ như: làm giá thể trồng nấm, chuyển giao cho các đơn vị khác sản xuất sợi OE để tạo ra các mặt hàng như khăn, vải jean,...
- Đối với vải vụn, vải thừa: tỷ lệ tái chế đạt 100%.

2.2.2. Tiêu thụ năng lượng:

Theo quy định của Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả thì các doanh nghiệp có hoạt động sản xuất kinh doanh sử dụng năng lượng > 1000TOE (đơn vị năng lượng quy đổi) thì phải thực hiện kiểm toán năng lượng 3 năm/lần.

- ❖ Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp năm 2017 lần lượt là: **44.702,6 TOE** và **47.727,0 TOE**.
- ❖ Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: *không xác định*.

2.2.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm 2017): **3.453.320,7 m³**.

- ❖ Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng từ nhiều nguồn cung cấp khác nhau: nước ngầm, nước thủy cục, nước sạch từ các nhà máy tại địa phương, nước cấp từ khu công nghiệp, v.v.
- ❖ Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: *rất ít*.

2.2.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Trong phạm vi hoạt động của công ty mẹ Tập đoàn, năm 2017 đều tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.2.5. Hành động về bảo vệ môi trường, đảm bảo môi trường làm việc xanh

- Môi trường làm việc luôn đảm bảo thông thoáng, sạch sẽ. Môi trường cảnh quan công nghiệp luôn được đầu tư chăm sóc đảm bảo sạch đẹp. Đối với các nhà máy Sợi: Hạn chế bông bụi và xơ bông nhỏ bay lơ lửng trong các gian máy gây ô nhiễm nơi sản xuất, môi trường bên ngoài và sức khỏe của người công nhân trực tiếp sản xuất. Với các nhà máy may: tối ưu hệ thống điều hòa không khí để đảm bảo nhiệt độ trong nhà xưởng ổn định và phù hợp với điều kiện sản xuất và người lao động.
- Xây dựng kế hoạch hành động về môi trường và trách nhiệm xã hội (ESMS) năm 2018 trên cơ sở các kết quả của năm 2017 và ban hành kế hoạch tới toàn bộ các đơn vị từ 51% vốn trở lên có hoạt động sản xuất kinh doanh cần tuân thủ các quy định về BVMT.
- Giám sát việc nâng cấp hệ thống XLNT của Công ty CP Phát triển Hạ tầng Phố Nối đạt cột A QCVN 40:2011 theo đúng tiến độ.
- Đối với hệ thống xử lý nước thải của Trung tâm y tế Dệt May: Giám sát việc xây dựng, theo dõi tiến độ và các thủ tục với cơ quan quản lý môi trường địa phương sau khi hệ thống được đưa vào vận hành.
- Kiểm tra thường xuyên việc thực hiện công tác BVMT tại các đơn vị thành viên.
- Tổ chức các buổi tập huấn chuyên đề cho cán bộ kỹ thuật phụ trách môi trường, tiết kiệm năng lượng, ATVSLĐ cho các đơn vị thành viên của Tập đoàn. Tuyên truyền đến từng đơn vị, từng CBCNV việc bảo vệ môi trường trong sản xuất nói riêng và môi trường sống nói chung.

3. Hoạt động cộng đồng

3.1. Công tác an sinh xã hội, từ thiện

Tập đoàn và các đơn vị thành viên luôn quan tâm, chú trọng đến việc chia sẻ trách nhiệm xã hội với cộng đồng bằng nhiều hoạt động.

Trong năm 2017, Tập đoàn và các doanh nghiệp thành viên đã tích cực tổ chức những hoạt động an sinh xã hội, từ thiện như: tặng áo ấm, thực phẩm, quà tết cho đồng bào các vùng khó khăn trên khắp cả nước với số quà tặng có giá trị lên tới hàng tỷ

đồng; trợ cấp khó khăn, ốm đau cho công nhân; hỗ trợ gia đình chính sách; xây dựng nhà tình nghĩa; Phụng dưỡng mẹ Việt Nam Anh hùng; nuôi dưỡng trẻ mồ côi. Tham gia ủng hộ các quỹ xã hội từ thiện, quỹ đền ơn đáp nghĩa, ủng hộ đồng bào bị thiên tai bão lũ; thực hiện phong trào “Chung tay phát triển nông thôn mới” và nhiều hoạt động khác. Tổng số tiền đóng góp cho công tác an sinh xã hội năm 2017 của Tập đoàn và các đơn vị thành viên là gần 30 tỷ đồng.

3.2. Tham gia Ngày hội hiến máu nhân đạo

Hưởng ứng chương trình Hiến máu nhân đạo, năm 2017, Tập đoàn và các đơn vị đã phát động cán bộ công nhân viên tích cực tham gia hiến máu nhân đạo tại Viện Huyết học & Truyền máu Trung ương (phía Bắc) và Trung tâm truyền máu bệnh viện Chợ Rẫy (phía Nam), đây là một hoạt động thiết thực, ý nghĩa và mang tính nhân văn sâu sắc, giúp sẻ chia với những hoàn cảnh khó khăn trong cuộc sống.

4. Quản trị rủi ro

Quản trị rủi ro (QTRR) là một khái niệm không còn xa lạ trong công tác quản trị doanh nghiệp và trở thành một yếu tố quan trọng trong định hướng chiến lược kinh doanh và phát triển của doanh nghiệp, công tác này đã và đang được thực hiện tại Tập đoàn và tại các doanh nghiệp. Với mục tiêu nhằm nâng cao nhận thức và năng lực về quản trị rủi ro, Tập đoàn đã cùng Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (EYVN) triển khai dự án “Nâng cao năng lực quản lý và quản trị doanh nghiệp”. Được xây dựng trên cơ sở các thông lệ Quốc tế về QTRR doanh nghiệp, Cẩm nang QTRR tại Vinatex đã chính thức được ban hành vào tháng 9/2017 nhằm hướng dẫn quy chuẩn và trình tự thực hiện hoạt động QTRR tại Công ty mẹ Tập đoàn, các đơn vị phụ thuộc và các Công ty con nhằm đảm bảo QTRR được thực hiện nhất quán, kịp thời và hiệu quả thông qua quy định rõ ràng vai trò và trách nhiệm của từng cấp cho các vấn đề quản trị tài chính, đầu tư, rủi ro và kiểm soát, trong đó đặc biệt chú trọng công tác quản trị rủi ro.

4.1. Các hoạt động Quản trị rủi ro đã triển khai năm 2017

Tập đoàn đã tiến hành áp dụng QTRR theo quy trình mới tại Công ty mẹ Tập đoàn và thí điểm tại 3 đơn vị là Tổng công ty CP Dệt May Hòa Thọ, Công ty CP Sợi Phú Bài và Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Xuân theo chuyên ngành ngành Sợi - Dệt Nhuộm - May. Các hoạt động QTRR chính đã được triển khai cụ thể như sau:

- ❖ Chính sách và quy trình QTRR:
 - Thực hiện khảo sát rủi ro;
 - Hoàn thiện danh mục rủi ro sơ bộ;
 - Nhận diện các rủi ro trọng yếu;
 - Xây dựng thông số đo lường rủi ro.
- ❖ Đào tạo về QTRR:

- Tổ chức khóa đào tạo nâng cao nhận thức về rủi ro và kiểm soát;
- Đào tạo về Cẩm nang QTRR;
- Hội thảo đánh giá rủi ro.

Qua quá trình triển khai và giám sát sơ bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh tại một số đơn vị thành viên, các rủi ro được nhận diện và phân loại trong mọi hoạt động của doanh nghiệp như rủi ro về chính sách (thay đổi chính sách thuế, đầu tư, ...), tài chính (ứ đọng hàng tồn kho, công nợ phải thu chậm, ...), đầu tư xây dựng cơ bản và khai thác sau đầu tư (khảo sát tính toán hiệu quả chính xác, chậm tiến độ, hiệu quả đầu tư thấp do nhân sự, thị trường, ...), đầu tư tài chính dài hạn (thẩm định đối tượng đầu tư chưa chính xác, hiệu quả sử dụng vốn thấp, ...), v.v.

Như vậy, để kiến toàn hiệu quả hoạt động và đầu tư của doanh nghiệp, công tác quản trị rủi ro (bao gồm việc phát hiện, nhận diện và kiểm soát rủi ro) cần được coi là hoạt động trọng tâm trong công tác quản trị doanh nghiệp và cần được truyền thông phổ biến đến từng bộ phận chức năng và từng vị trí công tác, từng cá nhân để hình thành ý thức về công tác quản trị rủi ro nhằm tham mưu và giảm thiểu hậu quả của rủi ro. Đối với những đơn vị đã có tiềm ẩn rủi ro, hoạt động kiểm soát, giám sát đánh giá phải thực hiện thường xuyên.

4.2. Kế hoạch hoạt động Quản trị rủi ro năm 2018

Để tiếp tục duy trì hoạt động QTRR trong toàn hệ thống, Tập đoàn sẽ tiếp tục triển khai các hoạt động trong năm 2018 như sau:

- ❖ Xây dựng củng cố cơ cấu tổ chức của chức năng QTRR tại Công ty mẹ Tập đoàn và một số đơn vị thành viên;
- ❖ Xây dựng kế hoạch truyền thông nâng cao nhận thức và năng lực của toàn Tập đoàn về công tác QTRR;
- ❖ Tiếp tục triển khai nhận diện và xác định mức độ rủi ro theo nhóm ngành Sợi - Dệt Nhuộm - Hoàn tất - May;
- ❖ Cập nhật danh mục rủi ro của Tập đoàn.

VI/ Báo cáo kiểm toán hợp nhất



Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017



Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thông tin về Tập đoàn

Giấy chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0100100008

Ngày 29 tháng 1 năm 2015

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được sửa đổi nhiều lần và lần gần đây nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100008 ngày 11 tháng 12 năm 2017. Các Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Quang Nghị	Chủ tịch
Ông Lê Tiến Trường	Ủy viên
Ông Đặng Vũ Hùng	Ủy viên
Ông Phạm Phú Cường	Ủy viên
Ông Lê Khắc Hiệp	Ủy viên
Ông Lê Đình Ngọc	Ủy viên
Ông Don Di Lam	Ủy viên

Cơ quan Tổng Giám đốc

Ông Lê Tiến Trường	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Duy Hạnh	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1/3/2018)
Bà Phạm Nguyên Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Trung Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Vệ Dũng	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1/3/2018)
Ông Đặng Vũ Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Phú Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Khiêm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Tân	Giám đốc Điều hành
Ông Nguyễn Khánh Sơn	Giám đốc Điều hành
Ông Lê Mạc Thuần	Giám đốc Điều hành
Bà Phạm Minh Hương	Giám đốc Điều hành
Ông Cao Hữu Hiếu	Giám đốc Điều hành (từ ngày 1/2/2018)

Trụ sở đăng ký

25 Phố Bà Triệu, Phường Hàng Bài
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Báo cáo của Cơ quan Tổng Giám đốc

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Cơ quan Tổng Giám đốc:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 6 đến trang 85 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Cơ quan Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn Dệt May Việt Nam sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Cơ quan Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Cơ quan Tổng Giám đốc



Lê Tiên Trường
Lê Tiên Trường
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 5 tháng 4 năm 2018



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam phê duyệt phát hành ngày 5 tháng 4 năm 2018, được trình bày từ trang 6 đến trang 85.

Trách nhiệm của Cơ quan Tổng Giám đốc

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Cơ quan Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Cơ quan Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang ghi nhận khoản đầu tư vào Công ty TNHH Coats Phong Phú, một công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, với giá trị ghi sổ là 353.406 triệu VND trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 311.904 triệu VND). Phần sở hữu của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty TNHH Coats Phong Phú là 41.502 triệu VND (2016: 160.140 triệu VND), đang được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc cùng ngày. Chúng tôi không được tiếp cận với các sổ sách và chứng từ kế toán của Công ty TNHH Coats Phong Phú cũng như không được trao đổi thông tin với đơn vị kiểm toán của công ty liên kết này nên không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết đối với khoản đầu tư vào Công ty TNHH Coats Phong Phú tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như phần sở hữu của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm kết thúc cùng ngày của Công ty TNHH Coats Phong Phú và các thông tin so sánh có liên quan. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần điều chỉnh các số liệu này hay không nếu chúng tôi được tiếp cận với các sổ sách và chứng từ kế toán của Công ty TNHH Coats Phong Phú cũng như được trao đổi thông tin với đơn vị kiểm toán của công ty liên kết này để thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết. Báo cáo kiểm toán của chúng tôi về báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng đưa ra ý kiến ngoại trừ liên quan đến vấn đề này.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc tới:

- Thuyết minh 2(a), 3(b) và 3(d)(iv) của báo cáo tài chính hợp nhất. Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng một số chính sách kế toán liên quan đến việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính trong việc lập báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ và Bộ Tài chính tại Công văn số 1510/VPCP-KTTH ngày 21 tháng 2 năm 2017 và Công văn số 2792/BTC-TCDN ngày 3 tháng 3 năm 2017. Các chính sách kế toán này có một số khác biệt so với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính như được nêu cụ thể tại các Thuyết minh 2(a), 3(b) and 3(d)(iv) và vẫn tiếp tục có ảnh hưởng đến việc lập báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

- Thuyết minh 7(c) và 24(a) của báo cáo tài chính hợp nhất. Trong năm 2015, căn cứ vào Công văn số 17623/BTC-TCDN ngày 26 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc xử lý tồn tại tài chính tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (“Công văn 17623”), Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã định giá lại các khoản đầu tư tài chính, đầu tư chứng khoán mà trước đó đã được xác định trong giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, ghi nhận khoản phải nộp quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp tương ứng với phần giá trị tăng thêm do định giá lại các khoản đầu tư và điều chỉnh lại số liệu kế toán tại ngày 1 tháng 1 năm 2015. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, giá trị sổ sách của khoản phải nộp là 363.057 triệu VND (1/1/2017: 364.061 triệu VND). Cũng theo Công văn số 17623, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ phải nộp số tiền nói trên về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp trong vòng không quá 12 tháng kể từ ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam lập Báo cáo quyết toán tài chính để chính thức chuyển thành công ty cổ phần (trước ngày 31 tháng 5 năm 2016).

Ngày 27 tháng 4 năm 2016, Tập đoàn đã gửi Công văn số 433/TĐDMVN-TCKT lên Thủ tướng Chính phủ trình bày một số vướng mắc mà Tập đoàn gặp phải trong cách thức định giá lại các khoản đầu tư như theo các văn bản hướng dẫn có liên quan, đồng thời đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét cho phép Tập đoàn Dệt May Việt Nam được chậm nộp số tiền nói trên đến khi Tập đoàn bán khoản đầu tư hoặc khi các đơn vị nhận đầu tư phân chia cổ tức cho các cổ đông từ khoản thặng dư đã được dùng để định giá lại các khoản đầu tư, nhưng tối đa không quá 5 năm.

Xét đề nghị của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, ngày 7 tháng 6 năm 2016, Văn phòng Chính phủ đã ban hành Công văn số 4424/VPCP-ĐMDN giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công thương và Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện tính toán để xác định chính xác khoản chênh lệch do định giá lại các khoản đầu tư tài chính, trên cơ sở đó xác định số tiền Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải nộp. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, Bộ Tài chính và Bộ Công thương đang tiến hành làm việc với Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ. Giá trị được định giá lại của các khoản đầu tư cũng như khoản phải nộp quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp và thời hạn nộp, do đó, có thể thay đổi và phụ thuộc vào kết quả làm việc của Bộ Tài chính và Bộ Công thương.

Các vấn đề nhấn mạnh này không liên quan đến ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi về báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 17-02-143



Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0557-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Lê Việt Hùng

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0296-2018-007-1

Hà Nội, ngày 5 tháng 4 năm 2018

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017****Mẫu B 01 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		9.474.983.419.484	9.232.272.849.491
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	1.496.319.038.319	1.496.458.060.972
Tiền	111		314.803.881.248	432.381.528.676
Các khoản tương đương tiền	112		1.181.515.157.071	1.064.076.532.296
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		720.376.522.818	952.742.245.703
Chứng khoán kinh doanh	121	7(a)	47.062.178.000	74.767.938.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7(b)	673.314.344.818	877.974.307.703
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.220.244.858.253	3.214.916.530.328
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	2.054.321.190.242	2.233.797.278.820
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		452.436.893.222	438.017.367.291
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	162.127.442.156	178.039.342.156
Phải thu ngắn hạn khác	136	10(a)	846.040.724.198	736.642.535.818
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(296.217.456.995)	(372.376.455.800)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.536.065.430	796.462.043
Hàng tồn kho	140	12	3.637.394.757.076	3.206.970.570.062
Hàng tồn kho	141		3.729.895.641.565	3.286.587.250.440
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(92.500.884.489)	(79.616.680.378)
Tài sản ngắn hạn khác	150		400.648.243.018	361.185.442.426
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	18(a)	33.896.041.635	22.951.998.731
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		336.698.263.287	303.657.389.304
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	22(a)	30.053.938.096	34.533.164.391
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	42.890.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		11.431.176.976.389	10.562.150.445.970
Các khoản phải thu dài hạn	210		825.796.101.240	816.148.711.068
Phải thu về cho vay dài hạn	215		7.622.700.000	8.779.800.000
Phải thu dài hạn khác	216	10(b)	937.495.996.036	926.691.505.864
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	11	(119.322.594.796)	(119.322.594.796)
Tài sản cố định	220		6.570.669.864.509	5.920.080.043.826
Tài sản cố định hữu hình	221	13	6.393.049.968.080	5.717.940.489.530
<i>Nguyên giá</i>	222		12.236.634.594.087	11.057.270.172.417
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(5.843.584.626.007)	(5.339.329.682.887)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	14	44.906.094.256	66.701.591.216
<i>Nguyên giá</i>	225		55.877.351.986	92.266.466.013
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(10.971.257.730)	(25.564.874.797)
Tài sản cố định vô hình	227	15	132.713.802.173	135.437.963.080
<i>Nguyên giá</i>	228		165.599.933.067	163.437.173.507
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(32.886.130.894)	(27.999.210.427)
Bất động sản đầu tư	230	16	166.252.445.854	101.577.232.243
<i>Nguyên giá</i>	231		194.203.816.464	125.681.566.539
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(27.951.370.610)	(24.104.334.296)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.292.091.470.162	1.132.142.569.223
Xây dựng cơ bản dở dang	242	17	1.292.091.470.162	1.132.142.569.223
Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.124.528.222.477	2.078.912.289.673
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	7(c)	1.888.606.874.259	1.850.568.941.017
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	7(c)	251.716.814.537	243.768.742.829
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	7(c)	(21.700.466.319)	(15.430.394.173)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	7(b)	5.905.000.000	5.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		451.838.872.147	513.289.599.937
Chi phí trả trước dài hạn	261	18(b)	430.050.234.807	474.443.631.662
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	19	5.715.060.012	7.707.701.095
Tài sản dài hạn khác	268		607.358.933	581.358.933
Lợi thế thương mại	269	20	15.466.218.395	30.556.908.247
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		20.906.160.395.873	19.794.423.295.461

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 01 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		13.084.847.897.467	12.199.952.761.421
Nợ ngắn hạn	310		7.474.895.414.897	6.882.415.310.550
Phải trả người bán ngắn hạn	311	21	1.160.954.234.781	1.271.169.240.648
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		106.429.353.496	88.424.737.403
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	22(b)	83.482.313.067	93.848.959.150
Phải trả người lao động	314		452.951.659.183	486.933.807.748
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	23(a)	108.710.655.223	175.649.205.078
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		7.888.880.246	818.362.962
Phải trả ngắn hạn khác	319	24(a)	572.775.002.858	604.454.028.623
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	26(a)	4.826.475.573.943	4.021.595.561.126
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	28	155.227.742.100	139.521.407.812
Nợ dài hạn	330		5.609.952.482.570	5.317.537.450.871
Phải trả người bán dài hạn	331	21	26.861.482.870	15.920.738.161
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		19.932.033.609	22.844.764.105
Chi phí phải trả dài hạn	333	23(b)	25.614.144.000	26.562.816.000
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	25	213.353.268.541	140.636.004.076
Phải trả dài hạn khác	337	24(b)	103.509.223.552	138.799.092.807
Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn	338	26(b)	5.088.480.662.528	4.818.025.937.605
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	19	61.104.288.874	64.896.986.719
Dự phòng phải trả dài hạn	342	27	70.982.251.715	89.675.918.318
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		115.126.881	175.193.080

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	29	7.821.312.498.406	7.594.470.534.040
Vốn chủ sở hữu	410		7.788.889.846.384	7.559.178.352.429
Vốn cổ phần	411	30	5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		29.911.650.892	29.911.650.892
Vốn khác của chủ sở hữu	414		42.248.630.739	42.248.630.739
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(742.835.089.736)	(742.835.089.736)
Quỹ đầu tư phát triển	418	32	494.461.905.677	457.818.876.459
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		10.981.645.059	10.981.645.059
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		569.477.391.709	555.190.797.152
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		183.521.885.595	230.356.822.217
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		385.955.506.114	324.833.974.935
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	33	550.677.792.232	553.877.792.360
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.833.965.919.812	1.651.984.049.504
Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		32.422.652.022	35.292.181.611
Nguồn kinh phí	431		-	553.206.786
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		32.422.652.022	34.738.974.825
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		20.906.160.395.873	19.794.423.295.461

Ngày 5 tháng 4 năm 2018

Người lập:



Trần Thị Thu Hằng
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Phạm Văn Tân
Kế toán trưởng

Lê Tiên Trường
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	35	17.468.652.438.905	15.486.320.109.641
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	35	22.108.638.963	24.799.294.989
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		17.446.543.799.942	15.461.520.814.652
Giá vốn hàng bán	11	36	15.854.507.030.477	13.757.366.211.159
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		1.592.036.769.465	1.704.154.603.493
Doanh thu hoạt động tài chính	21	37	317.894.919.942	339.153.140.130
Chi phí tài chính	22	38	406.266.228.809	486.708.411.396
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>356.407.134.776</i>	<i>333.839.233.856</i>
Phần lãi trong công ty liên kết	24		545.092.625.913	506.863.393.007
Chi phí bán hàng	25	39	546.608.882.782	492.057.897.689
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	40	870.496.583.100	1.023.404.836.216
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		631.652.620.629	547.999.991.329
Thu nhập khác	31	41	155.013.424.872	203.776.358.682
Chi phí khác	32	42	38.196.201.873	68.275.657.378
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		116.817.222.999	135.500.701.304
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		748.469.843.628	683.500.692.633
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	44	65.096.360.754	80.177.835.872
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	44	(1.800.056.762)	24.000.499.701
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (chuyển sang trang sau)	60		685.173.539.636	579.322.357.060

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 02 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

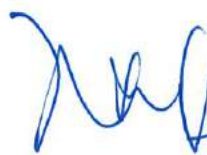
	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60		685.173.539.636	579.322.357.060
Phân bổ cho:				
Cổ đông của công ty mẹ	61		385.955.506.114	324.833.974.935
Cổ đông không kiểm soát	62		299.218.033.522	254.488.382.125
Lãi trên cổ phiếu		45		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		772	650
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		695	585

Ngày 5 tháng 4 năm 2018

Người lập:

Trần Thị Thu Hằng
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:

Phạm Văn Tân
Kế toán trưởngLê Tiến Trường
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		748.469.843.628	683.500.692.633
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		770.418.177.919	641.193.318.038
Các khoản dự phòng	03		40.136.391.626	170.894.626.686
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(4.293.645.858)	46.747.397.531
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(811.245.418.173)	(782.882.495.085)
Chi phí lãi vay	06		356.407.134.776	333.839.233.856
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		1.099.892.483.918	1.093.292.773.659
Biến động các khoản phải thu	09		74.176.195.439	(328.475.608.151)
Biến động hàng tồn kho	10		(448.816.094.841)	(214.336.914.153)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(89.816.698.563)	191.155.368.364
Biến động chi phí trả trước	12		43.678.935.582	(2.797.149.589)
Biến động chứng khoán kinh doanh	13		30.827.944.622	60.000.000
			709.942.766.157	738.898.470.130
Tiền lãi vay đã trả	14		(369.228.002.705)	(300.611.806.591)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(82.590.700.909)	(68.682.102.247)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	79.939.016.011
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(105.703.376.367)	(86.419.815.739)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		152.420.686.176	363.123.761.564

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(1.685.881.799.684)	(1.950.089.480.586)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		34.139.540.984	126.789.470.063
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(367.062.257.060)	(898.553.317.359)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		582.403.023.029	343.558.868.302
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(95.708.331.911)	(67.927.335.542)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		168.861.954.095	163.902.811.549
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		460.991.284.201	429.142.754.368
Ảnh hưởng thuần của việc thanh lý công ty con và hợp nhất công ty con mới trong năm		5(a)	13.665.988.743	(116.831.226.727)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(888.590.597.603)	(1.970.007.455.932)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của cổ đông thiểu số	31		20.893.610.000	65.779.619.792
Tiền thu từ đi vay	33		15.768.135.886.323	14.562.238.424.160
Tiền trả nợ gốc vay	34		(14.658.445.805.365)	(13.594.453.139.645)
Tiền trả cổ tức	36		(396.211.874.315)	(402.656.062.222)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		734.371.816.643	630.908.842.085

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(1.798.094.784)	(975.974.852.283)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		1.496.458.060.972	2.472.432.913.255
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.659.072.131	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	6	1.496.319.038.319	1.496.458.060.972

Ngày 5 tháng 4 năm 2018

Người lập:



Trần Thị Thu Hằng
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Phạm Văn Tân
Kế toán trưởng



Lê Tiến Trường
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tập đoàn Dệt May Việt Nam được thành lập dưới hình thức là một công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 974/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 25 tháng 6 năm 2010.

Căn cứ vào Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 6 tháng 5 của Thủ tướng Chính Phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam, căn cứ vào Công văn số 4085/BTC – TC ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Công Thương về việc bán cổ phần lần đầu, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện việc bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng theo hình thức kết hợp vừa bán bớt một phần vốn Nhà nước, vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 22 tháng 9 năm 2014. Theo đó, vốn điều lệ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam sau cổ phần hóa là 5.000 tỷ VND, trong đó Nhà nước giữ cổ phần chi phối. Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu ngày 29 tháng 1 năm 2015.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nhiệm vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư vốn và có toàn quyền quản lý vốn đầu tư trong các công ty con của Tập đoàn để đảm bảo duy trì và phát triển nguồn vốn này, cụ thể như sau:

1. Sản xuất và kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại xơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, dây tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất;
- Gia công, sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy hải sản (sơ chế); đóng gói thực phẩm tươi, thực phẩm sơ chế, thực phẩm khô, bánh mứt các loại;
- Sản xuất kinh doanh nguyên liệu bông xơ; nguyên phụ liệu, bao bì cho sản xuất và chế biến bông; dịch vụ kỹ thuật và kinh doanh các loại giống cây trồng, phân bón và vật tư nông nghiệp khác; sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ cho ngành nông lâm nghiệp; chế biến nông sản; kiểm nghiệm giống bông, giống cây trồng, chất lượng bông xơ;

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- Xuất nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải, vật liệu điện, điện tử, phần mềm và thiết bị tin học, cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác;
 - Kinh doanh bán lẻ các sản phẩm dệt may và các sản phẩm tiêu dùng khác, gồm: đầu tư xây dựng siêu thị; cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại); cho thuê kho, bãi đậu xe, dịch vụ giữ xe; mua bán hàng dệt may, vật tư công nghiệp và các sản phẩm tiêu dùng khác; bia, rượu, thuốc lá các loại; bán hàng lưu động đã đăng ký trong giấy phép đăng ký kinh doanh;
 - Dịch vụ: thi công, lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện lạnh, công nghiệp; tư vấn, thiết kế quy trình công nghệ, bố trí máy móc thiết bị cho ngành công nghiệp dân dụng; tư vấn thiết kế lập các dự án đầu tư trong lĩnh vực dệt may, môi trường; tư vấn giám sát, kiểm tra, đánh giá hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kỹ thuật, thương mại và môi trường; thiết kế, chế tạo thiết bị, linh kiện và lắp đặt hệ thống điện công nghiệp, hệ thống cầu, thang nâng hạ, thang máy sản xuất, kinh doanh sửa chữa, lắp đặt các sản phẩm cơ khí và máy móc thiết bị công nghiệp; thực hiện các dịch vụ thương mại và công việc có tính chất công nghiệp; giám định kiểm tra chất lượng nguyên phụ liệu, hoá chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm dệt may; dịch vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo nghề dệt may công nghiệp, nghề cơ khí; xuất khẩu lao động Việt Nam; uỷ thác mua bán xăng, dầu; kinh doanh kho vận, kho ngoại quan; thiết kế, thi công xây lắp phục vụ ngành công nghiệp và xây dựng dân dụng; dịch vụ khoa học công nghệ, du lịch, khách sạn, nhà hàng, văn phòng, vận tải, du lịch lữ hành trong nước; tư vấn thiết kế dịch vụ đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng, dịch vụ ăn uống bình dân, dịch vụ vui chơi giải trí, thể dục thể thao; đại lý bán vé máy bay và đại lý bưu chính viễn thông;
 - Kinh doanh tài chính; hoạt động tài chính, chứng khoán, dịch vụ tài chính khác;
 - Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp và đô thị; kinh doanh bất động sản; kinh doanh phát triển nhà, khu công nghiệp, đô thị; cho thuê nhà xưởng, nhà ở, văn phòng; đầu tư kinh doanh bưu chính viễn thông;
 - Tổ chức hội chợ triển lãm, biểu diễn thời trang trong và ngoài nước; xuất bản, in ấn; và
 - Đầu tư ra nước ngoài; làm đại diện cho các công ty nước ngoài tại Việt Nam.
2. Đầu tư, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị nhận đầu tư khác.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn có 50 công ty con và 32 công ty liên kết (1/1/2017: 54 công ty con và 34 công ty liên kết).

Chi tiết các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn đã được hạch toán trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Loại công ty	Số lượng đơn vị	Tham chiếu
Các công ty con cấp 1 của Tập đoàn mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất	15	Xem Phụ lục 1
Các công ty con cấp 2 của Tập đoàn mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất	35	Xem Phụ lục 2
	50	
Các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất.	32	Xem Phụ lục 3
	82	

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn có 40.316 nhân viên (1/1/2017: 36.904 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, ngoại trừ một số chính sách kế toán được Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng trong năm 2016 và vẫn còn ảnh hưởng đến năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 liên quan đến việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Căn cứ theo Công văn số 1510/VPCP-KTTH ngày 21 tháng 2 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ và Công văn số 2792/BTC-TCDN ngày 3 tháng 3 năm 2017 của Bộ Tài chính, cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện việc (i) ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ; và (ii) trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính như sau:

- (i) Đối với khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải phân bổ vào chi phí trong năm 2016 ít nhất bằng chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017, số còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ cho những năm sau nhưng không quá 5 năm (từ năm 2017 đến năm 2021); và

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (ii) Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam không trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán đối với các đơn vị niêm yết trên thị trường chứng khoán có kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi. Đối với các đơn vị niêm yết trên thị trường chứng khoán có kết quả sản xuất kinh doanh bị lỗ, Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán theo quy định hiện hành.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Sau khi đã kiểm soát công ty con, nếu Tập đoàn tiếp tục đầu tư vào công ty con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ thì phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được coi là giao dịch vốn chủ sở hữu.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) *Mất quyền kiểm soát*

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iv) *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(v) *Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất*

Các số dư và giao dịch trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

(vi) *Hợp nhất kinh doanh*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam được ghi nhận vào tài khoản chi phí trả trước dài hạn, như đã trình bày trong Thuyết minh 2(a). Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất số lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017. Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn Dệt May Việt Nam tiếp tục phân bổ số lỗ còn lại theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

Nếu Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam ghi nhận tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, chi phí trả trước dài hạn và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ cùng giảm 12.116 triệu VND (1/1/2017: 15.146 triệu VND), chi phí tài chính và lợi nhuận sau thuế TNDN cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ giảm và tăng cùng một giá trị là 3.029 triệu VND (2016: chi phí tài chính và lợi nhuận sau thuế TNDN sẽ tăng và giảm cùng một giá trị là 15.146 triệu VND).

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tập đoàn nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

(iv) Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, như đã trình bày trong Thuyết minh 2(a), Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam không trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán đối với các đơn vị niêm yết trên thị trường chứng khoán có kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi. Đối với các đơn vị niêm yết trên thị trường chứng khoán có kết quả sản xuất kinh doanh bị lỗ, Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán theo quy định hiện hành.

Nếu Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư như theo quy định của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp (“Thông tư 228”) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 Sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 trong năm phát sinh, chi phí tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ giảm 26.499 triệu VND (2016: chi phí tài chính tăng 26.499 triệu VND).

Dự phòng giảm giá đầu tư vào các đơn vị khác được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tập đoàn khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia.

Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Hàng tồn kho được sản xuất và để bán

Đối với thành phẩm và sản phẩm sản xuất dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Bất động sản xây dựng để bán trong tương lai

Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh và bao gồm chi phí đất, chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Đất thuê đang phát triển để cho thuê lại trong tương lai

Giá gốc bao gồm tiền thuê đất và các chi phí phát triển liên quan khác bao gồm chi phí phát triển cơ sở hạ tầng, thiết bị và chi phí cho các khu vực chung.

(g) Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát được Tập đoàn ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất theo các nội dung sau:

- Giá trị tài sản góp vốn liên doanh mà Tập đoàn kiểm soát;
- Các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn phải gánh chịu;
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ của liên doanh; và
- Các khoản chi phí Tập đoàn phải gánh chịu.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí bảo dưỡng và đại tu, ngoại trừ chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận vào chi phí trả trước dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
▪ tài sản khác	4 – 10 năm

(i) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(h).

(j) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất; và
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của quyền sử dụng đất.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 8 năm.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(k) Bất động sản đầu tư

(i) Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê là quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao do có thời hạn không xác định. Bất động sản đầu tư cho thuê là nhà cửa được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 10 – 50 năm
- hạ tầng khu công nghiệp 4 – 45 năm

(l) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(m) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ chi phí thành lập, chi phí đào tạo, quảng cáo, khuyến mại phát sinh từ ngày thành lập cho tới ngày bắt đầu hoạt động. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

(ii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”), và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Chi phí thuê văn phòng và nhà máy trả trước

Chi phí thuê văn phòng và nhà máy trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

(iv) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(v) Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được xác định thông qua quá trình cổ phần hóa Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam và một số công ty con do Công ty mẹ sở hữu 100% vốn điều lệ và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian không quá 3 năm kể từ khi công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động.

(vi) Phụ tùng thay thế

Phụ tùng thay thế được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 5 năm.

(vii) Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định bao gồm các chi phí chủ yếu phát sinh theo chu kỳ trong thời gian sử dụng tài sản. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(viii) Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Như đã trình bày trong Thuyết minh 2(a), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam, trừ phần chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017 đã được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm 2016, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm (từ năm 2017 đến năm 2021).

(ix) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(n) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con và công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Tập đoàn xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được gộp trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được phân bổ.

(o) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(p) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(q) Trái phiếu phát hành

Trái phiếu thường

Trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành.

(r) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(s) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(t) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iv) Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu. Việc chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích được xác định tại thời điểm bán hoặc hoàn thành bàn giao bất động sản, tùy theo thời điểm nào muộn hơn.

(v) Doanh thu cho thuê lại đất thuê

Doanh thu cho thuê lại đất thuê được ghi nhận trước một lần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho toàn bộ thời hạn thuê nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Thời hạn thuê lại lớn hơn 90% thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất;
- Bên thuê không có quyền hủy bỏ hợp đồng thuê đất và bên cho thuê không có nghĩa vụ hoàn trả số tiền nhận trước trong bất cứ trường hợp nào và dưới bất kỳ hình thức nào;
- Số tiền thuê đất nhận trước không nhỏ hơn 90% tổng khoản thanh toán tiền thuê ước tính nhận được theo hợp đồng trong thời hạn thuê đất và bên thuê phải trả toàn bộ khoản thanh toán tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ ngày bắt đầu thuê đất;
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu quyền sử dụng đất được chuyển giao cho bên thuê; và
- Tập đoàn có thể ước tính được một cách đáng tin cậy các chi phí phát sinh liên quan đến hợp đồng thuê đất.

(vi) Doanh thu cho thuê tài sản khác

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(vii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(viii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(u) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(v) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(w) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

(x) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

(y) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm các công ty liên kết của Tập đoàn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn có các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại sơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, dây tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất; và
- Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải, vật liệu điện, điện tử, phần mềm và thiết bị tin học, cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác; và
- Các hoạt động khác: chủ yếu bao gồm bán và cho thuê bất động sản.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Năm 2017	Công nghiệp dệt may VND	Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	14.296.107.009.785	1.709.458.063.604	1.440.978.726.553	-	17.446.543.799.942
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	3.044.536.895.422	247.992.459.143	78.468.354.487	(3.370.997.709.052)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của bộ phận	17.340.643.905.207	1.957.450.522.747	1.519.447.081.040	(3.370.997.709.052)	17.446.543.799.942
Phản lãi trong công ty liên kết	520.773.120.080	16.619.837.518	7.699.668.315	-	545.092.625.913
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	607.802.375.747	(35.648.869.837)	76.216.930.212	(16.717.815.493)	631.652.620.629
Thu nhập khác	165.723.160.704	619.742.760	10.943.558.378	(22.273.036.970)	155.013.424.872
Chi phí khác	(53.538.832.058)	(4.815.252.367)	(1.753.731.876)	21.911.614.428	(38.196.201.873)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(44.254.654.474)	(495.315.269)	(20.346.391.011)	-	(65.096.360.754)
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại	(1.451.567.836)	-	-	3.251.624.598	1.800.056.762
Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế	674.280.482.083	(40.339.694.713)	65.060.365.703	(13.827.613.437)	685.173.539.636

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Công nghiệp dệt may VND	Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Tại ngày 31/12/2017					
Tài sản của bộ phận	22.752.287.485.520	338.778.653.975	2.213.971.206.938	(6.287.483.824.819)	19.017.553.521.614
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	1.473.703.117.650	412.560.000	307.875.000	414.183.321.609	1.888.606.874.259
Tổng tài sản	24.225.990.603.170	339.191.213.975	2.214.279.081.938	(5.873.300.503.210)	20.906.160.395.873
Tổng nợ phải trả	14.645.651.136.221	490.949.064.894	998.368.920.962	(3.050.121.224.610)	13.084.847.897.467
Năm 2017					
Chi tiêu vốn	1.518.897.259.349	24.644.967.163	156.710.325.284	(14.370.752.112)	1.685.881.799.684
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	671.359.616.377	24.837.380.347	47.501.161.767	(27.133.777.307)	716.564.381.184
Khấu hao tài sản cố định hữu hình thuế tài chính	6.388.429.852	-	-	-	6.388.429.852
Khấu hao tài sản cố định vô hình	4.740.243.010	-	76.620.780	246.014.592	5.062.878.382
Khấu hao bất động sản đầu tư	5.175.920.816	179.539.734	6.570.142.400	(7.829.699.518)	4.095.903.432

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Năm 2016	Công nghiệp dệt may VND	Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	11.822.785.442.979	2.288.206.407.653	1.350.528.964.020	-	15.461.520.814.652
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	2.927.750.522.683	188.308.781.638	58.675.903.151	(3.174.735.207.472)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của bộ phận	14.750.535.965.662	2.476.515.189.291	1.409.204.867.171	(3.174.735.207.472)	15.461.520.814.652
Phần lãi trong công ty liên kết	-	-	-	506.863.393.007	506.863.393.007
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	616.979.303.217	(71.839.882.746)	63.307.230.338	(60.446.659.480)	547.999.991.329
Thu nhập khác	206.696.859.393	2.611.304.028	1.561.398.959	(7.093.203.698)	203.776.358.682
Chi phí khác	(56.179.343.902)	(11.633.472.651)	(4.977.809.690)	4.514.968.865	(68.275.657.378)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(62.458.736.885)	(471.772.891)	(17.247.326.096)	-	(80.177.835.872)
Lợi ích/(chi phí) thuế thu nhập hoãn lại	1.638.052.138	-	-	(25.638.551.839)	(24.000.499.701)
Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế	706.676.133.961	(81.333.824.260)	42.643.493.511	(88.663.446.152)	579.322.357.060

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Công nghiệp dệt may VND	Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Tại ngày 1/1/2017					
Tài sản của bộ phận	21.189.022.784.889	311.650.238.461	2.677.447.566.562	(6.234.266.235.468)	17.943.854.354.444
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	1.536.176.143.382	412.560.000	307.875.000	313.672.362.635	1.850.568.941.017
Tổng tài sản	22.725.198.928.271	312.062.798.461	2.677.755.441.562	(5.920.593.872.833)	19.794.423.295.461
Tổng nợ phải trả	13.148.327.345.871	464.991.161.419	1.521.822.896.190	(2.935.188.642.059)	12.199.952.761.421
Năm 2016					
Chi tiêu vốn	1.725.307.884.437	12.011.701.586	280.884.605.755	(68.114.711.192)	1.950.089.480.586
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	559.045.492.972	4.185.251.935	48.117.340.122	(35.958.656.768)	575.389.428.261
Khấu hao tài sản cố định hữu hình thuế tài chính	7.871.890.315	-	-	-	7.871.890.315
Khấu hao tài sản cố định vô hình	4.587.513.047	-	104.866.142	-	4.692.379.189
Khấu hao bất động sản đầu tư	1.774.399.678	127.523.400	1.726.341.985	-	3.628.265.063

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý**

Bộ phận chia theo vùng địa lý được căn cứ vào khu vực phát sinh doanh thu. Theo đó, Cơ quan Tổng Giám đốc xác định bộ phận chia theo vùng địa lý cần được báo cáo bao gồm nội địa và xuất khẩu.

Năm 2017	Nội địa VND	Xuất khẩu VND	Hợp nhất VND
Tổng doanh thu của bộ phận	5.437.391.769.465	12.009.152.030.477	17.446.543.799.942
Kết quả kinh doanh của bộ phận	652.145.912.735	939.890.856.730	1.592.036.769.465
Thu nhập không phân bổ			862.987.545.855
Chi phí không phân bổ			(1.823.371.694.691)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh			631.652.620.629
Thu nhập khác			155.013.424.872
Chi phí khác			(38.196.201.873)
Thuế thu nhập doanh nghiệp			(63.296.303.992)
Lợi nhuận thuần sau thuế			685.173.539.636
	Nội địa VND	Xuất khẩu VND	Hợp nhất VND
Tại ngày 31/12/2017			
Tài sản của bộ phận	1.194.873.751.749	1.015.666.874.720	2.210.540.626.469
Giá trị còn lại tài sản không phân bổ			18.695.619.769.404
Tổng tài sản			20.906.160.395.873
Nợ phải trả của bộ phận	917.355.238.076	396.821.866.680	1.314.177.104.756
Các khoản nợ không phân bổ			11.770.670.792.711
Tổng nợ phải trả			13.084.847.897.467

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Năm 2016	Nội địa VND	Xuất khẩu VND	Hợp nhất VND
Tổng doanh thu của bộ phận	5.492.979.957.335	9.968.540.857.317	15.461.520.814.652
Kết quả kinh doanh của bộ phận	747.378.688.867	956.775.914.626	1.704.154.603.493
Thu nhập không phân bổ			846.016.533.137
Chi phí không phân bổ			(2.002.171.145.301)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh			547.999.991.329
Thu nhập khác			203.776.358.682
Chi phí khác			(68.275.657.378)
Thuế thu nhập doanh nghiệp			(104.178.335.573)
Lợi nhuận thuần sau thuế			579.322.357.060
	Nội địa VND	Xuất khẩu VND	Hợp nhất VND
Tại ngày 1/1/2017			
Tài sản của bộ phận	867.718.840.314	1.366.078.438.506	2.233.797.278.820
Giá trị còn lại tài sản không phân bổ			17.560.626.016.641
Tổng tài sản			19.794.423.295.461
Nợ phải trả của bộ phận	909.626.183.659	377.463.795.150	1.287.089.978.809
Các khoản nợ không phân bổ			10.912.862.782.612
Tổng nợ phải trả			12.199.952.761.421

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

5. Hợp nhất kinh doanh

(a) Mất quyền kiểm soát tại các công ty con

Trong năm, Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú, một công ty con cấp 1 của Tập đoàn, đã chuyển nhượng một phần vốn đầu tư vào một công ty con của công ty này là Công ty TNHH Linen Supply Services với giá trị ghi sổ là 12,7 tỷ VND cho các nhà đầu tư khác, qua đó, giảm tỷ lệ sở hữu trong Công ty TNHH Linen Supply Services từ 60% xuống còn 20%. Công ty TNHH Linen Supply Services trở thành công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú và của Tập đoàn.

Trong năm, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ, một công ty con cấp 1 của Tập đoàn, đã chuyển nhượng toàn bộ khoản đầu tư vào một công ty con của công ty này là Công ty Cổ phần May Hiệp Đức với giá trị ghi sổ là 13,7 tỷ VND cho các cổ đông khác.

Trong năm, Tập đoàn đã tiến hành giải thể hai công ty con là Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phú Trà và Công ty TNHH Một thành viên Hà Đông Hà Nam.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các giao dịch này có ảnh hưởng tới tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày mất quyền kiểm soát như sau:

	Giá trị ghi sổ tại thời điểm mất quyền kiểm soát VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.180.577.586
Đầu tư tài chính ngắn hạn	488.196.916
Các khoản phải thu ngắn hạn	5.475.914.362
Hàng tồn kho	2.514.116.067
Tài sản ngắn hạn khác	1.275.850.666
Các khoản phải thu dài hạn	1.385.741.120
Tài sản cố định	64.709.596.832
Tài sản dài hạn khác	3.260.139.024
Nợ ngắn hạn	(65.890.280.773)
Nợ dài hạn	(44.184.936.997)
	<hr/>
Tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được	(19.785.085.197)
Ghi giảm lợi ích cổ đông không kiểm soát của công ty con cấp 2	(11.155.526.487)
	<hr/>
Phần tài sản thuần thuộc công ty con cấp 1 tại ngày mất quyền kiểm soát	(8.629.558.710)
Lợi thế thương mại còn lại tại thời điểm thanh lý	828.575.736
Lãi do mất quyền kiểm soát tại công ty con	32.647.549.303
	<hr/>
Tiền thu được từ thoái vốn	24.846.566.329
Khoản tiền giảm do mất quyền kiểm soát tại công ty con	(11.180.577.586)
	<hr/>
Khoản tiền thuần tăng lên do mất quyền kiểm soát tại công ty con	13.665.988.743
	<hr/>

Lãi phát sinh do mất quyền kiểm soát tại các công ty con được hạch toán vào tài khoản doanh thu hoạt động tài chính trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (Thuyết minh 37).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty liên kết

Trong năm, Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú, một công ty con cấp 1 của Tập đoàn, đã bán toàn bộ khoản đầu tư vào các công ty liên kết của công ty con này bao gồm: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Phong Phú, Công ty TNHH Xây dựng Phong Đức và Công ty Cổ phần Dệt May Gia Phúc cho các bên khác.

Các giao dịch này ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn như sau:

	VND
Tiền thu được từ thanh lý các công ty liên kết	84.200.000.000
Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào các công ty liên kết tại ngày thanh lý	61.450.087.720
	<hr/>
Lãi do thanh lý các công ty liên kết	22.749.912.280
	<hr/>

Lãi phát sinh do thanh lý các công ty liên kết được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (Thuyết minh 37).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tiền mặt	12.983.910.580	13.010.408.309
Tiền gửi ngân hàng	301.819.970.668	419.371.120.367
Các khoản tương đương tiền	1.181.515.157.071	1.064.076.532.296
	<hr/>	<hr/>
	1.496.319.038.319	1.496.458.060.972
	<hr/>	<hr/>

Trong tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có 7.562 triệu VND (1/1/2017: 47.184 triệu VND) tương ứng với các khoản phải trả cho các trường đào tạo để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCĐN (Thuyết minh 24(a)).

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm 142.000 triệu VND (1/1/2017: 115.113 triệu VND) đã được dùng để thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2017			1/1/2017				
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Ngân hàng TMCP Quốc Dân	6.919.185	47.062.178.000	51.893.887.500	-	10.995.285	74.767.938.000	48.269.301.150	-

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Quốc Dân được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Giá trị hợp lý của công cụ này được xác định chi nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

(*) Căn cứ theo Công văn số 1510/VPCP-KTTH ngày 21 tháng 2 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ và Công văn số 2792/BTC-TCDN ngày 3 tháng 3 năm 2017 của Bộ Tài chính (Thuyết minh 2(a)), cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam không trích lập dự phòng giảm giá đầu tư vào cổ phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân do ngân hàng này có kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi trong năm 2016.

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)	673.314.344.818	673.314.344.818	877.974.307.703	877.974.307.703
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (ii)	4.905.000.000	(**)	5.000.000	(**)
▪ Trái phiếu	1.000.000.000	(**)	-	-
	<u>5.905.000.000</u>		<u>5.000.000</u>	

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng và hưởng lãi suất từ 1% đến 7,2% (2016: 4,5% đến 7,2%) một năm.

(ii) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng và hưởng lãi suất từ 6,2% đến 6,6% (2016: 6%) một năm

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2017			1/1/2017			
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị ghi số VND	Giá trị hợp lý VND	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị ghi số VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty liên kết							
▪ Tổng Công ty May 10 - CTCP	33,80%	33,80%	63.109.850.824	(*)	35,51%	63.035.518.965	(*)
▪ Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	30,40%	30,40%	358.401.200.761	(*)	31,92%	337.701.471.152	(*)
▪ Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	46,93%	46,93%	191.737.465.836	(*)	46,93%	180.739.319.036	(*)
▪ Công ty Cổ phần Dầu tư Vinatex Tân Tạo	27,00%	27,00%	30.072.867.458	(*)	27,00%	25.689.104.936	(*)
▪ Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	27,69%	27,69%	87.465.848.519	(*)	27,69%	80.331.834.379	(*)
▪ Công ty Cổ phần May Đức Giang	35,20%	35,20%	41.480.458.036	(*)	36,79%	36.000.844.299	(*)
▪ Công ty Cổ phần May Hưng Yên	35,01%	35,01%	98.233.343.941	(*)	35,01%	83.176.678.571	(*)
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Viễn thông Sài Gòn Vina	30,00%	30,00%	85.229.836.420	(*)	30,00%	85.438.283.818	(*)
▪ Công ty Cổ phần Dầu tư Phát triển Phong Phú	-	-	-	(*)	13,73%	46.379.699.622	(*)
▪ Công ty TNHH Coats Phong Phú	17,86%	17,86%	353.406.378.107	(*)	18,18%	311.904.292.245	(*)
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú - Daewoon - Thủ Đức	22,05%	22,05%	142.760.307.656	(*)	24,30%	142.806.374.535	(*)
▪ Các khoản đầu tư tại công ty liên kết khác			436.709.316.701	(*)		457.365.519.459	(*)
			1.888.606.874.259			1.850.568.941.017	

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	31/12/2017		1/1/2017	
	Tỷ lệ % số hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Tỷ lệ % số hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết
Đơn vị khác	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND
<i>Các khoản đầu tư vào cổ phiếu trên thị trường</i>				
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (***)	0,01%	0,01%	1.348.555.000	1.348.555.000
<i>Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu khác</i>				
▪ Công ty Cổ phần TCE	6,09%	6,09%	-	-
▪ VINA DENIM	6,09%	6,09%	(*)	19.583.559.975
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Nam Hà Nội	0,54%	0,65%	(*)	20.000.000.000
▪ Các khoản đầu tư khác			(*)	202.836.627.854
				(15.430.394.173)
				243.768.742.829
				(15.430.394.173)

(**) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(***) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu trên thị trường được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa được niêm yết trên các Sở giao dịch chứng khoán tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Giá trị hợp lý của công cụ này được xác định chi nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn có tổng giá trị ghi sổ là 206.403 triệu VND (1/1/2017: 305.053 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Tập đoàn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động các khoản đầu tư tại các công ty liên kết trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	1.850.568.941.017	1.648.681.034.451
Tăng trong năm	10.397.506.108	58.911.280.000
Lãi từ đầu tư vào các công ty liên kết	545.092.625.913	506.863.393.007
Cổ tức được chia	(440.641.498.854)	(254.466.174.403)
Thanh lý các công ty liên kết	(68.730.438.809)	(55.260.676.249)
Giảm do tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại một số công ty liên kết giảm	(4.380.261.116)	(57.480.402.274)
Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào các công ty liên kết tại ngày chuyển thành công ty con của Tập đoàn	-	(42.804.509.933)
Tăng do công ty con cấp 2 chuyển thành công ty liên kết (Thuyết minh 5(a))	-	46.003.323.962
Khác	(3.700.000.000)	121.672.456
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	1.888.606.874.259	1.850.568.941.017

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Phải thu của khách hàng là các công ty liên quan (*)	278.511.059.494	269.720.105.352
Phải thu các khách hàng khác	1.775.810.130.748	1.964.077.173.468
	<hr/>	<hr/>
	2.054.321.190.242	2.233.797.278.820

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, các khoản phải thu khách hàng có giá trị sổ là 339.286 triệu VND (1/1/2017: 361.067 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(*) Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng là các công ty liên quan như sau:

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú – Daewon – Thủ Đức	68.330.000.504	67.867.351.724
Công ty TNHH Coats Phong Phú	61.133.310.622	83.849.547.695
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	41.459.335.800	49.096.825.798
Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế	81.624.087.388	58.111.684.580
Các công ty liên quan khác	25.964.325.180	10.794.695.555
	<hr/>	<hr/>
	278.511.059.494	269.720.105.352
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu của khách hàng là các công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là từ 30 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

9. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Bên liên quan		
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	157.300.000.000	166.800.000.000
▪ Các công ty liên quan khác	3.970.042.156	2.500.000.000
Bên thứ ba		
Các công ty khác	857.400.000	8.739.342.156
	<hr/>	<hr/>
	162.127.442.156	178.039.342.156
	<hr/>	<hr/>

Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn các công ty liên quan không có đảm bảo và hưởng lãi suất dao động từ 6,5% đến 12,5% (2016: từ 4% đến 17,2%) một năm.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***10. Phải thu khác****(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hóa	6.123.199.277	6.032.299.277
Phải thu cổ tức và lợi nhuận được chia	376.554.545.668	292.306.644.002
Phải thu lãi cho vay	171.464.480.347	80.105.056.924
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	11.006.747.826	10.457.461.989
Phải thu các khoản tạm ứng	38.438.829.241	25.240.806.180
Phải thu người lao động	1.689.721.048	1.353.984.317
Ký cược, ký quỹ	41.286.433.898	65.843.706.569
Các khoản chi hộ	7.088.237.176	9.257.686.397
Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú khoản vốn đã góp vào Dự án Đồng Mai Đặt cọc tại Ban Quản lý Dự án Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô	45.655.996.176	66.155.996.716
Phải thu Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế về các hợp đồng cho thuê tài sản	41.836.522.880	40.525.919.440
Phải thu tiền cho thuê đất trong Khu Công nghiệp Dệt May Phố Nối B	3.649.410.571	3.635.798.617
Phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh từ Công ty TNHH Tài Tín	3.242.551.090	3.242.551.090
Phải thu tiền chuyển nhượng dự án Lê Minh Xuân	1.300.000.000	1.300.000.000
Phải thu thuế giá trị gia tăng và thuế nhập khẩu được hoàn	1.375.785.827	28.579.063.361
Phải thu từ tiền phạt hợp đồng	15.187.840.986	9.142.331.171
Phải thu tiền bồi thường bảo hiểm đang chờ xử lý	15.721.527.834	15.500.718.763
Phải thu hỗ trợ Dự án di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	2.924.339.219	18.451.713.675
Phải thu khác	61.494.555.134	40.510.797.330
	846.040.724.198	736.642.535.818

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản phải thu ngắn hạn khác từ các công ty liên quan như sau:

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần May Hưng Yên	14.230.339.200	14.230.339.200
Công ty TNHH Coats Phong Phú	136.000.000.000	75.600.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	151.606.219.931	177.647.487.665
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	10.080.000.000	12.600.000.000
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	40.217.760.000	40.217.760.000
Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế	61.189.226.964	40.525.919.440
Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	24.637.500.000	24.637.500.000
Các công ty liên quan khác	22.595.863.610	31.186.931.587
	460.556.909.705	416.645.937.892

Khoản phải thu ngắn hạn khác từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được theo yêu cầu.

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Góp vốn vào hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát (i)	434.257.522.603	401.868.488.835
Phải thu tiền bồi thường đất từ Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương	119.322.594.796	119.322.594.796
Phải thu Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế về các hợp đồng cho thuê tài sản	286.448.868.412	320.069.471.852
Ký quỹ, ký cược dài hạn	47.039.359.714	46.171.520.256
Phải thu dài hạn khác	50.427.650.511	39.259.430.125
	937.495.996.036	926.691.505.864

(i) Đây là các khoản góp vốn của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú vào các hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát sau:

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Dự án Khu Công nghiệp Đồng Mai	250.000.000.000	250.000.000.000
Dự án Khu nhà ở công nhân Phước Long B	127.243.931.844	113.285.020.627
Dự án Khu Công nghiệp Lê Minh Xuân	43.532.895.759	25.102.773.208
Dự án Trung Thủy	13.480.695.000	13.480.695.000
	434.257.522.603	401.868.488.835

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Thời gian quá hạn	31/12/2017			Thời gian quá hạn	1/1/2017		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty TNHH ITG Phong Phú		-	-	-	Trên 3 năm	110.629.753.767	(110.629.753.767)	-
Công ty TNHH Dệt May Hoàng Anh	Trên 3 năm	35.500.072.750	(34.961.801.031)	538.271.719	Trên 3 năm	36.669.572.750	(29.330.536.774)	7.339.035.976
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát	Trên 3 năm	40.343.792.764	(39.966.906.135)	376.886.629	Trên 2 năm	40.393.792.764	(26.859.013.654)	13.534.779.110
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xuất nhập khẩu Hà Đông	Trên 3 năm	29.931.566.760	(29.931.566.760)	-	Trên 2 năm	29.931.566.760	(20.952.096.732)	8.979.470.028
Các khách hàng khác	Trên 2 năm	224.633.245.898	(191.357.183.069)	33.276.062.829	Trên 2 năm	223.158.157.174	(184.605.054.873)	38.553.102.301
		330.408.678.172	(296.217.456.995)	34.191.221.177		440.782.843.215	(372.376.455.800)	68.406.387.415
Nợ trong hạn nhưng khó có khả năng thu hồi								
Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương		119.322.594.796	(119.322.594.796)	-		119.322.594.796	(119.322.594.796)	-
Trong đó:								
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			(296.217.456.995)				(372.376.455.800)	
Dự phòng phải thu khó đòi – dài hạn			(119.322.594.796)				(119.322.594.796)	

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***12. Hàng tồn kho**

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	127.903.966.072	(420.248.993)	173.171.827.659	(4.525.261.870)
Nguyên vật liệu	1.215.794.223.309	(13.173.645.546)	852.388.600.295	(15.796.640.938)
Công cụ và dụng cụ	12.041.859.534	-	13.449.707.512	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.313.480.764.813	-	1.248.097.045.251	(231.095.106)
Thành phẩm	907.116.605.338	(76.690.032.363)	864.119.068.667	(58.968.861.807)
Hàng hóa	44.712.721.460	(2.216.957.587)	66.760.443.029	(94.820.657)
Hàng gửi đi bán	108.845.501.039	-	68.600.558.027	-
	3.729.895.641.565	(92.500.884.489)	3.286.587.250.440	(79.616.680.378)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 684.423 triệu VND (1/1/2017: 634.020 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có 140.129 triệu VND nguyên vật liệu, sản phẩm dở dang, thành phẩm và hàng hóa (1/1/2017: 95.310 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***13. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	2.953.731.569.056	7.590.864.887.590	291.029.625.053	80.579.358.455	141.064.732.263	11.057.270.172.417
Tăng trong năm	45.241.205.402	152.012.561.339	26.754.545.222	8.744.463.786	1.854.806.846	234.607.582.595
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	367.062.053.945	817.930.417.810	12.873.237.336	5.546.204.404	4.325.719.483	1.207.737.632.978
Chuyển sang chi phí xây dựng cơ bản dở dang	(33.212.272.904)	-	-	-	-	(33.212.272.904)
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	-	68.627.086.431	-	-	-	68.627.086.431
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	-	10.106.802.501	-	-	-	10.106.802.501
Thanh lý	(9.515.408.804)	(201.109.715.879)	(9.755.823.260)	(1.214.246.694)	(48.000.000)	(221.643.194.637)
Xóa sổ	-	(87.750.000)	-	-	-	(87.750.000)
Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con	(18.665.221.396)	(61.957.995.288)	(4.344.265.387)	(457.383.615)	(1.346.599.608)	(86.771.465.294)
Phân loại lại	9.550.582.651	(16.579.310.157)	6.410.607.566	618.119.940	-	-
Số dư cuối năm	3.314.192.507.950	8.359.806.984.347	322.967.926.530	93.816.516.276	145.850.658.984	12.236.634.594.087

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	986.616.088.222	4.074.909.962.606	166.289.579.248	45.003.711.063	66.510.341.748	5.339.329.682.887
Khấu hao trong năm	146.494.595.761	518.735.782.612	27.291.355.295	8.315.582.456	15.727.065.060	716.564.381.184
Chuyển sang chi phí xây dựng cơ bản dở dang	(9.424.339.458)	-	-	-	-	(9.424.339.458)
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	-	20.982.046.919	-	-	-	20.982.046.919
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	-	1.354.279.573	-	-	-	1.354.279.573
Thanh lý	(3.711.722.892)	(189.162.025.784)	(9.008.608.211)	(1.154.876.113)	(18.666.665)	(203.055.899.665)
Xóa sổ	-	(42.514.886)	-	-	-	(42.514.886)
Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con	(2.781.163.276)	(16.964.370.208)	(1.353.640.999)	(256.958.185)	(766.877.879)	(22.123.010.547)
Phân loại lại	(1.624.190.738)	(864.264.157)	2.347.185.845	141.269.050	-	-
Số dư cuối năm	1.115.569.267.619	4.408.948.896.675	185.565.871.178	52.048.728.271	81.451.862.264	5.843.584.626.007
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	1.967.115.480.834	3.515.954.924.984	124.740.045.805	35.575.647.392	74.554.390.515	5.717.940.489.530
Số dư cuối năm	2.198.623.240.331	3.950.858.087.672	137.402.055.352	41.767.788.005	64.398.796.720	6.393.049.968.080

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 1.729.352 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 1.724.074 triệu VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình không còn sử dụng được và chờ thanh lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 5.672 triệu VND (1/1/2017: 16.304 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 4.89.985 triệu VND (1/1/2017: 5.176.405 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***14. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	92.266.466.013	-	92.266.466.013
Tăng trong năm	31.039.243.858	1.198.728.546	32.237.972.404
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(68.627.086.431)	-	(68.627.086.431)
<hr/>			
Số dư cuối năm	54.678.623.440	1.198.728.546	55.877.351.986
<hr/>			
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	25.564.874.797	-	25.564.874.797
Khấu hao trong năm	6.368.451.042	19.978.810	6.388.429.852
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(20.982.046.919)	-	(20.982.046.919)
<hr/>			
Số dư cuối năm	10.951.278.920	19.978.810	10.971.257.730
<hr/>			
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	66.701.591.216	-	66.701.591.216
Số dư cuối năm	43.727.344.520	1.178.749.736	44.906.094.256

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***15. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	146.205.058.485	16.130.453.422	1.101.661.600	163.437.173.507
Tăng trong năm	25.931.000	1.305.761.249	500.000.000	1.831.692.249
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	484.000.000	84.167.311	568.167.311
Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con	-	(237.100.000)	-	(237.100.000)
Số dư cuối năm	146.230.989.485	17.683.114.671	1.685.828.911	165.599.933.067
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	18.499.697.665	8.895.872.171	603.640.591	27.999.210.427
Khấu hao trong năm	2.859.817.451	2.192.832.801	10.228.130	5.062.878.382
Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con	-	(175.957.915)	-	(175.957.915)
Số dư cuối năm	21.359.515.116	10.912.747.057	613.868.721	32.886.130.894
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	127.705.360.820	7.234.581.251	498.021.009	135.437.963.080
Số dư cuối năm	124.871.474.369	6.770.367.614	1.071.960.190	132.713.802.173

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có các tài sản cố nguyên giá 6.599 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 1.239 triệu VND).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***16. Bất động sản đầu tư****Bất động sản đầu tư cho thuê**

	Hạ tầng khu công nghiệp VND	Nhà cửa VND	Vật kiến trúc VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	66.440.098.961	52.263.793.886	6.977.673.692	125.681.566.539
Tăng trong năm	66.673.084.791	-	-	66.673.084.791
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	2.098.032.252	-	2.098.032.252
Thanh lý	-	(248.867.118)	-	(248.867.118)
Phân loại lại	5.595.710.019	-	(5.595.710.019)	-
Số dư cuối năm	138.708.893.771	54.112.959.020	1.381.963.673	194.203.816.464
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	3.109.033.093	20.573.890.881	421.410.322	24.104.334.296
Khấu hao trong năm	2.301.424.222	1.656.144.126	138.335.084	4.095.903.432
Thanh lý	-	(248.867.118)	-	(248.867.118)
Số dư cuối năm	5.410.457.315	21.981.167.889	559.745.406	27.951.370.610
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	63.331.065.868	31.689.903.005	6.556.263.370	101.577.232.243
Số dư cuối năm	133.298.436.456	32.131.791.131	822.218.267	166.252.445.854

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Bất động sản đầu tư cho thuê của Tập đoàn bao gồm:

- Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định là văn phòng cho thuê tại số 26, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội;
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty Cổ phần Bông Việt Nam là một số nhà kho, nhà xưởng, và trạm biến áp tại Ấp Tân Thái, Xã Hồ Nai 3, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam và căn hộ chung cư New Town Số 69, Đường 18, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú là các căn hộ cho thuê tại Chung cư Nhân Phú, Số 26, Đường 7, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương Mại Dệt Nam Định là Nhà khách Dệt tại Phố Nguyễn Hiền và Phố Nguyễn Văn Trỗi, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định; và
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối là hệ thống cơ sở hạ tầng đường bộ, hệ thống cây xanh, mặt bằng, văn phòng điều hành tại Khu công nghiệp Dệt May Phố Nối B, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên.

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê do không có thị trường hoạt động để xác định chính xác giá trị hợp lý một cách đáng tin cậy cho loại bất động sản đầu tư này.

17. Xây dựng cơ bản dở dang

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	1.132.142.569.223	1.326.835.437.886
Tăng trong năm	1.388.300.177.672	1.660.562.072.902
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.207.737.632.978)	(1.764.273.293.213)
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	23.787.933.446	-
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(568.167.311)	(2.005.602.000)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(2.098.032.252)	(5.595.710.019)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(41.735.377.638)	(91.008.256.066)
Tăng do hợp nhất công ty con mới trong năm	-	12.499.147.993
Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con	-	(4.871.228.260)
Số dư cuối năm	1.292.091.470.162	1.132.142.569.223

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
▪ Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
• Nhà máy Sợi Nam Định	17.326.009.802	21.985.386.962
• Nhà máy Sợi Phú Cường	-	20.766.833.497
• Nhà máy Sản xuất Vải Yarn Dyed	6.714.821.764	13.410.122.957
• Nhà máy May Quảng Bình	-	5.557.770.050
• Nhà máy May Bạc Liêu	-	14.048.857.262
• Nhà máy May Tuyên Quang	10.205.514.823	29.215.075.863
• Dự án Khu liên hợp Sợi - Dệt - Nhuộm - May Quảng Nam	66.631.675.190	6.335.837.250
• Nhà máy sợi 2	7.492.867.447	-
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3		
• Nhà máy Sợi 2	25.081.766.428	-
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân		
• Dự án Nhà máy May	7.352.934.720	5.062.909.771
• Văn phòng Ngô Thì Nhậm	33.091.419.029	27.816.556.643
• Nhà máy Sợi Hưng Yên	5.965.179.674	5.956.500.224
• Dự án Nhà máy Sản xuất vải Vinafa	36.539.190.329	-
▪ Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt May Việt Nam		
• Trang trại trồng bông công nghệ cao Đắk Lắk	12.493.091.904	12.493.091.904
• Trang trại Ia Lốp - Đắk Lắk	-	5.026.951.188
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ		
• Đầu tư thiết bị Nhà máy Sợi 1	22.487.064.840	-
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế		
• Công trình Nhà máy May 4	25.586.075.448	-
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội		
• Nhà máy Kéo sợi tại Khu Công nghiệp Đông Văn	13.541.906.107	285.086.654.835
▪ Công ty TNHH Một thành viên Hà Nam - Hanosimex		
• Công trình xây dựng Công ty TNHH Một thành viên Hà Nam Hanosimex	27.096.301.744	27.524.726.193
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định		
• Nhà máy Nhuộm và Nhà máy Động Lực	337.053.941	69.725.226.915
• Dự án Khu Công nghiệp Hoà Xá	13.297.821.982	18.329.264.068
• Xây dựng Nhà máy Sợi 3 - 12 vạn cọc	311.604.799.059	6.689.758.596
• Các công trình khác	2.292.907.146	26.927.142.679
▪ Công ty Cổ phần Dệt khăn Dệt May Nam Định		
• Dự án máy nhuộm	-	4.108.111.117

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
▪ Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam		
• Dự án khu nhà ở, trung tâm thương mại và siêu thị	54.972.495.289	54.262.685.562
▪ Công ty Cổ phần Sợi Thanh Châu Dệt Nam Định		
• Công trình đầu tư nhà xưởng máy se sợi	-	3.394.643.800
▪ Công ty Cổ phần Bông Việt Nam		
• Dự án công nghệ sinh học	2.238.168.619	2.238.168.619
▪ Công ty Sợi Thăng Bình		
• Xây dựng Nhà xưởng Sợi Thăng Bình	-	25.711.906.055
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Quảng Phú		
• Thi công xây dựng Xưởng dệt Jacquard	1.307.130.682	8.064.287.500
• Xưởng chuẩn bị	3.772.708.095	6.699.002.368
• Máy móc thiết bị	12.814.921.061	4.694.017.917
• Thi công hệ thống cơ điện dệt Ninh Thuận	5.068.821.524	909.090.909
• Hệ thống xử lý nước thải Dệt - Nhuộm giai đoạn 2 mở rộng	7.514.461.613	72.727.273
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Nha Trang		
• Nhà máy Sản xuất vải dệt kim	-	201.224.598.925
▪ Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú		
• Phân xưởng may	4.454.392.728	25.326.424.297
• Khuôn viên nhà 14 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Lâm Đồng - Đà Lạt	35.858.232.996	6.270.858.448
• Dự án Khăn bông và Vải denim	273.345.490.172	125.185.301.630
• Dự án đầu tư khu du lịch nghỉ dưỡng Phong Phú - Lagi - Bình Thuận	3.682.535.775	3.547.525.252
▪ Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam - Vinatex		
• Nhà cửa	2.706.071.236	6.281.513.126
▪ Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc - Vinatex		
• Nhà máy May Tuyên Quang	175.715.028.726	-
▪ Các công trình khác	63.502.610.269	52.193.039.568
	<hr/>	<hr/>
	1.292.091.470.162	1.132.142.569.223
	<hr/>	<hr/>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, giá trị ghi sổ của xây dựng cơ bản dở dang là 801.334 triệu VND (1/1/2017: 121.622 triệu VND) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Trong năm, chi phí đi vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang tương đương 14.277 triệu VND (2016: 17.099 triệu VND).

18. Chi phí trả trước**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Trả trước phí bảo hiểm	2.761.209.173	1.279.408.117
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	10.755.761.228	9.755.193.289
Công cụ dụng cụ	11.443.020.281	5.182.574.915
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	8.936.050.953	6.734.822.410
	<u>33.896.041.635</u>	<u>22.951.998.731</u>

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí trước hoạt động VND	Chi phí đất trả trước VND	Chi phí thuê văn phòng, nhà máy trả trước VND	Công cụ, dụng cụ VND	Lợi thế kinh doanh VND	Phụ tùng thay thế VND	Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định VND	Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	6.159.321.109	214.276.191.086	30.924.259.249	114.922.868.675	1.957.631.413	16.777.302.347	20.139.974.440	15.146.064.363	54.140.018.980	474.443.631.662
Tăng trong năm	-	8.744.678.980	2.512.944.872	39.602.021.783	-	7.640.425.389	14.866.509.310	-	27.101.909.203	100.468.489.537
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	6.520.971.000	5.800.000.000	12.559.645.898	-	-	8.461.738.005	-	8.393.022.735	41.735.377.638
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	-	-	(8.752.522.928)	-	-	-	-	-	(8.752.522.928)
Thanh lý	-	-	-	(766.112.677)	-	-	-	-	-	(766.112.677)
Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con	-	-	(187.134)	(1.148.985.955)	-	-	(1.997.522.611)	-	(113.443.324)	(3.260.139.024)
Phân bổ trong năm	(3.214.565.540)	(22.086.839.540)	(7.715.524.806)	(83.659.608.029)	(1.957.631.413)	(8.040.730.800)	(12.164.911.839)	(3.029.212.871)	(31.949.464.563)	(173.818.489.401)
Phân loại lại	(2.494.029.325)	(17.745.038.152)	20.239.067.477	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	450.726.244	189.709.963.374	51.760.559.658	72.757.306.767	-	16.376.996.936	29.305.787.305	12.116.851.492	57.572.043.031	430.050.234.807

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, chi phí trả trước dài hạn có giá trị còn lại là 46.394 triệu VND (1/1/2017: 34.347 triệu VND) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	Thuế suất	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Tài sản cố định	20%	1.479.176.660	2.757.493.791
Các khoản mục khác	20%	4.235.883.352	4.950.207.304
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại		5.715.060.012	7.707.701.095
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:			
Các khoản dự phòng	20%	61.104.288.874	64.896.986.719
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả		61.104.288.874	64.896.986.719

20. Lợi thế thương mại

	VND
Giá gốc	
Số dư đầu năm	76.981.960.516
Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con	(19.377.361.260)
Số dư cuối năm	57.604.599.256
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	46.425.052.269
Khấu hao trong năm	14.262.114.116
Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con	(18.548.785.524)
Số dư cuối năm	42.138.380.861
Giá trị ghi sổ	
Số dư đầu năm	30.556.908.247
Số dư cuối năm	15.466.218.395

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***21. Phải trả người bán**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn		
▪ Phải trả người bán là các công ty liên quan (*)	120.145.782.691	83.125.034.565
▪ Phải trả người bán khác	1.040.808.452.090	1.188.044.206.083
	1.160.954.234.781	1.271.169.240.648
Phải trả người bán dài hạn		
▪ Phải trả người bán khác	26.861.482.870	15.920.738.161

(*) Chi tiết các khoản phải trả người bán là các công ty liên quan như sau:

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Công ty TNHH Coats Phong Phú	32.205.772.689	34.703.399.592
Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	20.063.845.758	8.109.361.341
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	57.978.960.944	8.657.272.681
Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế	-	24.801.868.113
Các công ty liên quan khác	9.897.203.300	6.853.132.838
	120.145.782.691	83.125.034.565

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng từ 30 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phải thu trong năm VND	Số đã được hoàn/ bù trừ trong năm VND	Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con VND	31/12/2017 VND
Các khoản thuế đã nộp cho Nhà nước sẽ được hoàn lại					
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.125.573.015	4.439.458.201	(1.005.495.544)	-	8.559.535.672
Thuế xuất nhập khẩu	26.983.886.463	930.883.755	(22.192.117.475)	-	5.722.652.743
Thuế nhà đất	1.031.041.000	260.283.383	(1.272.837.189)	-	18.487.194
Các loại thuế khác	751.230.670	1.875.177.687	(2.122.623.587)	(6.590.845)	497.193.925
Các khoản khác					
Các khoản khác	641.433.243	14.676.733.836	(62.098.517)	-	15.256.068.562
	34.533.164.391	22.182.536.862	(26.655.172.312)	(6.590.845)	30.053.938.096

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước**

	1/1/2017 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm VND	Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con VND	31/12/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	20.214.595.976	590.352.010.511	(583.858.847.567)	(841.708.162)	25.866.050.758
Thuế xuất nhập khẩu	151.520.315	19.930.506.937	(20.082.027.252)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	32.317.201.226	65.096.360.754	(79.156.738.252)	-	18.256.823.728
Thuế thu nhập cá nhân	8.542.760.598	33.260.843.579	(32.310.276.247)	(110.655.334)	9.382.672.596
Thuế tài nguyên	138.855.743	1.765.658.754	(1.768.796.274)	-	135.718.223
Thuế nhà đất	13.758.795.648	13.740.695.013	(13.744.937.244)	-	13.754.553.417
Tiền thuê đất	14.997.826.344	52.900.238.718	(51.811.570.717)	-	16.086.494.345
Các loại thuế khác	3.727.403.300	4.227.184.931	(7.954.588.231)	-	-
	93.848.959.150	781.273.499.197	(790.687.781.784)	(952.363.496)	83.482.313.067



Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***23. Chi phí phải trả****(a) Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Chi phí lãi vay	35.396.461.795	27.766.686.948
Chi phí hoạt động	8.165.119.778	17.765.749.384
Chi phí mua sắm tài sản cố định, xây dựng nhà xưởng	32.358.350.533	95.747.115.431
Chi phí thuê đất, nhà xưởng	2.540.537.817	4.486.961.870
Chi phí cải tạo, sửa chữa	7.025.427.734	15.732.755.545
Chi phí gia công thuê ngoài	3.796.303.841	958.232.913
Phí hoa hồng	2.004.942.997	4.007.649.398
Chi phí phải trả khác	16.474.838.728	8.235.381.589
	<hr/>	<hr/>
	107.761.983.223	174.700.533.078
Chi phí phải trả dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng	948.672.000	948.672.000
	<hr/>	<hr/>
	108.710.655.223	175.649.205.078

(b) Chi phí phải trả dài hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tiền thuê đất phải trả (*)	26.562.816.000	27.511.488.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(948.672.000)	(948.672.000)
	<hr/>	<hr/>
	25.614.144.000	26.562.816.000

(*) Phản ánh số tiền thuê đất tại số 10 Nguyễn Huệ, Thành phố Hồ Chí Minh được điều chỉnh theo Báo cáo kiểm toán Công ty TNHH Một thành viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam năm 2012 của Kiểm toán Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2013.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***24. Phải trả khác****(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	34.171.117.244	27.880.058.887
Phải trả về cổ phần hóa	5.919.084.298	7.677.704.301
Nhận ký quỹ và ký cược ngắn hạn	1.503.100.532	297.418.118
Phải trả lãi vay cho Công ty Mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp	20.334.104.264	18.936.155.635
Phải trả lãi vay khác	24.950.134.767	46.798.726.172
Phải trả cổ tức	19.924.764.313	14.730.104.706
Quỹ từ thiện	5.680.518.491	8.017.371.663
Vốn xây dựng cơ bản thuộc trách nhiệm của Tập đoàn cho các trường đào tạo thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCDN	7.562.091.012	47.184.176.063
Tiền thưởng phải trả cho nhân viên	-	14.854.155.199
Phải nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (*)	363.057.205.021	364.061.259.133
Tiền bồi thường đất phải trả Nhà nước liên quan đến giải phóng mặt bằng	16.637.208.401	15.768.906.609
Các khoản phải trả khác	73.035.674.515	38.247.992.137
	572.775.002.858	604.454.028.623

(*) Khoản phải nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp liên quan đến phần giá trị tăng thêm do định giá lại các khoản đầu tư tài chính tại ngày Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam chuyển đổi sang công ty cổ phần theo Công văn số 17623/BTC-TCDN ngày 26 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc xử lý tồn tại tài chính tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam (“Công văn 17623”). Theo Công văn 17623, Tập đoàn có nghĩa vụ phải nộp số tiền này về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp trong vòng không quá 12 tháng kể từ ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam lập Báo cáo quyết toán tài chính để chính thức chuyển thành công ty cổ phần (trước ngày 31 tháng 5 năm 2016).

Ngày 27 tháng 4 năm 2016, Tập đoàn đã gửi Công văn số 433/TĐDMVN-TCKT lên Thủ tướng Chính phủ trình bày một số vướng mắc mà Tập đoàn gặp phải trong cách thức định giá lại các khoản đầu tư như theo các văn bản hướng dẫn có liên quan, đồng thời đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét cho phép Tập đoàn Dệt May Việt Nam được chậm nộp số tiền nói trên đến khi Tập đoàn bán khoản đầu tư hoặc khi các đơn vị nhận đầu tư phân chia cổ tức cho các cổ đông từ khoản thặng dư đã được dùng để định giá lại các khoản đầu tư, nhưng tối đa không quá 5 năm.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Xét đề nghị của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, ngày 7 tháng 6 năm 2016, Văn phòng Chính phủ đã ban hành Công văn số 4424/VPCP-ĐMDN giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công thương và Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện tính toán để xác định chính xác khoản chênh lệch do định giá lại các khoản đầu tư tài chính, trên cơ sở đó xác định số tiền Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải nộp. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, Bộ Tài chính và Bộ Công thương đang tiến hành làm việc với Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ. Giá trị được định giá lại của các khoản đầu tư cũng như khoản phải nộp quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp và thời hạn phải nộp, do đó, có thể thay đổi và phụ thuộc vào kết quả làm việc của Bộ Tài chính và Bộ Công thương.

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Nhận tiền góp vốn vào hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát (*)	45.037.427.000	45.037.427.000
Nhận góp vốn dài hạn	6.826.000.000	6.826.000.000
Nhận hỗ trợ vốn cho Dự án di dời Tổng công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	26.212.500.000	74.882.125.734
Các khoản phải trả dài hạn khác	25.433.296.552	12.053.540.073
	<hr/> 103.509.223.552	<hr/> 138.799.092.807 <hr/>

(*) Phản ánh giá trị các bên khác góp vốn vào Dự án Xây dựng nhà văn phòng của Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Xuân, một công ty con cấp 1 của Tập đoàn, tại số 67 Phố Thị Nhậm, Thành phố Hà Nội. Tại ngày báo cáo, các bên góp vốn chưa có kế hoạch cụ thể để xây dựng dự án.

25. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Doanh thu nhận trước	219.500.332.793	140.636.004.076
Phần doanh thu sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng	(6.147.064.252)	-
	<hr/> 213.353.268.541	<hr/> 140.636.004.076 <hr/>

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***26. Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính****(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	1/1/2017		Biến động trong năm		31/12/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	3.647.654.510.231	3.647.654.510.231	14.760.585.265.234	(14.175.707.670.889)	4.232.532.104.576	4.232.532.104.576
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 26(b)(i))	354.220.229.861	354.220.229.861	407.342.746.751	(302.503.214.435)	459.059.762.177	459.059.762.177
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 26(b)(ii))	-	-	114.000.000.000	-	114.000.000.000	114.000.000.000
Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng	18.840.411.034	18.840.411.034	20.506.154.109	(19.343.267.953)	20.003.297.190	20.003.297.190
Nợ dài hạn khác đến hạn trả trong vòng 12 tháng	880.410.000	880.410.000	880.410.000	(880.410.000)	880.410.000	880.410.000
	4.021.595.561.126	4.021.595.561.126	15.303.314.576.094	(14.498.434.563.277)	4.826.475.573.943	4.826.475.573.943

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, trong khoản vay ngắn hạn có 1.651.251 triệu VND (1/1/2017: 1.746.676 triệu VND) được đảm bảo bằng tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định, xây dựng cơ bản dở dang và chi phí trả trước dài hạn với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 tổng cộng là 1.704.664 triệu VND (1/1/2017: 1.836.413 triệu VND). Trong năm, các khoản vay này chịu lãi suất từ 1,3% đến 10% (1/1/2017: từ 1,2% đến 10%) một năm.

Các khoản vay ngắn hạn còn lại là các khoản vay tín chấp và chịu lãi suất từ 1,2% đến 7% (1/1/2017: từ 1,3% đến 10%) một năm.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn**

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Vay dài hạn (i)	5.298.678.876.949	4.847.230.336.931
Trái phiếu thường (ii)	314.000.000.000	314.000.000.000
Nợ thuê tài chính dài hạn	39.544.024.794	29.856.241.569
Nợ dài hạn khác	30.201.230.152	880.410.000
	<hr/>	<hr/>
	5.682.424.131.895	5.191.966.988.500
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(593.943.469.367)	(373.941.050.895)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	5.088.480.662.528	4.818.025.937.605

(i) Vay dài hạn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, trong khoản vay dài hạn có 4.931.780 triệu VND (1/1/2017: 4.761.114 triệu VND) được đảm bảo bằng tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định, xây dựng cơ bản dở dang và chi phí trả trước dài hạn có giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 5.091.018 triệu VND (1/1/2017: 4.911.214 triệu VND). Trong năm, các khoản vay này chịu lãi suất từ 2,5% đến 11% (1/1/2017: từ 2% đến 11%) một năm.

Các khoản vay dài hạn còn lại là các khoản vay tín chấp và chịu lãi suất từ 2,5% đến 10% (1/1/2017: từ 3% đến 11%) một năm.

Trong khoản vay dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có khoản vay từ Ngân hàng Phát triển Châu Á với giá trị ghi sổ là 1.592.255 triệu VND (1/1/2017: 1.422.739 triệu VND). Khoản vay này có hạn mức là 105 triệu USD và chịu lãi suất năm thả nổi được điều chỉnh 6 tháng một lần. Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ phải thực hiện đầy đủ các điều khoản của Hiệp định vay với Ngân hàng Phát triển Châu Á và Hiệp định vay phụ với Bộ Tài chính. Theo đó, hàng năm, Tập đoàn Dệt May Việt Nam cần lập báo cáo tài chính của dự án được tài trợ bởi khoản vay này và báo cáo về tình hình tuân thủ với các điều khoản của các Hiệp định vay có liên quan. Các báo cáo này cần được kiểm toán và soát xét bởi một đơn vị kiểm toán độc lập.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(ii) Trái phiếu thường**

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá	VND	10%	2019	314.000.000.000	314.000.000.000
Trái phiếu đáo hạn trong vòng 12 tháng				(114.000.000.000)	-
Trái phiếu đáo hạn sau 12 tháng				200.000.000.000	314.000.000.000

Trái phiếu thường được phát hành bởi Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú, một công ty con cấp 1 của Tập đoàn, thông qua Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Các trái phiếu thường này được đảm bảo bằng toàn bộ số cổ phần của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại các công ty con của công ty này là Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam và Công ty Cổ phần Dệt May Nha Trang với tổng giá trị ghi sổ là 164.403 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 164.403 triệu VND). Theo các điều khoản của trái phiếu đã phát hành, Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú có thể thỏa thuận với các nhà đầu tư để mua lại các trái phiếu này trước ngày đáo hạn.

27. Dự phòng phải trả dài hạn

Biến động của các khoản dự phòng trong năm như sau:

	Chi phí di dời VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	89.675.918.318	-	89.675.918.318
Trích lập trong năm	119.313.020	4.223.424.771	4.342.737.791
Dự phòng sử dụng trong năm	(47.413.919)	(1.242.458.021)	(1.289.871.940)
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(21.746.532.454)	-	(21.746.532.454)
Số dư cuối năm	68.001.284.965	2.980.966.750	70.982.251.715

Dự phòng chi phí di dời liên quan đến chi phí di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội đến cơ sở sản xuất kinh doanh mới.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***28. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoặc theo sự phê duyệt của Ban Giám đốc của các công ty con. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tập đoàn theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	139.521.407.812	133.278.587.996
Trích lập trong năm	77.117.310.550	56.541.000.340
Sử dụng trong năm	(61.410.976.262)	(50.298.180.524)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	155.227.742.100	139.521.407.812

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (*) VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng vốn chủ sở hữu VND	Nguồn kinh phí và các quỹ khác VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2016	5.000.000.000.000	29.911.650.892	42.248.630.739	(748.765.581.042)	421.021.002.398	10.944.352.367	571.099.479.985	497.352.336.562	1.482.598.699.577	7.306.410.571.478	41.428.623.435	7.347.839.194.913
Vốn góp/vốn cổ phần	-	-	-	-	-	-	-	-	65.779.619.792	65.779.619.792	-	65.779.619.792
Nguồn kinh phí nhân từ Ngân sách Nhà nước	-	-	-	-	-	-	-	54.496.650.079	-	54.496.650.079	4.630.310.168	59.126.960.247
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	324.833.974.935	-	254.488.382.125	579.322.357.060	-	579.322.357.060
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	37.905.198.065	140.656.157	(38.045.854.222)	-	-	-	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(37.296.250.097)	-	(19.244.750.243)	(56.541.000.340)	-	(56.541.000.340)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	(103.363.465)	-	-	(453.703.204)	(557.066.669)	(8.225.417.192)	(8.782.483.861)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(250.000.000.000)	-	(139.983.650.194)	(389.983.650.194)	-	(389.983.650.194)
Tăng do hợp nhất các công ty con mới trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	66.956.934.685	66.956.934.685	-	66.956.934.685
Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong giá phí khoan đầu tư của công ty con cấp 1 vào công ty con cấp 2 tại ngày năm quyền kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	-	(59.507.455.683)	(59.507.455.683)	-	(59.507.455.683)
Giảm do mất quyền kiểm soát tại công ty con Thay đổi tỷ lệ lợi ích tại các công ty con mà không làm thay đổi quyền kiểm soát với các công ty con này	-	-	-	-	-	-	(14.969.831.020)	-	59.769.831.020	44.800.000.000	-	44.800.000.000
Các biến động khác về vốn chủ sở hữu	-	-	-	5.930.491.306	(1.107.324.004)	-	(430.722.429)	2.028.805.719	1.519.641.170	7.940.891.762	(2.541.334.800)	5.399.556.962
Số dư tại ngày 1/1/2017	5.000.000.000.000	29.911.650.892	42.248.630.739	(742.835.089.736)	457.818.876.459	10.981.645.059	555.190.797.152	553.877.792.360	1.651.984.049.504	7.559.178.352.429	35.292.181.611	7.594.470.534.040
Vốn góp/vốn cổ phần	-	-	-	-	-	-	-	-	20.893.610.000	20.893.610.000	-	20.893.610.000
Nguồn kinh phí nhân từ Ngân sách Nhà nước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	385.955.506.114	-	299.218.033.522	685.173.539.636	-	685.173.539.636
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	36.643.029.218	-	(36.643.029.218)	-	-	-	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(53.833.996.112)	-	(23.283.314.438)	(77.117.310.550)	-	(77.117.310.550)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(2.316.322.803)	(2.316.322.803)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(250.000.000.000)	-	(151.406.533.922)	(401.406.533.922)	-	(401.406.533.922)
Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con Thay đổi tỷ lệ lợi ích tại các công ty con mà không làm thay đổi quyền kiểm soát với các công ty con này	-	-	-	-	-	-	(31.976.003.599)	-	31.976.003.599	-	-	-
Các biến động khác về vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	784.117.372	(3.200.000.128)	(6.571.454.940)	(8.987.337.696)	(553.206.786)	(9.540.544.482)
Số dư tại ngày 31/12/2017	5.000.000.000.000	29.911.650.892	42.248.630.739	(742.835.089.736)	494.461.905.677	10.981.645.059	569.477.391.709	550.677.792.232	1.833.965.919.812	7.788.889.846.384	32.422.652.022	7.821.312.498.406

(*) Chênh lệch đánh giá lại tài sản là khoản chênh lệch phát sinh khi định giá lại giá trị khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho mục đích xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 khi Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam chuyển thành công ty cổ phần. Do phần vốn góp của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong các công ty nhận đầu tư vẫn được phản ánh theo giá gốc của khoản đầu tư chứ không phải giá trị được xác định lại, phần chênh lệch giữa giá trị xác định lại và giá gốc của các khoản đầu tư dài hạn này được ghi nhận là một khoản chênh lệch đánh giá lại tài sản trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***30. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tập đoàn Dệt May Việt Nam là:

	31/12/2017 và 1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	500.000.000	5.000.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

	Đã phát hành và đang lưu hành		
	Số cổ phiếu	VND	%
Nhà nước	267.438.100	2.674.381.000.000	53,49%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển VNTEX (trước là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Phát triển Việt Nam) (*)	70.000.000	700.000.000.000	14,00%
Tập đoàn Vingroup - CTCP (*)	50.000.000	500.000.000.000	10,00%
Ông Bùi Mạnh Hưng	30.000.000	300.000.000.000	6,00%
Các cổ đông khác	82.561.900	825.619.000.000	16,51%
	500.000.000	5.000.000.000.000	100%

(*) Đây là các cổ đông chiến lược của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, cổ đông chiến lược không được chuyển nhượng số cổ phần mua trong thời hạn tối thiểu 5 năm kể từ ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu. Trong trường hợp đặc biệt cổ đông chiến lược cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn trên thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Ngày 10 tháng 3 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thông qua Nghị quyết số 04/NQ-ĐHĐCD chấp thuận cho cổ đông chiến lược là Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển VNTEX được chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần sở hữu trước thời hạn. Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển VNTEX có trách nhiệm chuyển nhượng cổ phần theo đúng các quy định của pháp luật.

Ngày 26 tháng 3 năm 2018, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển VNTEX đã chuyển nhượng 35.000.000 cổ phiếu cho một bên khác.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 29 tháng 6 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã quyết định phân phối khoản cổ tức năm 2016 là 250.000 triệu VND (tỷ lệ 5% trên mệnh giá) (2016: cổ tức năm 2015 là 250.000 triệu VND).

32. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoặc theo sự phê duyệt của Ban Giám đốc của các công ty con. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

33. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Nguồn chuyển mục đích sử dụng đất		
▪ Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam	235.664.195.144	235.664.195.144
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3	170.496.650.079	170.496.650.079
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	136.932.000.000	136.932.000.000
Nguồn khác	7.584.947.009	10.784.947.137
	<hr/>	<hr/>
	550.677.792.232	553.877.792.360

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn chuyển mục đích sử dụng đất được Ngân sách Nhà nước giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để giải ngân cho các dự án đầu tư. Tập đoàn Dệt May Việt Nam có trách nhiệm quản lý và sử dụng số vốn được giao theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn về cơ chế thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn Ngân sách Nhà nước. Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, nguồn vốn này sẽ được chuyển đổi thành vốn cổ phần thuộc sở hữu của Nhà nước tại Tập đoàn mà không cần Đại hội đồng Cổ đông thông qua khi các dự án đầu tư hoàn thành và được quyết toán.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã hoàn thành và quyết toán Dự án Nhà máy Sợi Phú Hưng, Dự án Nhà máy Sợi Nam Định – Giai đoạn 1, Dự án Nhà máy Sợi Phú Cường – Giai đoạn 1, Dự án Nhà máy Kéo sợi và Dự án Nhà máy May Dệt kim, Dự án Di dời và Đầu tư nâng cấp Xí nghiệp Sợi và Xí nghiệp Dệt, Dự án đầu tư Nhà máy Kéo sợi mới hai vạn cọc sợi và Dự án Đầu tư Phát triển Dệt nhuộm tại Miền Trung. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang trong quá trình làm việc với các bên hữu quan để xác định thời điểm và giá trị phần nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được chuyển đổi thành vốn cổ phần thuộc sở hữu của Nhà nước tại Tập đoàn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***34. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Trong vòng một năm	32.834.581.588	22.242.289.646
Trong vòng hai đến năm năm	78.705.982.640	41.126.582.727
Sau năm năm	81.020.199.791	97.601.917.099
	<hr/>	<hr/>
	192.560.764.019	160.970.789.472
	<hr/>	<hr/>

(b) Tài sản, nguyên vật liệu, hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba hoặc nhận gia công

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba hoặc nhận gia công	107.961.364.079	139.477.888.472
Vật tư hàng hóa nhận ký gửi, cầm cố, thế chấp	295.374.530	512.117.980
	<hr/>	<hr/>
	108.256.738.609	139.990.006.452
	<hr/>	<hr/>

(c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	4.363.002	98.786.400.235	8.503.698	192.532.552.307
EUR	2.206	59.430.844	2.040	48.660.383
		<hr/>		<hr/>
		98.845.831.079		192.581.212.690
		<hr/>		<hr/>

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(d) Nợ khó đòi đã xử lý**

	Nguyên nhân xóa sổ	Năm xóa sổ	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Phải thu Công ty Cổ phần Dệt May Hapaco Hải Phòng	Không có khả năng thu hồi	2011	6.193.939.787	6.193.939.787
Phải thu Công ty TNHH Một thành viên Dệt 19-5 Hà Nội	Không có khả năng thu hồi	2011	4.220.231.656	4.220.231.656
Phải thu các đối tượng khác			14.234.657.116	12.875.760.918
			24.648.828.559	23.289.932.361

(e) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	697.661.809.901	900.628.660.014
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	109.170.049.757	172.917.602.652
	806.831.859.658	1.073.546.262.666

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***35. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2017 VND	2016 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	16.694.991.510.755	14.934.496.499.262
▪ Cung cấp dịch vụ và gia công	489.059.310.222	293.820.353.306
▪ Cho thuê lại đất thuê	201.971.474.567	211.405.767.046
▪ Bán và cho thuê bất động sản	82.630.143.361	46.597.490.027
	<hr/> 17.468.652.438.905	<hr/> 15.486.320.109.641
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	15.569.821.994	18.833.850.945
▪ Giảm giá hàng bán	2.544.794.496	1.353.864.273
▪ Hàng bán bị trả lại	3.994.022.473	4.611.579.771
	<hr/> 22.108.638.963	<hr/> 24.799.294.989
Doanh thu thuần	<hr/> <hr/> 17.446.543.799.942	<hr/> <hr/> 15.461.520.814.652

36. Giá vốn hàng bán

	2017 VND	2016 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Thành phẩm và hàng hóa đã bán	15.307.517.382.800	13.358.998.563.356
▪ Dịch vụ đã cung ứng	357.429.906.675	180.583.445.725
▪ Cho thuê lại đất thuê	118.640.627.433	150.777.113.768
▪ Bán và cho thuê bất động sản	55.041.321.809	19.910.594.223
▪ Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	15.877.791.760	47.096.494.087
	<hr/> 15.854.507.030.477	<hr/> 13.757.366.211.159

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***37. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2017 VND	2016 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	174.500.933.786	127.842.309.304
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	3.122.184.622	40.349.344.901
Cổ tức được chia	22.005.462.487	59.669.590.328
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	50.864.552.453	55.071.415.526
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	8.669.020.921	9.588.098.077
Thu nhập tiền lãi từ các khoản trả chậm	2.765.978.263	8.692.605.408
Lãi thuần do mất quyền kiểm soát đối với các công ty con	32.647.549.303	14.109.526.440
Lãi do thanh lý công ty liên kết	22.749.912.280	11.614.027.726
Doanh thu hoạt động tài chính khác	569.325.827	12.216.222.420
	<hr/>	<hr/>
	317.894.919.942	339.153.140.130
	<hr/>	<hr/>

38. Chi phí tài chính

	2017 VND	2016 VND
Chi phí lãi vay	356.407.134.776	333.839.233.856
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	2.758.590.527
Lỗ do giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty liên kết	4.380.261.116	57.480.402.274
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	(11.284.681.233)
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	26.177.292.294	45.894.472.353
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.375.375.063	56.335.495.608
Lãi thanh toán chậm	280.714.194	757.750.393
Trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	6.270.072.146	-
Chi phí tài chính khác	8.375.379.220	927.147.618
	<hr/>	<hr/>
	406.266.228.809	486.708.411.396
	<hr/>	<hr/>

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***39. Chi phí bán hàng**

	2017	2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên bán hàng	65.669.272.539	67.744.861.755
Chi phí công cụ và dụng cụ	10.712.509.381	9.581.821.045
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.657.845.282	1.414.520.804
Chi phí vận chuyển	164.984.106.679	117.824.900.228
Chi phí quảng cáo khuyến mãi	11.161.014.680	6.553.819.466
Chi phí xuất nguyên vật liệu	132.598.012	5.372.420.239
Chi phí dịch vụ mua ngoài	147.199.240.123	127.772.006.211
Chi phí bao bì	30.765.396.129	36.809.724.996
Chi phí hoa hồng	28.129.860.550	12.418.862.044
Chi phí xuất nhập khẩu	19.864.287.951	13.900.758.469
Chi phí bán hàng khác	66.332.751.456	92.664.202.432
	<hr/>	<hr/>
	546.608.882.782	492.057.897.689
	<hr/>	<hr/>

40. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2017	2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên văn phòng	398.224.621.838	414.949.826.409
Chi phí đồ dùng văn phòng và vật liệu quản lý	32.651.751.483	22.654.479.893
Chi phí khấu hao và phân bổ	43.221.803.754	64.586.590.333
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	35.392.322.383	165.859.841.059
Thuế, phí và lệ phí	46.094.072.954	39.338.999.260
Chi phí dịch vụ mua ngoài	105.936.424.026	75.681.585.097
Tiền thuê đất	28.294.062.682	32.998.277.446
Công tác phí	32.331.518.843	11.764.654.407
Chi phí tiếp khách	21.322.079.549	9.557.013.277
Chi phí đào tạo	4.288.112.181	137.609.909
Chi phí khác	122.739.813.407	185.875.959.126
	<hr/>	<hr/>
	870.496.583.100	1.023.404.836.216
	<hr/>	<hr/>

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***41. Thu nhập khác**

	2017 VND	2016 VND
Lãi từ thanh lý tài sản dài hạn	17.108.811.266	111.605.963.972
Tiền đền bù, giải phóng mặt bằng nhận được từ các bên khác	63.533.102.391	21.825.784.227
Bán phế liệu	1.879.417.183	1.241.229.339
Thu từ hoạt động cấp điện, nước và các dịch vụ khác	2.348.181.220	7.836.679.534
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	18.889.547.988	5.295.638.636
Hỗ trợ gia công và kinh phí tiêu thụ sản phẩm nhận được	-	649.124.525
Hoàn nhập dự phòng phải trả dài hạn	21.746.532.454	27.077.027.227
Thu từ các khoản khác	29.507.832.370	28.244.911.222
	155.013.424.872	203.776.358.682

42. Chi phí khác

	2017 VND	2016 VND
Lỗ do thanh lý tài sản dài hạn và chi phí thanh lý	1.601.800.368	21.220.178.986
Trả tiền bồi thường do vi phạm hợp đồng	4.859.459.717	3.709.385.017
Phạt vi phạm thuế	5.742.378.719	996.125.345
Chi phí hoạt động cấp điện, nước và các dịch vụ khác	3.228.075.727	7.681.094.271
Chi phí đền bù tiền giải phóng mặt bằng	-	10.471.944.292
Chi các khoản khác	22.764.487.342	24.196.929.467
	38.196.201.873	68.275.657.378

43. Chi phí sản xuất, thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất và chi phí mua hàng hóa để bán lại	9.006.958.703.291	7.761.609.331.541
Chi phí nhân viên	3.447.437.226.685	3.015.668.465.820
Chi phí khấu hao	770.418.177.919	641.193.318.038
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.619.080.623.634	2.219.452.076.251
Chi phí khác	1.179.048.883.910	921.948.736.199

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***44. Thuế thu nhập****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	2017 VND	2016 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	64.000.483.446	78.412.166.603
Dự phòng thiếu trong những năm trước	1.095.877.308	1.765.669.269
	<hr/> 65.096.360.754	<hr/> 80.177.835.872
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(1.800.056.762)	24.000.499.701
Chi phí thuế thu nhập	<hr/> 63.296.303.992	<hr/> 104.178.335.573

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	748.469.843.628	683.500.692.633
Thuế tính theo thuế suất của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam	149.693.968.726	136.700.138.527
Ưu đãi thuế	(4.511.202.164)	(3.717.726.624)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(8.253.026.326)	(8.044.799.622)
Chi phí không được khấu trừ thuế	5.411.403.942	1.459.328.734
Thu nhập không bị tính thuế	(113.419.617.680)	(79.912.775.663)
Lỗi tính thuế được sử dụng	(187.539.316)	(33.865.445)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	33.466.439.502	55.962.366.397
Dự phòng thiếu trong những năm trước	1.095.877.308	1.765.669.269
	<hr/> 63.296.303.992	<hr/> 104.178.335.573

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, từ năm 2016, Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2016.

Các công ty con của Tập đoàn có nghĩa vụ phải nộp cho Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất quy định của pháp luật thuế hiện hành.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***45. Lãi cơ bản trên cổ phiếu****(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 500.000.000 cổ phiếu, chi tiết như sau:

	2017	2016
	VND	VND
Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (*)	385.955.506.114	324.833.974.935
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm	500.000.000	500.000.000
	772	650

(*) Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông của Tập đoàn không bao gồm số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu Tập đoàn trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông, và theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu, sẽ giảm đi.

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành sau khi điều chỉnh cho ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm tàng, chi tiết như sau:

	2017	2016
	VND	VND
Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam không bao gồm số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi (Thuyết minh 45(a))	385.955.506.114	324.833.974.935
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm	500.000.000	500.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm tàng trong trường hợp chuyển đổi nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản thành vốn cổ phần (Thuyết minh 33)	55.067.779	55.387.779
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông (suy giảm)	555.067.779	555.387.779
Lãi suy giảm trên cổ phiếu trong trường hợp chuyển đổi nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản thành vốn cổ phần	695	585

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***46. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2017 VND	2016 VND
Các công ty liên kết		
<i>Công ty TNHH Coats Phong Phú</i>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	290.627.386.665	294.652.829.341
Mua hàng hóa và dịch vụ	99.928.967.195	108.842.114.502
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú</i>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	121.418.854.727	40.165.565.267
Mua hàng hóa	98.756.089.714	75.412.268.313
Thu nhập lãi cho vay	12.610.788.600	19.023.521.029
Lãi phạt vi phạm hợp đồng	7.543.277.778	4.972.260.000
Cho vay	-	60.500.000.000
Hoàn trả khoản vay	9.500.000.000	-
<i>Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP</i>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	34.720.669.453	15.045.116.850
Mua hàng hóa và dịch vụ	106.841.248.615	114.976.768
<i>Công ty Cổ phần May Bình Minh</i>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	15.054.655.277	5.221.626.146
<i>Tổng Công ty May 10 - CTCP</i>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	120.000.000	849.452.396
Mua hàng hóa và dịch vụ	19.547.822.493	12.481.273.692
Góp vốn đầu tư	-	42.614.160.000
<i>Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến</i>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.188.525.000	1.775.925.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	7.158.998.015	2.478.807.214
<i>Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP</i>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	27.710.952.332	6.188.662.260
Mua hàng hóa và dịch vụ	78.409.987.432	49.741.331.557
<i>Công ty Cổ phần May Đông Mỹ Hanosimex</i>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	5.085.765.028	2.277.610.361
Mua hàng hóa và dịch vụ	108.434.700	179.821.400
<i>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh</i>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	49.796.399.521	36.628.694.928

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2017 VND	2016 VND
Công ty Cổ phần May Đáp Cầu Chuyển đổi trái phiếu chuyên đổi thành cổ phiếu	-	1.803.000.000
Công ty Cổ phần Tổng Công ty May Đồng Nai Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ Mua vốn cổ phần	- 7.665.840.000	288.044.064 -
Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ Mua hàng hóa và dịch vụ	113.907.138.893 29.130.769.894	82.167.954.488 57.548.929.139
Tổng Công ty May Đức Giang - CTCP Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ Mua hàng hóa và dịch vụ	29.800.000 17.415.455.027	77.600.000 15.860.012.968
Công ty Cổ phần May Hưng Yên Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	132.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vinatex Thoái vốn	-	7.918.626.154
Công ty TNHH May mặc Xuất khẩu Tân Châu Khoản cho vay	-	1.470.042.156
Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng Đầu tư góp vốn Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	- 5.072.806.508	3.000.000.000 -
Công ty Cổ phần May Phương Đông Thoái vốn	-	13.083.311.931
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định Nhận hỗ trợ vốn cho Dự án di dời Tổng Công ty CP Dệt May Nam Định	-	38.266.554.469
Thành viên Hội đồng Quản trị Thù lao đã trả	2.413.368.000	2.741.220.393
Cơ quan Tổng Giám đốc Lương và thù lao đã trả	2.791.491.987	3.735.370.048

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

47. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

Ngoài các giao dịch phi tiền tệ phát sinh từ việc mất quyền kiểm soát tại các công ty con, như trình bày tại Thuyết minh 5(a), Tập đoàn còn có các giao dịch đầu tư và tài chính phi tiền tệ sau:

	2017	2016
	VND	VND
Lãi vay nhập gốc	29.846.866.176	-

48. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

(a) Thành lập Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2018, Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã phê duyệt đề án thành lập Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Trung tâm Thời trang Vinatex và Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Nhà máy May Quế Sơn. Hội đồng Quản trị giao Tổng Giám đốc Tập đoàn triển khai thực hiện các thủ tục thành lập các chi nhánh theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

(b) Thành lập Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng

Ngày 11 tháng 1 năm 2018, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã tham gia góp vốn thành lập một công ty con mới, Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng, với số vốn điều lệ là 25.000 triệu VND, trong đó tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn là 52%.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

49. Số liệu so sánh

Các số liệu so sánh khác tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ngày 5 tháng 4 năm 2018

Người lập:



Trần Thị Thu Hằng
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Phạm Văn Tân
Kế toán trưởng



Lê Tiên Trường
Tổng Giám đốc

Phụ lục 1

Các công ty con cấp 1 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Giá trị đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo mệnh giá và giá gốc khoản đầu tư VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn theo mệnh giá và giá gốc khoản đầu tư VND	
		31/12/2017	1/1/2017	31/12/2017	1/1/2017	31/12/2017	1/1/2017
1	Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân	100%	100%	115.191.925.340	115.191.925.340	-	-
2	Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương	100%	100%	164.474.782.024	164.474.782.024	-	-
3	Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt May Việt Nam (1)	80,74%	80,95%	29.337.000.000	29.337.000.000	17.762.279.263	17.762.279.263
4	Công ty CP Sợi Phú Bài	66,51%	66,51%	26.922.700.000	26.922.700.000	11.081.560.000	11.081.560.000
5	Công ty CP Phát Triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối	51,00%	51,00%	40.800.000.000	40.800.000.000	-	-
6	Tổng Công ty CP Dệt May Hoà Thọ	64,96%	64,96%	146.156.210.000	107.424.820.000	-	-
7	Công ty CP Len Việt Nam	68,77%	68,77%	27.531.200.000	27.531.200.000	1.300.000.000	1.300.000.000
8	Công ty CP Sản xuất XNK Dệt May	68,34%	68,34%	29.250.000.000	29.250.000.000	-	-
9	Công ty CP Dệt May Huế	63,90%	63,90%	63.898.240.000	63.898.240.000	-	-
10	Tổng Công ty CP Dệt May Nam Định	53,67%	53,67%	72.997.000.000	72.997.000.000	-	-
11	Công ty CP Bông Việt Nam	55,00%	55,00%	27.500.000.000	27.500.000.000	-	-
12	Công ty CP Đầu tư Phát triển Vinatex	51,00%	51,00%	37.275.000.000	37.275.000.000	-	-
13	Tổng Công ty CP Phong Phú (1)	50,10%	51,00%	374.087.960.000	374.087.960.000	-	-
14	Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc - Vinatex	100%	100%	462.017.209.402	462.017.209.402	-	-
15	Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam - Vinatex	100%	100%	202.568.027.281	202.568.027.281	-	-

- (1) Trong năm, Tổng Công ty cổ phần Phong Phú đã phát hành cổ phiếu theo chương trình chọn lựa cho người lao động (ESOP) theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Số 666/NQ-PP ngày 13 tháng 11 năm 2017. Trên cơ sở đó, Tổng Công ty cổ phần Phong Phú đã ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu và giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, qua đó làm giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại Tổng Công ty cổ phần Phong Phú và một số công ty con và công ty liên kết khác.

Phụ lục 2

Các công ty con cấp 2 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trực tiếp		Giá trị đầu tư của công ty mẹ trực tiếp theo mệnh giá và giá gốc khoản đầu tư VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn theo mệnh giá và giá gốc khoản đầu tư VND	
		31/12/2017	1/1/2017	31/12/2017	1/1/2017	31/12/2017	1/1/2017	31/12/2017	1/1/2017
Công ty con của Tổng Công ty CP Dệt May Hòa Thọ									
1	Công ty CP Thời trang Hòa Thọ	49,94%	49,94%	76,88%	76,88%	2.667.900.000	2.667.900.000	-	-
2	Công ty CP Hòa Thọ - Quảng Nam	20,88%	20,88%	32,14%	32,14%	6.428.000.000	6.428.000.000	-	-
3	Công ty May Hòa Thọ - Hội An	35,19%	35,19%	54,18%	54,18%	5.418.000.000	5.418.000.000	-	-
4	Công ty CP May Hòa Thọ - Duy Xuyên	53,09%	53,09%	81,73%	81,73%	8.173.000.000	8.173.000.000	-	-
5	Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ	64,96%	64,96%	100%	100%	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-
6	Công ty CP May Hiệp Đức (1)	-	44,50%	68,50%	68,50%	13.700.000.000	13.700.000.000	-	-
7	Công ty CP Hòa Thọ Thăng Bình	33,13%	33,13%	51,00%	51,00%	26.520.000.000	26.520.000.000	5.200.000.000	5.200.000.000
Công ty con của Tổng Công ty CP Dệt May Nam Định									
8	Công ty CP Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định	28,19%	28,19%	52,52%	52,52%	2.836.200.000	2.836.200.000	-	-
9	Công ty CP Chân Len Nam Định	47,11%	47,11%	87,78%	87,78%	10.513.260.000	10.513.260.000	-	-
10	Công ty CP May IV Dệt Nam Định	28,69%	28,69%	53,46%	53,46%	4.009.500.000	4.009.500.000	-	-
11	Công ty CP Dệt Khăn Dệt May Nam Định	46,34%	46,34%	86,34%	86,34%	4.317.000.000	4.317.000.000	-	-
12	Công ty CP Dệt - Dệt May Nam Định	48,78%	48,78%	90,88%	90,88%	27.264.000.000	27.264.000.000	-	-
13	Công ty CP Sợi Thanh Châu Dệt May Nam Định	47,77%	47,77%	89,00%	89,00%	4.450.000.000	4.450.000.000	-	-
14	Công ty CP May V Dệt May Nam Định	42,22%	42,22%	78,65%	78,65%	4.326.000.000	4.326.000.000	-	-

Phụ lục 2

Các công ty con cấp 2 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trực tiếp		Giá trị đầu tư của công ty mẹ trực tiếp theo mệnh giá và giá gốc khoản đầu tư VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn theo mệnh giá và giá gốc khoản đầu tư VND	
		31/12/2017	1/1/2017	31/12/2017	1/1/2017	31/12/2017	1/1/2017	31/12/2017	1/1/2017
Công ty con của Công ty CP Bông Việt Nam									
15	Công ty CP Bông Tây Nguyên	29,80%	29,80%	54,18%	54,18%	5.418.000.000	5.418.000.000	-	-
16	Công ty CP Bông Vải Miền Trung	42,91%	42,91%	49,81%	49,81%	4.550.000.000	4.550.000.000	3.250.000.000	3.250.000.000
17	Công ty CP Giồng cây trồng Nhà Hồ	29,70%	29,70%	54,00%	54,00%	10.800.780.000	10.800.780.000	-	-
Công ty con của Công ty CP Dầu tư Phát triển Vinatex									
18	Công ty CP May Nam An	32,81%	32,81%	64,33%	64,33%	15.440.000.000	15.440.000.000	-	-
19	Công ty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa	38,25%	38,25%	75,00%	75,00%	22.500.000.000	22.500.000.000	-	-
20	Công ty TNHH May Vinatex Hương Trà	51,00%	51,00%	100%	100%	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-
21	Công ty TNHH May Vinatex Bông Sơn	51,00%	51,00%	100%	100%	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-
Công ty con của Tổng Công ty CP Phong Phú									
22	Công ty CP Dệt Đông Nam (ii)	30,55%	31,10%	60,99%	60,99%	36.817.040.000	36.817.040.000	-	-
23	Công ty CP Dệt May Nha Trang (ii)	26,04%	26,50%	51,97%	51,97%	96.143.750.000	96.143.750.000	-	-
24	Công ty CP Dầu tư Khánh Phú (ii)	17,85%	18,17%	35,63%	35,63%	4.362.000.000	4.362.000.000	-	-
25	Công ty Thương mại và Sản xuất Phú Trà (i)	-	30,98%	60,74%	60,74%	23.091.000.000	23.091.000.000	-	-
26	Công ty TNHH Linen Supply (iii)	-	30,60%	60,00%	60,00%	19.098.000.000	19.098.000.000	-	-
27	Công ty Cổ phần Dệt May Quảng Phú (ii)	35,57%	36,21%	71%	71%	63.900.000.000	63.900.000.000	-	-

Phụ lục 2

Các công ty con cấp 2 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trực tiếp		Giá trị đầu tư của công ty mẹ trực tiếp theo mệnh giá gốc khoản đầu tư VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn theo mệnh giá và giá gốc khoản đầu tư VND	
		31/12/2017	1/1/2017	31/12/2017	1/1/2017	31/12/2017	1/1/2017	31/12/2017	1/1/2017
Công ty con của Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc - Vinatex									
28	Công ty TNHH MTV Dệt 8-3	100%	100%	100%	100%	173.199.296.963	173.199.296.963	-	-
29	Tổng Công ty CP Dệt May Hà Nội	57,57%	57,57%	57,57%	57,57%	118.026.000.000	118.026.000.000	-	-
30	Công ty CP Vinatex Hồng Lĩnh	68,86%	68,86%	68,86%	68,86%	37.200.000.000	37.200.000.000	-	-

- (i) Các công ty này đã giải thể trong năm.
- (ii) Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại các công ty này giảm do tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại công ty mẹ trực tiếp của các công ty này là Tổng Công ty cổ phần Phong Phú giảm.
- (iii) Đây là công ty con được chuyển thành các công ty liên kết trong năm.

Phụ lục 3

Các công ty con cấp 3 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trực tiếp		Giá trị đầu tư của công ty mẹ trực tiếp theo mệnh giá và giá gốc khoản đầu tư VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn theo mệnh giá và giá gốc khoản đầu tư VND	
		31/12/2017	1/1/2017	31/12/2017	1/1/2017	31/12/2017	1/1/2017	31/12/2017	1/1/2017
Công ty con của Tổng Công ty CP Dệt May Hà Nội									
1	Cty CP Thời trang Hanosimex	37,42%	37,42%	65,00%	65,00%	5.850.000.000	5.850.000.000	-	-
2	Công ty CP Dệt May Hoàng Thi Loan	43,70%	43,70%	75,90%	75,90%	25.503.100.000	25.503.100.000	-	-
3	Công ty CP Thương mại Hải Phòng Hanosimex	29,40%	29,40%	51,07%	51,07%	5.107.000.000	5.107.000.000	-	-
4	Công ty CP May Halorexco	44,62%	44,62%	53,64%	53,64%	1.877.500.000	1.877.500.000	1.100.000.000	1.100.000.000
5	Công ty CP May Hải Phòng Hanosimex	34,67%	34,67%	50,00%	50,00%	1.250.000.000	1.250.000.000	500.000.000	500.000.000
6	Công ty TNHH MTV Hà Nam – Hanosimex	57,57%	57,57%	100%	100%	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-
7	Công ty CP Dệt Hà Đông Hanosimex	30,65%	30,65%	53,23%	53,23%	13.039.194.560	13.039.194.560	-	-
8	Công ty TNHH MTV Hà Đông Hà Nam (i)	-	30,65%	-	100%	-	12.000.000.000	-	-
9	Công ty CP Dệt kim Vinatex (ii)	77,27%	83,46%	60,51%	60,51%	22.992.000.000	22.992.000.000	15.008.000.000	15.008.000.000

(i) Công ty này đã giải thể trong năm.

(ii) Trong năm, Công ty TNHH Dệt 8-3 chuyển nhượng một số cổ phần tại Công ty cổ phần Dệt kim Vinatex cho Tổng Công ty cổ phần Dệt may Hà Nội, qua đó làm giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại Công ty cổ phần Dệt kim Vinatex.

Phụ lục 4

Các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Giá trị đầu tư theo mệnh giá VND	
		31/12/2017	1/1/2017	31/12/2017	1/1/2017
Công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam					
1	Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	27,69%	27,69%	50.400.000.000	50.400.000.000
2	Tổng Công ty May Đức Giang – CTCP (i)	35,20%	36,79%	25.277.683.200	22.740.680.000
3	Công ty CP May Hưng Yên	35,01%	35,01%	47.434.460.000	47.434.460.000
4	Công ty CP May Bình Minh	25,00%	25,00%	9.450.000.000	9.450.000.000
5	Công ty CP May Hữu Nghị (ii)	29,24%	29,24%	34.766.360.000	27.508.330.000
6	Công ty CP May Đồng Nai (ii)	25,70%	25,70%	28.049.772.960	15.331.680.000
7	Công ty CP Vinatex OJ	35,00%	35,00%	10.143.000.000	10.143.000.000
8	Công ty CP May Chiến Thắng	21,99%	21,99%	6.120.000.000	6.120.000.000
9	Công ty CP Vinatex Đà Nẵng	30,00%	30,00%	9.000.000.000	9.000.000.000
10	Công ty CP May Đáp Cầu	24,04%	24,04%	12.621.000.000	12.621.000.000
11	Công ty CP May Nam Định	30,00%	30,00%	3.600.000.000	3.600.000.000
12	Công ty TNHH May mặc Xuất khẩu Tân Châu	44,00%	44,00%	3.564.000.000	3.564.000.000
13	Công ty CP Tư vấn Xây dựng và Dịch vụ Đầu tư	23,46%	23,46%	610.000.000	610.000.000
14	Tổng Công ty CP May Việt Tiến (i)	30,40%	31,92%	134.059.200.000	134.059.200.000
15	Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	46,93%	46,93%	98.550.000.000	98.550.000.000
16	Tổng Công ty May 10 – CTCP (i)	33,80%	35,51%	63.921.240.000	63.921.240.000
17	Công ty CP Dệt May Viễn thông Sài Gòn Vina	30,00%	30,00%	85.346.535.875	85.346.535.875
18	Công ty CP Dệt May Liên Phương	30,77%	30,77%	95.877.720.000	95.877.720.000
19	Công ty CP Đầu tư Vinatex Tân Tạo	27,00%	27,00%	29.700.000.000	29.700.000.000
Công ty liên kết của Công ty 8-3					
20	Công ty CP Vinatex Quốc tế (iii)	49,00%	48,14%	49.000.000.000	48.500.000.000
Công ty liên kết của Tổng Công Ty CP Dệt may Nam Định					
21	Công ty CP May 1 Dệt Nam Định	22,45%	22,45%	2.007.500.000	2.007.500.000

Phụ lục 4

Các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Giá trị đầu tư theo mệnh giá VND	
		31/12/2017	1/1/2017	31/12/2017	1/1/2017
22	Công ty CP Đô thị Dệt May Nam Định (iv)	45,78%	49,92%	31.100.000.000	31.100.000.000

Công ty liên kết của Tổng Công ty CP Dệt May Hà Nội					
23	Công ty CP May Đông Mỹ Hanosimex	16,68%	16,68%	1.159.000.000	1.159.000.000
Công ty liên kết của Công ty CP Sợi Phú Bài					
24	Công ty CP Sợi Phú Bài 2	31,89%	31,89%	24.000.000.000	24.000.000.000
Công ty liên kết của Công ty CP Hòa Thọ - Quảng Nam					
25	Công ty CP May Hòa Thọ - Phú Ninh	17,69%	17,69%	8.500.000.000	8.500.000.000
Công ty liên kết của Tổng Công ty CP Phong Phú					
26	Công ty TNHH Coats Phong Phú (iv)	17,86%	18,18%	106.691.335.644	106.691.335.644
27	Công ty CP đầu tư phát triển Phong Phú (v)	-	13,73%	-	50.000.000.000
28	Công ty CP đầu tư phát triển nhà và đô thị HUD Sài Gòn (iv)	10,77%	10,97%	10.000.000.000	10.000.000.000
29	Công ty CP May Đà Lạt (iv)	20,04%	20,40%	4.231.000.000	4.231.000.000
30	Công ty TNHH Xây dựng Phong Đức (v)	-	17,85%	-	3.500.000.000
31	Công ty CP Phát triển Nhà Phong Phú - Daewoon - Thủ Đức (iv)	22,05%	24,30%	144.596.306.997	144.586.200.608
32	Công ty CP Phát triển Phong Phú Lăng Cô (v)	-	19,59%	-	7.299.000.000
33	Công ty CP Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú (iv)	19,74%	24,22%	8.011.203.600	8.011.203.600
34	Công ty CP May Gia Phúc (v)	-	12,75%	-	5.000.000.000
35	Công ty CP Đầu tư Phong Vân (iv)	23,97%	24,40%	18.994.120.000	18.994.120.000
36	Công ty TNHH Linen Supply Services (vi)	10,02%	-	6.366.000.000	-

- (i) Trong năm, các công ty liên kết này đã phát hành thêm cổ phiếu cho các cổ đông khác, qua đó làm giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại các công ty này.
- (ii) Trong năm, các công ty liên kết này đã phát hành thêm cổ phiếu cho Tập đoàn và các cổ đông khác nhưng không làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại các công ty này.

Phụ lục 4

Các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (iii) Trong năm, Công ty cổ phần Vinatex Quốc Tế đã phát hành thêm cổ phiếu cho Tập đoàn, qua đó làm tăng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn.
- (iv) Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết này giảm do tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại công ty mẹ trực tiếp của các công ty này là Tổng Công ty cổ phần Phong Phú giảm.
- (v) Đây là các công ty liên kết được thanh lý trong năm.
- (vi) Đây là công ty con được chuyển thành công ty liên kết trong năm.

